

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÊ VŨ PHƯƠNG**

**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN
MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG
HIỆN NAY**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÊ VŨ PHƯƠNG**

**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110

Người hướng dẫn khoa học:

TS. TRẦN ĐÌNH LÝ

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài luận văn tốt nghiệp và người hướng dẫn năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản bảo vệ Chuyên đề của ngành Quản lý kinh tế vào ngày 16/02/2019;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ và người hướng dẫn Cao học năm 2019 cho:

Học viên : **Lê Vũ Phương**

MSHV: 1881424

Ngành : **Quản lý kinh tế**

Tên đề tài : **Giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay**

Người hướng dẫn : **TS. Trần Đình Lý**

Thời gian thực hiện: **Từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/8/2019**

Điều 2. Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, phòng Đào tạo, các Khoa quản ngành cao học và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SĐH (3b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
KỶ HUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS. TS. Lê Hiếu Giang

BIÊN BẢN CHẤM LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NĂM 2019

NGÀNH: Quản lý kinh tế KHÓA 2018-2020

Hội đồng chấm LVTN theo QĐ số: 2168/QĐ-DHSPKT-SDH, ngày 09/10/2019

Có mặt : *BT* Vắng mặt : 0

Chủ tịch Hội đồng : TS. Trần Đăng Thịnh

Thư ký Hội đồng : TS. Phạm Xuân Thu

Học viên bảo vệ LVTN : Lê Vũ Phương

MSHV: 1881424

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Đình Lý

Giảng viên phản biện : TS. Nguyễn Giác Trí

TS. Trần Đức Lập

Tên đề tài LVTN : **GIẢI PHÁP BẢO MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUỖN CHÁU PHỐ, TỈNH AN GIANG MIỀN NAM**

I. KẾT QUẢ BẢO VỆ:

TT	Thành viên hội đồng	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1	TS. Trần Đăng Thịnh	6,9	<i>[Signature]</i>
2	TS. Phạm Xuân Thu	6,7	<i>[Signature]</i>
3	TS. Nguyễn Giác Trí	6,8	<i>[Signature]</i>
4	TS. Trần Đức Lập	7,0	<i>[Signature]</i>
5	TS. Đặng Quang Vãng	6,9	<i>[Signature]</i>
Tổng điểm		34	
Điểm trung bình		6,8	

II. KẾT LUẬN:

(Thư ký hội đồng ghi rõ các ý kiến của thành viên hội đồng về việc chính xác, bổ sung những nội dung gì trong LVTN)

Chính xác. Đề tài thu góp ý của hội đồng

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

[Signature]

TS. Trần Đăng Thịnh

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

[Signature]

TS. Phạm Xuân Thu



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sĩ: **GIẢI PHÁP MẠCH MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY**

Tên tác giả: **Lê Văn Phương**

MSHV: **1881424**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Trần Đức Lập**

Chức danh:

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: .

Điện thoại liên hệ:

L Y KIẾN NHẬN XÉT

1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

Đạt yêu cầu

2. Về nội dung

2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khác biệt trong luận văn.

Nội dung trình bày logic, rõ ràng, các bộ phận có liên quan đến mục tiêu nghiên cứu

2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Đạt yêu cầu

2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

Rõ ràng

2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.

Đạt yêu cầu.

Tuy nhiên cần bổ sung thêm các tài liệu nghiên cứu liên quan

2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

Đạt yêu cầu.

Giải pháp mang tính sáng tạo, thiết thực về khoa học

2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo

2.7 Luận văn cần chi tiết sâu, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).

Viết ngắn gọn lại, tập trung vào cơ sở giải pháp

II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ
(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

III. BẢNG GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính logic học, rõ ràng, mạch lạc, không chệch trọng tâm		X
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	X	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	X	
4	Tổng quan của đề tài.	X	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	X	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	X	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn đánh giá

IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phản biện ghi rõ ý kiến "Tốt thành luận văn" hay "Không nên thành luận văn")

Bảng ý cho báo vệ

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét

Đỗ Thị Ngọc Bích

TS. Trần Đức Lập



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Dành cho giảng viên phân biện)

Tên đề tài luận văn thạc sĩ: **GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY**

Tên tác giả: **Lê Văn Phương**

MSSNV: **1801424**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phân biện: **TS. Nguyễn Giác Trí**

Chức danh: **Giảng viên**

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường ĐH Đồng Tháp**

Điện thoại liên hệ: **0907.814584**

I. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

Hình thức trình bày đúng quy định và kết cấu luận văn 3 chương và nội dung chi tiết từng chương phù hợp.

2. Về nội dung

2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khác biệt trong luận văn.

Nội dung các phần trình bày rõ ràng và có dữ liệu minh chứng.

2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NCKT của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật về bản trí tuệ.

Trong luận văn tác giả có trích dẫn một số nội dung của nghiên cứu trước. Đối với việc trích dẫn tác giả tuân thủ quy định.

2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

• Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể

• Phương pháp nghiên cứu: phù hợp

2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.

Trong luận văn này, tác giả đã tập trung phân tích thực trạng về việc xây dựng nông thôn mới, xác định được những nguyên nhân dẫn đến đạt được những thành tích, cũng như chỉ ra được nguyên nhân (khách quan và chủ quan) trên cơ sở đó tác giả đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh xây dựng Nông Thôn Mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu đã đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu đặt ra. Với việc dựa trên cơ sở lý thuyết và phương pháp tiếp cận phù hợp kết quả nghiên cứu mang lại đạt độ tin cậy.

2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

Nội dung nghiên cứu đạt được mục tiêu đề ra

2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Đề tài có khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết yếu và cần tại).

Không ghi học hàm, học vị trong tài liệu tham khảo, chỉnh sửa một số lỗi chính tả, một số biểu bảng cần trích nguồn

II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

Theo tác giả thì cần nào tác giả cho là ảnh hưởng lớn nhất đến việc xây dựng Nông thôn mới ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang?. Để khắc phục điều này, giải pháp của tác giả là gì?

III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	x	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phải nêu ghi rõ ý kiến "Tốt thành luận văn" hay "Không tốt thành luận văn")

Đồng ý cho bảo vệ

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét

(Ký & ghi rõ họ tên)


TS. Nguyễn Giác Trí



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ
(Dành cho giảng viên hướng dẫn)

Tên đề tài: **GIẢI PHÁP ĐÁY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI
HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY**

Họ & tên tác giả: **Lê Vũ Phương**

MSHV: **1881424**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ & tên người hướng dẫn (học hàm, học vị): **TS. Trần Đình Lý**

Cơ quan công tác: **ĐH NÔNG LÂM TP.HCM**

Điện thoại liên hệ: **0903734877**

PHẦN NHẬN XÉT

1. Nhận xét về tinh thần, thái độ làm việc và nghiên cứu của học viên.

Học viên rất chịu khó thực hiện đề tài. Tinh thần, thái độ nghiêm túc, tích cực.
Sự chủ động của học viên khá tốt.

2. Nhận xét về kết quả thực hiện của luận văn

2.1 Ưu & nhược điểm.

- Đề tài mang tính thực tiễn cao, có khả năng áp dụng và nhân rộng cho các địa phương khác

2.2 Điểm mới/giá trị thực của đề tài.

Hệ thống hoá cơ sở lý thuyết và thực tiễn về lĩnh vực xây dựng nông thôn mới, có hàm lượng khoa học cao.

2.3 Những tồn tại (nếu có).

- Nếu có thêm các mô hình tham khảo khác để đối sánh sẽ có giá trị thực tiễn cao hơn.

KẾT LUẬN

Đề tài đạt yêu cầu và đáp ứng các mục tiêu đề ra. Đề nghị cho tác giả báo cáo kết quả nghiên cứu của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký & ghi rõ họ tên)

TS. Trần Đình Lý

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh & học viên cao học)

Dán hình
3x4 & đóng
mộc giáp lại
hình

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ & tên: LÊ VŨ PHƯƠNG Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 27/12/1979 Nơi sinh: huyện Châu Phú, An Giang

Quê quán: Tà Keo, Camfuchia. Dân tộc: khmer.

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi học tập, nghiên cứu: Công chức Văn phòng
– Thống kê xã.

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 126/5 ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung,
huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Điện thoại cơ quan: Điện thoại nhà riêng: 0984.000.766

Fax: E-mail: levuphuong1979@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo: Chính qui Thời gian đào tạo từ 10/2011 đến 05/2014

Nơi học (trường, thành phố): Trường trung học Thủy sản TP Hồ Chí Minh

Ngành học: Kế toán doanh nghiệp

2. Trung cấp Lý luận chính trị:

Hệ đào tạo: Chính qui Thời gian đào tạo từ 03/2014 đến 03/2015

Nơi học (trường, thành phố): Trường Chính trị Tôn Đức Thắng

Ngành học: Trung cấp Chính trị - Hành chính

3. Đại học:

Hệ đào tạo: Từ xa Thời gian đào tạo từ 10/2011 đến 05/2014

Nơi học (trường, thành phố): Trường Đại học Trà Vinh

Ngành học: Luật

Tên đề án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp: Cơ sở ngành Quản lý nhà nước & pháp luật; Chuyên ngành luật dân sự

Ngày & nơi bảo vệ đề án, luận án hoặc thi tốt nghiệp: 17/3/2018

Người hướng dẫn:

4. Thạc sĩ:

Hệ đào tạo: Chính qui

Thời gian đào tạo từ 10/2018 đến 04/2020

Nơi học (trường, thành phố):

Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật

Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngành học: Quản lý kinh tế

Tên luận văn:

***Giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại
huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay.***

Ngày & nơi bảo vệ luận văn: 27/10/2019, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật
Thành Phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn: TS. Trần Đình Lý

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ): Anh văn, B1

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2018 đến nay	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	Công chức Văn phòng-Thống kê ủy ban nhân dân

Ngày 27 tháng 10 năm 2019

Người khai ký tên

Lê Vũ Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

Tác giả luận văn

Lê Vũ Phương

LỜI CẢM ƠN

Sau thời gian học tập và hoàn thành nghiên cứu này, tôi xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, Phòng Sau đại học, Khoa Kinh tế và quý thầy, cô trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập tại trường.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Thầy hướng dẫn khoa học - Tiến sĩ Trần Đình Lý, giáo viên hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu. Thầy đã chỉ bảo và hướng dẫn tận tình cho tôi những kiến thức lý thuyết và thực tế cũng như các kỹ năng trong khi viết bài để tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu với kết quả tốt nhất.

Tôi vô cùng biết ơn Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, UBND huyện Châu Phú, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Phú, UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, UBND xã Khánh Hòa, UBND xã Mỹ Đức cùng gia đình đã tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian qua.

Tôi xin chân thành cảm ơn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Phú và các hộ dân tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian thu thập các số liệu nghiên cứu.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

Tác giả luận văn

Lê Vũ Phương

TÓM TẮT

Cho đến nay, khu vực nông thôn nước ta vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Tuy nhiên, một số vùng nông thôn Việt Nam đến nay vẫn chưa thực sự có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất, vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân còn rất nhiều khó khăn. Do đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu được Đảng và Nhà nước đặt ra trong quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là phải xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển nông thôn thịnh vượng và bền vững.

Quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thời gian qua tuy đã đạt được những thành quả nhất định, nhưng vẫn còn những nội dung chưa thực hiện tốt. Vì vậy, tác giả thực hiện Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế với đề tài ***“Giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay”*** nhằm đề xuất các giải pháp phù hợp để đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay.

Để đạt được mục tiêu đó, tác giả đã nghiên cứu khá nhiều các tài liệu, các sách, các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Dựa trên quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông thôn, nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Luận văn kết hợp sử dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học đặc thù của kinh tế chính trị Mác-Lênin và một số phương pháp khác như: Phương pháp phân tích thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp chuyên gia... để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể là: Hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn mô hình nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay; phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú tỉnh, An Giang.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và phân tích, đánh giá thực trạng, Luận văn đề xuất bảy giải pháp cơ bản, phù hợp để đẩy mạnh thực hiện thành công xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay, cụ thể là:

- (1) Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động;
- (2) Giải pháp về huy động và sử dụng các nguồn vốn;
- (3) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;
- (4) Giải pháp về phát triển nguồn lực thông tin;
- (5) Giải pháp về phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế;
- (6) Giải pháp phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng;
- (7) Giải pháp về tăng cường sự quản lý điều hành của chính quyền.

Những kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ cung cấp các cơ sở khoa học cho Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả hơn việc xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang trong thời gian tới. Đồng thời, kết quả nghiên cứu này có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong triển khai xây dựng nông thôn mới ở các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

ABSTRACT

Up to now, rural areas in our country have always occupied an important position in the economy. However, some rural areas in Vietnam so far have not really had strong changed remarkably in both quantity and quality. They have still been in backward, small production, low labor productivity. As a result, the material and spiritual life of farmers is still suffering from many difficulties. Therefore, one of the most important tasks set by the Party and the State in the process of implementing the industrialization and modernization process of the country is to build a New Rural for prosperous and sustainable rural development.

The process of building a new rural in Chau Phu district, An Giang province in the past has achieved certain achievements, but actually some rural operations have not been implemented well. Therefore, the author carries out the (Master) thesis (in Economic Management) with the topic "Solutions to promote the building New Rural in Chau Phu district, An Giang province" with an aim to give appropriate solutions to promote New rural construction in Chau Phu district, An Giang province .

In pursuing to achieve that goal, the author has studied many documents, books, and research papers related to the topic.

Based on the Marxism-Leninism's theoretical viewpoint, Ho Chi Minh's thought, the views and policies of the Party and the State on rural areas, new rural, new rural construction, on the basis of the methodology of dialectical materialism and historical materialism, the thesis combines the scientific research methodology particular to Marxist-Leninist political economy and other methods such as: Statistical Analysis, Comparison methods, Analysis and Synthesis, expert methods... to perform the research with aim to: Systematize theoretical basis issues and practice of new rural model and new rural construction programme in our country today; analyze and evaluate the current status of new rural construction in Chau Phu district, An Giang province.

From the results of theoretical and analytical research, assessment of the current situation, the thesis proposes seven basic and appropriate solutions in promoting the successful implementation of new rural construction programmes in Chau Phu district, An Giang province at present, concretely on:

- (1) Propaganda and mobilization;
- (2) Mobilize and use capital sources;
- (3) Human resource development;
- (4) Developing information resources;
- (5) Economic development and economic restructuring;
- (6) Develop infrastructure systems;
- (7) Strengthening operation and administration of local leaders.

The research results of the thesis will provide scientific basis for the Steering Committee of the National Target Program on building a New countryside in Chau Phu District, An Giang Province, thereby contributing to more effective implementation for new rural construction in Chau Phu district, An Giang province in the coming time. The results of this study can also be used as a reference in implementing new rural construction programmes in other localities of the province the provinces as well.

MỤC LỤC

TRANG TỰA	TRANG
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI	
LÝ LỊCH KHOA HỌC.....	i
LỜI CAM ĐOAN	iii
LỜI CẢM ƠN	iv
TÓM TẮT	v
MỤC LỤC.....	ix
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	xi
DANH SÁCH BẢNG	xiii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài	3
3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	6
4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài	6
5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	6
6. Phương pháp luận nghiên cứu của đề tài.....	7
7. Đóng góp của luận văn.....	7
8. Kết cấu của luận văn.....	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.....	8
1.1. Tổng quan về nông thôn, nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới.	8
1.1.1. Tổng quan về nông thôn.....	8
1.1.2. Tổng quan về nông thôn mới.	9
1.1.3. Xây dựng nông thôn mới	11
1.2. Sự cần thiết và mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú tỉnh, An Giang giai đoạn 2019 -2022.	19
1.2.1. Sự cần thiết xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	19
1.2.2. Mục tiêu xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	21

1.3. Kinh nghiệm xây dựng NTM của một số huyện và bài học kinh nghiệm ..	22
1.3.1. Kinh nghiệm của một số huyện về xây dựng nông thôn mới	22
1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho huyện xây dựng nông thôn mới	32
Kết luận Chương 1	33
Chương 2: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2018.....	34
2.1. Tổng quan về huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	34
2.1.1. Điều kiện tự nhiên huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	34
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.	35
2.2. Thực trạng xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	40
2.2.1. Kết quả xây dựng xã nông thôn mới đến năm 2018 của các xã	40
2.2.2. Kết quả xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2018.	51
2.2.3. Nhận xét đánh giá thực trạng	59
Kết luận Chương 2	67
Chương 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY.....	68
3.1. Quan điểm cơ bản.	68
3.2. Đề xuất các giải pháp	70
3.2.1. Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động.	70
3.2.2. Giải pháp về huy động và sử dụng các nguồn vốn.	73
3.2.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.	75
3.2.4. Giải pháp về phát triển nguồn lực thông tin.....	77
3.2.5. Giải pháp về phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	78
3.2.6. Giải pháp phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.....	80
3.2.7. Giải pháp về tăng cường sự quản lý điều hành của chính quyền.....	83
Kết luận Chương 3	85
KẾT LUẬN	86
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88
PHỤ LỤC	92

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1	BCĐ	Ban Chỉ đạo
2	BCH	Ban chấp hành
3	BGDĐT	Bộ giáo dục đào tạo
4	BKHĐT	Bộ kế hoạch đầu tư
5	BNNPTNT	Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn
6	BTC	Bộ tài chính
7	CNH-HĐH	Công nghiệp hóa-hiện đại hóa
8	CT. MTQG	Chương trình mục tiêu quốc gia
9	CTr/TU	Chương trình/Tỉnh ủy
10	DN	Doanh nghiệp
11	HĐQT	Hội đồng quản trị
12	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
13	NĐ-CP	Nghị định - Chính Phủ
14	NSNN	Ngân sách Nhà nước
15	NTM	Nông thôn mới
16	NXB	Nhà xuất bản
17	NQ/TW	Nghị quyết/Trung Ương
18	PGS	Phó giáo sư.
19	QĐ-TTg	Quyết định – Thủ tướng
20	QĐ-UBND	Quyết định-Ủy ban nhân dân
21	SX-KD	Sản xuất - Kinh doanh
22	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
23	TS	Tiến sĩ
24	TW	Trung ương
25	UBND	Ủy ban nhân dân

26	THCS	Trung học cơ sở
27	XHCN	Xã hội chủ nghĩa
28	THPT	Trung học phổ thông
29	VPĐP	Văn phòng điều phối
30	TT	Thông tư
31	TTLT	Thông tư liên tịch
32	TFP	Năng suất các nhân tố tổng hợp
33	XD	Xây dựng

DANH SÁCH BẢNG

BẢNG	TRANG
Bảng 2.1. Đánh giá tổng hợp tình hình thực hiện các tiêu chí xây dựng xã NTM của các xã thuộc huyện Châu phú đến năm 2018.....	40
Bảng 2.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí huyện NTM.....	51

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cho đến nay, khu vực nông thôn nước ta vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế, nông thôn là nơi cung cấp lực lượng lao động quan trọng cho xã hội, là nơi cung cấp nguyên liệu và là thị trường to lớn tiêu thụ hàng hóa cho ngành công nghiệp, là nơi cung cấp lương thực thực phẩm cho tiêu dùng xã hội và hàng hóa nông sản xuất khẩu.

Ngày 27/11/2018 ở Hà Nội, tại hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết 10 năm (2008 – 2017) thực hiện Nghị quyết TW 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh có tới 70% dân số sinh sống và hơn 48% lao động làm việc ở khu vực nông thôn. Nhiều nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng khu vực nông thôn nước ta vẫn đang là khu vực rộng lớn và đông dân nhất, rất đa dạng về thành phần tộc người và về văn hóa, là nơi lưu giữ và bảo tồn các phong tục, tập quán của cộng đồng. Khu vực nông thôn đóng góp một phần quan trọng trong tổng thu nhập quốc dân cả nước.

Trong những năm qua, KT-XH nước ta đã phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nhìn chung, một số vùng nông thôn Việt Nam đến nay vẫn chưa thực sự có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất, trình độ phát triển thấp, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân còn rất nhiều khó khăn, mức tiết kiệm của các hộ gia đình ở nông thôn rất thấp, thậm chí nhiều hộ không có tiết kiệm, tỷ lệ thất nghiệp cao,... Vì vậy, trong quá trình thực hiện sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu được Đảng và Nhà nước xác định là phải xây dựng NTM nhằm phát triển nông thôn bền vững; để người dân có được cuộc sống sung túc, hạnh phúc, đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao; diện mạo nông thôn sạch đẹp, thôn xóm khang trang, văn minh; quản lý nông thôn dân chủ; dân cư nông thôn được tiếp cận và thụ hưởng nền SX phát triển.

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-

2020; Các Quyết định của UBND tỉnh An Giang (Quyết định số 3310 ngày 21/11/2016, Quyết định số 3379 ngày 28/11/2016, Quyết định số 2548 ngày 24/8/2017, Quyết định số 1005 ngày 08/5/2018,...), Đại hội Đảng bộ Huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã ban hành Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020 với mục tiêu chung là: “Xây dựng cộng đồng xã hội văn minh, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện; cơ cấu kinh tế hợp lý;... ; Xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; Hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao”. Mục tiêu cụ thể là: “Cuối năm 2018 có sáu (06) xã đạt chuẩn NTM, sáu (06) xã còn lại đạt từ 9 tiêu chí và 36 chỉ tiêu trở lên. Đến năm 2022, có 100% số xã đạt chuẩn NTM và huyện đạt chuẩn huyện NTM”.

Quá trình triển khai thực hiện mục tiêu đạt chuẩn NTM ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã có những khó khăn và thuận lợi nhất định.

Về thuận lợi: Bộ máy tổ chức xây dựng NTM ở các cấp được kiện toàn và hoàn thiện, hoạt động ngày càng hiệu quả hơn; nhận thức, ý thức của cán bộ, đảng viên và người dân về xây dựng NTM ngày càng được nâng cao; các lĩnh vực chính trị, văn hóa xã hội đều có sự chuyển biến khá tốt.

Về khó khăn: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng NTM còn lúng túng, việc định hướng phát triển SX, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, việc tổ chức triển khai nhân rộng mô hình còn hạn chế, việc huy động đủ các nguồn lực nhằm đảm bảo xây dựng đạt từng tiêu chí NTM thực sự là cuộc cách mạng sâu rộng của cả hệ thống chính trị và của từng người dân.

Nhìn chung, quá trình xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thời gian qua tuy đã đạt được những thành quả nhất định, nhưng vẫn còn những nội dung chưa thực hiện tốt. Vì vậy, tác giả chọn đề tài **“Giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay”** làm đề tài luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành quản lý kinh tế là việc làm hữu ích và thiết thực nhằm đẩy mạnh thực hiện thành công xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Xây dựng NTM là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự chung tay góp sức của cả hệ thống chính trị, các lực lượng xã hội và của mỗi người dân. Theo tìm hiểu của tác giả thì đã có nhiều những công trình nghiên cứu về vấn đề này như:

- Trong công trình nghiên cứu: “Phát triển nông thôn” (1997), Phạm Xuân Nam và cộng sự đã phân tích sâu một số nội dung phát triển KT-XH ở nông thôn ở nước ta; phân tích những mặt đạt được và chỉ ra các tồn tại, yếu kém trong phát triển nông thôn ở nước ta, từ đó, tác giả đưa ra các giải pháp về hệ thống chính sách và cách chỉ đạo thực hiện của Nhà nước để phát triển nông thôn Việt Nam [28].

- Trong công trình nghiên cứu “Chính sách nông nghiệp, nông thôn sau Nghị quyết X của Bộ Chính trị” (1998), Lê Đình Thắng và cộng sự đã phân tích các nội dung quan trọng liên quan tác động đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta như hệ thống chính sách về đất đai, hệ thống chính sách về phân phối [37].

- Với công trình đã nghiên cứu “*Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*” (2003), Nguyễn Sinh Cúc đã nghiên cứu rất công phu, phân tích thuyết phục về nông nghiệp Việt Nam sau gần 20 năm đổi mới; cung cấp hệ thống tư liệu về phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta như là một Niên giám thống kê nông nghiệp thu nhỏ; luận giải rõ những thành tựu và những vấn đề đặt ra của quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách nông nghiệp, nông thôn nước ta trong những năm đổi mới; gợi mở về những vấn đề cần giải quyết của phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta như đầu tư, phân hóa giàu nghèo, nâng cao khả năng cạnh tranh, xuất khẩu nông sản đã được tác giả lý giải với nhiều luận cứ có tính thuyết phục [7].

- Công trình nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước: “Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển kinh tế- xã hội NTM, kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại” (2004) của Vũ Trọng Khải và cộng sự. Đây là một công trình nghiên cứu công phu về mô hình phát triển của nông thôn Việt Nam [24].

- Với Đề tài “Nghiên cứu hệ thống giải pháp phát triển mô hình NTM”, thời gian thực hiện 2006-2007, Hoàng Trung Lập đã khảo sát, nghiên cứu, so sánh sự khác nhau giữa các chỉ tiêu cơ bản của 04 xã NTM vùng Duyên hải Nam trung bộ

và 04 xã lân cận tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận; Khảo sát 4 xã NTM và 4 xã kế cận để so sánh tại Bình Dương, Tây Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai; Xác định những đặc điểm cơ bản mà các mô hình NTM vùng đồng bằng, vùng trung du, vùng miền núi làm cơ sở xác định chỉ tiêu xây dựng mô hình NTM: về cơ sở hạ tầng, SX nông nghiệp và những tồn tại [27].

- Phan Xuân Sơn và cộng sự (2009) với bài viết: “*Xây dựng mô hình NTM ở nước ta hiện nay*” đã tập trung nghiên cứu ba vấn đề cơ bản: một là, nông thôn Việt Nam trước yêu cầu mới; hai là, phác họa những tiêu chí của mô hình NTM; và ba là, bàn về những nhân tố chính của mô hình NTM. Tác giả cho rằng: trong thực hiện xây dựng NTM, Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành, Nhân dân tự nguyện tham gia và chủ động trong thực thi [34].

- Với đề tài cấp nhà nước “*Vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam trong quá trình phát triển đất nước*” (2010). Chủ nhiệm đề tài, Nguyễn Danh Sơn, đã nghiên cứu, phân tích sâu vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa khi đất nước đang trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tác giả đã làm rõ mục tiêu, con đường phát triển nông thôn toàn diện, hài hòa theo hướng hiện đại, giải quyết mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, thành thị và nông thôn ở nước ta hiện nay [33].

- Hà Thị Giang, với đề tài Luận văn Thạc sĩ trường Đại học Kinh Tế Quốc dân năm 2011 “*Một số giải pháp xây dựng NTM huyện Gia Lâm-thành phố Hà Nội theo hướng đô thị hóa*”, đã nghiên cứu, làm rõ các vấn đề liên quan đến NTM, đô thị hóa nông thôn và bộ tiêu chí NTM. Tác giả đánh giá thực trạng, đưa ra những giải pháp xây dựng NTM tại huyện Gia Lâm [20].

- Hồ Xuân Hùng: “*Xây dựng NTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta*”. Tác giả đã phân tích và luận giải nội dung nông thôn và NTM XHCN Việt Nam thể hiện ở ba chức năng: chức năng về sản xuất nông nghiệp, chức năng gìn giữ bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc và chức năng bảo đảm môi trường sinh thái. Qua nghiên cứu, phân tích, tác giả đã chỉ ra biện pháp và điều kiện thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM trong giai đoạn hiện nay [22].

- Với Luận văn Thạc sĩ trường Đại học Nông nghiệp Hà nội năm 2011, đề tài “Giải pháp đẩy mạnh xây dựng NTM trên địa bàn huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An”, tác giả Phan Đình Hà đã tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng xây dựng NTM ở huyện Thanh Chương và đưa ra phương hướng, giải pháp nhằm đẩy mạnh xây dựng NTM tại huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An [21].

- Phạm Khắc Sáu, trường Đại học Kinh Tế Quốc dân Hà nội (2012), với đề tài “Thực trạng, giải pháp xây dựng NTM tại xã Đồng Hóa-huyện Kim Bảng giai đoạn 2011 – 2015”, đã trình bày các cơ sở khoa học về xây dựng NTM, đã phân tích, đánh giá thực trạng và những thuận lợi và khó khăn trong quá trình xây dựng NTM tại xã Đồng Hóa-huyện Kim Bảng và đã đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng và phát triển NTM tại xã Đồng Hóa-huyện Kim Bảng [32].

- Đoàn Phạm Hà Trang với bài viết: “*Xây dựng NTM: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*”. Tác giả khẳng định, quy hoạch xây dựng NTM phải theo một quy hoạch tổng thể từ trên xuống, đề quy hoạch của các cấp phải nằm trong chính thể toàn quốc, khu vực, địa phương. Tác giả cho rằng: nguồn vốn để thực hiện tốt chương trình có thể huy động bằng nhiều cách khác nhau theo phương châm phát huy nội lực là chính [45].

- Phạm Khắc Dũng, trường Đại học Thái Nguyên (2012), với đề tài “Giải pháp xây dựng và phát triển NTM của huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Cạn”, đã đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, KT-XH, những thuận lợi và khó khăn trong quá trình xây dựng NTM tại huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Cạn, phân tích các cơ sở khoa học về xây dựng NTM, và đã đưa ra những giải pháp chủ yếu xây dựng và phát triển NTM tại huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Cạn [10].

- Hoàng Sỹ Kim, với Đề tài nghiên cứu cấp Bộ năm 2013 “Thực trạng xây dựng NTM và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước”, đã tập trung nghiên cứu, phân tích, làm rõ thực trạng quá trình xây dựng NTM ở nước ta từ năm 2009 đến nay, phát hiện các vấn đề cần phải giải quyết và đề xuất các nhóm giải pháp giải quyết các vấn đề về quản lý nhà nước trong xây dựng nông thôn [25].

- Trần Minh Yên, với cuốn sách “Xây dựng NTM. Khảo sát và đánh giá”, đã khảo sát trực tiếp tại 3/11 xã ở nhiều vùng miền khác nhau. Từ kết quả khảo sát, tác

giả đánh giá kết quả đạt được trong XDNTM ngoài sự tác động từ nhiều yếu tố khách quan thì không thể không đề cập đến vai trò của nông dân [51].

Tóm lại, đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu của nhiều tác giả về nông thôn và NTM ở nhiều góc độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan điểm và các giải pháp cụ thể xây dựng NTM. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình khoa học nghiên cứu một cách hoàn chỉnh và có hệ thống về xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang được công bố. Do vậy, đề tài luận văn không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục tiêu chung

Đề tài nghiên cứu thực trạng xây dựng NTM nhằm đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ cụ thể

Các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể bao gồm:

- Hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn mô hình NTM và xây dựng NTM ở nước ta hiện nay.
- Phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng NTM tại huyện Châu Phú tỉnh, An Giang hiện nay.
- Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay.

4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, trong đó tập trung nghiên cứu sâu về việc xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang dưới góc độ quản lý kinh tế.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Phạm vi về nội dung: đề tài tập trung nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Phạm vi về không gian: Đề tài tiến hành điều tra, nghiên cứu việc xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và một số huyện thuộc tỉnh An Giang.

- Phạm vi về thời gian: Đề tài tiến hành điều tra, nghiên cứu việc xây dựng NTM trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và một số huyện thuộc tỉnh An Giang đến năm 2018, từ đó, đề xuất định hướng và giải pháp đẩy mạnh xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay.

6. Phương pháp luận nghiên cứu của đề tài

6.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là hệ thống những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông thôn, NTM, xây dựng NTM.

6.2. Phương pháp luận nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của kinh tế chính trị Mác- Lênin và một số phương pháp khác như: Phương pháp phân tích thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp chuyên gia.

7. Đóng góp của luận văn

- Đề tài nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả hơn việc xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang trong thời gian tới.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo triển khai xây dựng NTM ở các địa phương xây dựng NTM trong và ngoài tỉnh.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Chương 2: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2018

Chương 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. Tổng quan về nông thôn, nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới.

1.1.1. Tổng quan về nông thôn.

Có khá nhiều công trình nghiên cứu về nông thôn, trong đó mỗi nghiên cứu nhìn nhận nông thôn ở một góc độ khác nhau, có thể khái quát như sau:

- Nông thôn là vùng khác với thành thị, ở đó một cộng đồng chủ yếu là nông dân sống và làm việc, có mật độ dân cư thấp, có kết cấu hạ tầng kém phát triển hơn, có trình độ dân trí, trình độ tiếp cận thị trường và SX hàng hóa kém hơn [29, tr.28]

- Nông thôn là một khu vực kinh tế, là các địa bàn có SX nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn [33, tr.24].

- “Nông thôn là vùng sinh sống của tập hợp cư dân, trong đó có nhiều nông dân. Tập hợp cư dân này tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường trong một thể chế chính trị nhất định và chịu ảnh hưởng của các tổ chức khác” [8, tr.11].

- Dưới góc độ quản lý kinh tế, theo tác giả, *nông thôn là một hệ thống xã hội nhỏ, là các địa bàn có SX nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, kết cấu hạ tầng và SX hàng hóa kém phát triển, mật độ dân cư thấp trong đó đa số nông dân, được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là UBND xã.*

Nói chung, từ năm 2009 trở về trước, chưa có một khái niệm chính thức thống nhất về nông thôn. Đến nay, khái niệm nông thôn được thống nhất là: “Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là UBND xã” [3, Điều 1 phần I].

Với khái niệm đã nêu trên, nông thôn có bốn đặc trưng cơ bản là:

- Một là, về kết cấu cộng đồng dân cư: đa số người sinh sống và làm việc ở nông thôn là nông dân, các tầng lớp xã hội còn lại khác như tiểu thương, thợ thủ công, địa chủ, phú nông.v.v...chiếm thiểu số;

- Hai là, về kết cấu hạ tầng, lĩnh vực hoạt động SX-KD, thu nhập và đời sống: nông thôn có kết cấu hạ tầng và SX hàng hóa kém phát triển. Hoạt động SX, KD

chủ yếu ở nông thôn là hoạt động SX nông nghiệp. Vì vậy, nông thôn chịu sức hút của thành thị về nhiều mặt. Bên cạnh đó, đời sống, trình độ văn hoá, khoa học công nghệ ở nông thôn thấp hơn thành thị và ngay cả trình độ dân chủ, tự do, công bằng xã hội trong một chừng mực nào đó cũng thấp hơn thành thị. Dân cư nông thôn thường hay đổ về thành thị để kiếm việc làm và tìm cơ hội sống tốt hơn [29, tr.29].

- *Ba là về lối sống văn hóa*: lối sống văn hóa ở nông thôn thường là lối sống văn hóa của cộng đồng làng xã.

- *Bốn là, tính đa dạng về tiềm năng tài nguyên thiên nhiên*: nông thôn giàu tiềm năng tài nguyên thiên nhiên như đất đai, nguồn nước, khí hậu..., đa dạng về kinh tế, xã hội, đa dạng về các hình thức tổ chức quản lý, đa dạng về quy mô và trình độ phát triển. Tính đa dạng đó không chỉ diễn ra ở các nước khác nhau mà ngay ở các vùng nông thôn khác nhau của mỗi nước. Điều đó có ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng khai thác tài nguyên và các nguồn lực để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững [29, tr.30].

Nông thôn có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế, cụ thể là [29]:

- Nông thôn là nơi cung cấp lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội.
- Nông thôn là nơi cung cấp nguyên vật liệu cho ngành công nghiệp, dịch vụ, cung cấp hàng hóa cho xuất khẩu, tạo điều kiện tích lũy một phần vốn cho đất nước.
- Nông thôn là thị trường rộng lớn tiêu thụ các sản phẩm của ngành công nghiệp và dịch vụ.
- Nông thôn là nơi cung cấp sức lao động cho thành thị và các ngành SX, KD.
- Nông thôn chiếm tuyệt đại đa số tài nguyên, có ảnh hưởng to lớn đến bảo vệ môi trường sinh thái, đến việc khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và bền vững của đất nước. Đồng thời, nông thôn có vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng.

1.1.2. Tổng quan về nông thôn mới.

1.1.2.1. Khái niệm nông thôn mới.

Theo tinh thần Nghị quyết của Đảng về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” có thể khái niệm NTM như sau: *NTM là khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại; Cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức SX hợp lý, gắn nông nghiệp*

với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; Xã hội – nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; Dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; Hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường; theo định hướng XHCN [11, tr.126].

1.1.2.2. Đặc trưng của nông thôn mới.

NTM thời kỳ CNH –HĐH, giai đoạn 2010-2020 có 5 đặc trưng: (i) Thứ nhất, kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; (ii) Thứ hai, nông thôn phát triển theo quy hoạch, có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, môi trường sinh thái được bảo vệ; (iii) Thứ ba, dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy; (iv) Thứ tư, an ninh tốt, quản lý dân chủ; (v) Thứ năm, chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao...[35]

1.1.2.3. Đơn vị nông thôn mới.

Theo quy định hiện hành ở nước ta, đơn vị NTM có 3 cấp [3, Điều 23] là xã NTM, huyện NTM và tỉnh NTM, và được quy định cụ thể như sau:

- Xã NTM: là xã đạt 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia NTM;
- Huyện NTM: là huyện có 75% số xã NTM;
- Tỉnh NTM: là tỉnh có 80% số huyện NTM.

1.1.2.4. Chức năng của nông thôn mới.

Nhìn chung, NTM có ba chức năng sau đây:

- *Chức năng SX nông nghiệp hiện đại*: NTM có chức năng cơ bản là SX các sản phẩm nông nghiệp với số lượng nhiều và chất lượng cao [22, tr.7].

- *Chức năng giữ gìn văn hóa truyền thống*: nông thôn với đặc điểm SX nông nghiệp và tụ cư theo dân tộc mới là môi trường thích hợp nhất để giữ gìn và kế tục văn hoá quê hương. Ngoài ra, các cảnh quan nông thôn với những đặc trưng riêng đã hình thành nên màu sắc văn hoá làng xã đặc thù, thể hiện các tư tưởng triết học như trời đất giao hoà, thuận theo tự nhiên với sự tôn trọng tự nhiên, mưu cầu phát triển hài hoà cũng như chú trọng sự kế tục phát triển của các dân tộc... [23, tr.7-8].

- *Chức năng sinh thái*: đất đai canh tác nông nghiệp, hệ thống thủy lợi, các khu rừng, thảo nguyên..vv... phát huy các tác dụng sinh thái như điều hoà khí hậu, giảm ô

nhằm tiếng ồn, cải thiện nguồn nước, phòng chống xâm thực đất đai, làm sạch đất.v.v... [23, tr.8-9].

1.1.3. Xây dựng nông thôn mới

1.1.3.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định tầm quan trọng của vấn đề “Tam nông: nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

- Đại hội lần thứ III của Đảng đã khẳng định: “... ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện...” [19].

- Đại hội IV của Đảng đã coi trọng việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội xác định: “Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ” [3].

- Đại hội V của Đảng khẳng định: “... Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa;...” [12].

- Đại hội VI là bước ngoặt trong đổi mới tư duy của Đảng về “Tam nông”, và chỉ rõ: “...trong chặng đường hiện nay phải tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn XHCN [14].

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã chỉ rõ: “Phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội” [14, tr.67].

Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa VII) đã xác định một hệ thống quan điểm tiếp tục đổi mới và phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta trong giai đoạn mới là: Tiếp tục đổi mới và phát triển KT-XH nông thôn, xác định hệ thống quan điểm nhằm tiếp tục đổi mới và phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu và là khâu đột phá; Đặt sự phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng SX hàng hóa...; ..., xây dựng NTM. Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị trong nông thôn [14].

- Nghị quyết đại hội BCH Trung ương Đảng khóa VIII chỉ rõ: “...phải đặc biệt coi trọng CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, đồng thời đã chỉ rõ nội dung CNH-

HDH nông nghiệp nông thôn [15, tr.87]. Các Nghị quyết Trung ương khóa VIII tiếp tục cụ thể hóa hơn nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Bộ Chính trị khóa VIII đã ra Nghị quyết số 06 – NQ/TW ngày 10 tháng 11 năm 1998, về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị quyết đại hội BCH Trung ương Đảng khóa IX và nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa XI) về “Đẩy mạnh CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010” đã làm rõ hơn những nội dung tổng quát và quan điểm của Đảng về CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn [18].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011), trong đó đã xác định những định hướng lớn về phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại là: “Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng NTM” [18, tr.75].

Chiến lược phát triển KT-XH 2011 – 2020 đã xác định rõ định hướng trong xây dựng NTM: triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho một triệu lao động nông thôn mỗi năm. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển [18].

Như vậy, kể từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay, quan điểm, chủ trương, biện pháp về xây dựng NTM của Đảng ta ngày càng rõ và đến Đại hội X thì hoàn chỉnh và thống nhất chỉ đạo trên phạm vi toàn quốc.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí của “Tam nông”. Hội nghị BCH Trung ương Đảng khóa X xác định: “Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh CNH-HDH nông nghiệp nông thôn... Gắn phát triển kinh tế với xây dựng NTM, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nông thôn với thành thị, giữa các vùng miền, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội” [17].

Cụ thể hóa quan điểm của Đại hội X, Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng khóa X (ngày 05/8/2008), đã ra Nghị quyết số 26–NQ/TW “Về nông nghiệp,

nông dân, nông thôn”. Nghị quyết đã đánh giá thành tựu và hạn chế trong vấn đề “Tam nông” sau hơn 20 năm đổi mới, tiếp tục khẳng định những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, SX hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả.v.v..., Nghị quyết nêu rõ: “Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng NTM gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản;... Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, nâng cao đời sống nhân dân”.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định quan điểm xây dựng NTM là [17, tr.2]:

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển KT-XH bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

- Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng NTM gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và biển; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng SX trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

- Giải quyết vấn đề tam nông là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên

của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về “Tam nông”, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định về Bộ tiêu chí quốc gia NTM, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020; Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020 [38], [39], [40], [41], [42], [43], [44]; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW [9]; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn [3], hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 [4], Công văn hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018 – 2020” [5]. Các địa phương trên toàn quốc cũng đã ban hành các Quyết định, Chương trình, Kế hoạch liên quan đến xây dựng MTM tại địa phương, riêng tỉnh An Giang, UBND tỉnh An Giang cũng đã ban hành các Quyết định về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020, về Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020, về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020, về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí Huyện đạt chuẩn NTM tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020, về bộ tiêu chí Xã NTM nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2018 – 2020 [46], [47], [48], [49], [50].

1.1.3.2. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định mục tiêu tổng quát xây dựng NTM là [17, tr.2]:

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, SX hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài.

- Xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức SX hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân

tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng KT-XH và chính trị vững chắc cho sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ SX ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ NTM.

Các mục tiêu cốt lõi xây dựng NTM đến năm 2020, được Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định như sau [17, tr.3]:

- Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đạt 3,5 - 4%/năm; sử dụng đất nông nghiệp tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay.

- Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn NTM khoảng 50%.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn, trước hết là hệ thống thủy lợi; đảm bảo giao thông thông suốt bốn mùa tới hầu hết các xã và cơ bản có đường ô tô tới các thôn, bản; xây dựng cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và hạ tầng nghề cá; cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư, các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đảm bảo cơ bản điều kiện học tập chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn tiến gần tới mức các đô thị trung bình.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo; nâng cao trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình CNH-HĐH đất nước.

- Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền

Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

1.1.3.3. Vị trí, vai trò của xây dựng nông thôn mới.

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta đã đạt nhiều thành tựu to lớn về “Nông nghiệp, nông thôn, nông dân”, tuy nhiên, thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, vẫn còn những hạn chế, bất cập, cụ thể là: (i) Nông nghiệp phát triển còn thiếu quy hoạch, sức cạnh tranh thấp, kém bền vững; (ii) Kết cấu hạ tầng nông thôn như thủy lợi, cấp nước, trường học, giao thông, trạm y tế,... vẫn còn yếu kém; (iii) Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và chuyên gia khoa học - công nghệ còn hạn chế; (iv) Môi trường ngày càng bị ô nhiễm nặng; (v) Chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân còn thấp, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc. Vì vậy, xây dựng NTM là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.

Thực hiện Nghị quyết của BCH TW Đảng khóa X, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X đã ban hành các Kết luận về một số nội dung trong Nghị quyết, bao gồm: Đề án An ninh lương thực quốc gia; Đề án Chương trình Xây dựng thí điểm mô hình NTM cấp xã; Đề án về Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM và xây dựng giai cấp nông dân.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành những quyết định, kế hoạch thực hiện chủ trương đường lối của Đảng.

Đại hội Đảng lần thứ XI tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng NTM là: “Quy hoạch phát triển nông thôn gắn với đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng NTM phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận

lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các DN nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động...” [18, tr.197-198].

1.1.3.4. Nguyên tắc xây dựng nông thôn mới.

Nhiệm vụ xây dựng NTM là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nước ta theo chủ trương tam nông “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” của Đảng [19]. Theo đó, xây dựng NTM, hướng tới thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia NTM được Thủ tướng Chính phủ quy định phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau [38]:

- Xây dựng NTM theo phương châm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, xã đặt ra các chính sách, cơ chế hỗ trợ và hướng dẫn.

- Được thực hiện trên cơ sở kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai ở nông thôn, có bổ sung dự án hỗ trợ đối với các lĩnh vực cần thiết; có cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế; huy động đóng góp của các tầng lớp dân cư.

- Được thực hiện gắn với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của mỗi địa phương (xã, huyện, tỉnh); có quy hoạch và cơ chế đảm bảo cho phát triển theo quy hoạch (trên cơ sở các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật do các Bộ chuyên ngành ban hành).

- Là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp uỷ Đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, tổ chức thực hiện; Hình thành cuộc vận động “toàn dân xây dựng NTM” do Mặt trận Tổ quốc chủ trì cùng các tổ chức chính trị - xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong việc xây dựng NTM.

1.1.3.5. Chủ thể và phương thức xây dựng nông thôn mới.

Theo quy định hiện hành, trình tự các bước tiến hành xây dựng NTM gồm 7 bước như sau: (1) Thành lập hệ thống quản lý, thực hiện; (2) Tổ chức thông tin, tuyên truyền; (3) Khảo sát đánh giá thực trạng; (4) Xây dựng quy hoạch NTM của xã; (5) Lập, phê duyệt đề án xây dựng NTM của xã; (6) Tổ chức thực hiện; (7) Giám sát, đánh giá và báo cáo về tình hình thực hiện [26], [35].

Trong thực tiễn, do công tác tuyên truyền còn hạn chế nên không ít người cho rằng chủ thể xây dựng NTM là chính quyền, trong khi đó, về thực chất, chính quyền chỉ đóng vai trò định hướng, ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Người dân mới thực sự là chủ thể xây dựng NTM, đó không phải là do chính quyền không có đủ khả năng và tiềm lực kinh tế, mà cho dù tiềm lực kinh tế của nhà nước có mạnh đi chăng nữa thì cũng không thể thiếu sự tham gia đóng góp tích cực của chính tầng lớp nông dân, bao gồm các cá thể nông dân và các tổ chức nông dân. Người dân chính là người tham gia từ đầu (từ khâu quy hoạch) trong công cuộc xây dựng NTM, góp công, góp của và trực tiếp lao động SX làm ra của cải vật chất, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc... đồng thời, cũng là người hưởng lợi từ thành quả của NTM, chính vì vậy, người dân là chủ thể xây dựng NTM.

Trong thời gian qua, việc triển khai Chương trình xây dựng NTM mới ở nhiều nơi chưa đạt hiệu quả như mong đợi là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng cần sớm khắc phục chính là công tác tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên liên tục, chưa sát với thực tiễn, làm cho cán bộ, nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của Chương trình. Tại một số địa phương, cấp ủy, chính quyền vẫn coi Chương trình xây dựng NTM là cơ hội để có được nguồn đầu tư từ Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng nên chỉ đặt nặng vấn đề quy hoạch, đề án xây dựng kết cấu hạ tầng mà thiếu quan tâm đến tính khả thi và hiệu quả thực tế. Về phía người dân, ở một số nơi, người dân chưa thực sự nhận thức được họ chính là chủ thể của Chương trình, và cho rằng, Chương trình là sự đầu tư của Nhà nước cho địa phương, và đó là việc của chính quyền, của cấp trên, chứ không phải là việc của chính mình. Họ chưa thực sự nhận thức được rằng việc tham gia đóng góp ý kiến, sức lao động, tiền của họ để thực hiện Chương trình với tư cách là chủ thể của Chương trình chính là hoạt động tự đầu tư để giữ vững an ninh trật tự, giữ gìn nếp sống văn hóa, chỉnh trang ngõ xóm, góp phần nâng cao thu nhập,... góp phần nâng cao chất lượng sống của chính họ.

Chương trình xây dựng NTM là một chương trình lớn vì nó hướng đến đại bộ phận dân cư trong xã hội. Do đó, ngoài sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, cần có sự

tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và đặc biệt là của chính bản thân người nông dân. Vì vậy, cần phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch các công việc, thực hiện tốt cơ chế “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”, người dân cần phải được thông tin đầy đủ, đa chiều, huy động được tổng hợp sức mạnh của toàn xã hội tham gia đóng góp sức người, sức của để xây dựng NTM.

1.1.3.6. Những nội dung cơ bản về nông thôn mới.

(1) Tiêu chí xã NTM: có 04 (bốn) nội dung, bao gồm 19 tiêu chí xây dựng NTM vùng Đồng bằng sông Cửu Long như sau:

- * Nội dung 1: Quy hoạch. Nội dung này có 02 tiêu chí.
- * Nội dung 2: Hạ tầng kinh tế xã hội. Nội dung này có 09 tiêu chí.
- * Nội dung 3: Kinh tế và tổ chức sản xuất. Nội dung này có 04 tiêu chí.
- * Nội dung 4: Văn hóa - Xã hội - Môi trường. Nội dung này có 04 tiêu chí.

Để đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã NTM, các xã phải thực hiện quy định tại Quyết định số: 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM giai đoạn 2016-2020 [47]. *(Xem Phụ lục 1: Tiêu chí xã NTM vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020).*

(2) Tiêu chí huyện NTM: nội dung xây dựng huyện NTM bao gồm hai yêu cầu sau:

- Một là, Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn NTM.
- Hai là, có tất cả 09 (chín) tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định: Quy hoạch; Giao thông; Thủy lợi; Điện; Y tế - Văn hóa - Giáo dục; Sản xuất; Môi trường; An ninh, trật tự xã hội; Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

Để đánh giá kết quả thực hiện xây dựng huyện NTM, các huyện phải thực hiện theo quy định tại Quyết định số: 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2016-2020 [44]. *(Xem Phụ lục 2: Tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2016 - 2020).*

1.2. Sự cần thiết và mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú tỉnh, An Giang giai đoạn 2019 -2022.

1.2.1. Sự cần thiết xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.2.1.1. Sự cần thiết xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng NTM là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển nông nghiệp theo chiều sâu; đưa nhiều mặt hàng nông sản đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; hình thành một số vùng SX chuyên canh tập trung; ngày càng hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn; không ngừng phát triển thương mại, dịch vụ vùng nông thôn; góp phần quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân vùng nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực; hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn ổn định; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển KTXH của đất nước.

Trong những năm qua ở nước ta, từ sau thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nông nghiệp, nông thôn đã có sự phát triển và tiến bộ nhất định trên nhiều lĩnh vực, nông nghiệp, nông thôn càng chứng tỏ được vai trò và vị trí của mình trong nền kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn không ít những tồn tại, bất cập, mâu thuẫn, thách thức và hạn chế như: nông nghiệp phát triển thiếu quy hoạch, nếu có thì chất lượng chưa cao và mang tính tự phát cao, công tác quản lý quy hoạch chưa được quan tâm đúng mức; Cơ sở hạ tầng nông thôn còn yếu kém, kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn còn lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động ở nông thôn còn chậm; nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng chưa cao, năng lực cạnh tranh thấp; Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn chậm chạp. Chất lượng lao động nông nghiệp còn thấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Đời sống nhân dân còn ở mức thấp. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng chưa bền vững, chiếm tỷ trọng rất cao (khoảng 90%) tổng số hộ nghèo trong cả nước. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn ngày càng lớn; Một số chính sách xã hội ở nông thôn triển khai thực hiện chậm và chưa đồng bộ. An ninh nông thôn nhiều nơi diễn biến phức tạp;...

Từ đó, việc xây dựng NTM là hết sức cần thiết, nhằm đảm bảo vị trí chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, góp phần phát triển bền vững KT-XH nông thôn, tăng thu nhập

và nâng cao mức sống người dân nông thôn, giảm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn [6].

1.2.1.2. Sự cần thiết xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Huyện Châu Phú, tỉnh An Giang là huyện nông nghiệp, có 12 xã và 01 thị trấn, diện tích đất tự nhiên là 45.101 ha (451 km²), dân số 246.591 người, mật độ dân số 547 người/km² (theo niên giám thống kê năm 2017). Trong những năm qua, KT-XH huyện tăng trưởng khá; giá trị SX nông nghiệp bình quân đạt 162 triệu đồng/ha; thu nhập bình quân đầu người 42,2 triệu đồng/năm (tăng hơn 2,5 lần so với năm 2010); tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 8% năm 2010 còn 4,38% cuối năm 2017.

Tuy nhiên, khi bước vào xây dựng NTM, huyện Châu Phú có xuất phát điểm ban đầu thấp, qua rà soát: chỉ có 04/12 xã đạt 9 tiêu chí, các xã còn lại đạt từ 5 đến 7 tiêu chí; 12/12 xã chưa được phê duyệt quy hoạch, kết cấu hạ tầng KT-XH thiếu đồng bộ, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở nông thôn chuyển dịch chậm, đời sống của người dân còn khó khăn.

Sau hơn 08 năm thực hiện chương trình xây dựng NTM, với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là chủ động phát huy nội lực, phát huy vai trò chủ thể của người dân, tập trung phát triển SX nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân với phương châm “Tiêu chí nào dễ làm trước, tiêu chí nào khó làm sau, không nóng vội nhưng làm phải quyết liệt và có hiệu quả”. Nhờ vậy, xây dựng NTM trên địa bàn huyện đã đạt nhiều kết quả nổi bật, đến cuối năm 2018 huyện có 06 xã đạt chuẩn xã NTM, 06 xã còn lại đạt từ 9 tiêu chí và 36 chỉ tiêu trở lên. Kết cấu hạ tầng KT-XH được đầu tư mạnh, điểm nhấn là đầu tư giao thông, trường học, y tế, văn hóa, điện, nước sạch, các mô hình SX ứng dụng công nghệ cao, đưa cơ giới hóa vào SX nông nghiệp ngày càng phát triển. Phân đầu đến năm 2022, có 100% số xã đạt chuẩn NTM và huyện đạt chuẩn huyện NTM.

1.2.2. Mục tiêu xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.2.2.1. Mục tiêu chung.

Nhằm xây dựng cộng đồng xã hội văn minh, có kết cấu hạ tầng KT-XH ngày càng hoàn thiện; cơ cấu kinh tế hợp lý, các hình thức tổ chức SX tiên tiến; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ và du lịch; gắn phát triển nông

thôn với đô thị theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; trình độ dân trí được nâng cao; môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao.

1.2.2.2. Mục tiêu cụ thể.

- Xây dựng NTM trên địa bàn huyện Châu Phú đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về phát triển “Tam nông”, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của huyện đảm bảo trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển của tỉnh An Giang trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa hiệu quả phát triển NTM với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tập trung duy trì và nâng cao tất cả các tiêu chí của 06 (sáu) xã đã đạt chuẩn NTM, phấn đấu các xã còn lại đạt chuẩn NTM giai đoạn 2019-2021 và huyện Châu Phú đạt chuẩn huyện NTM năm 2022 với lộ trình thực hiện cụ thể như sau:

- + Năm 2019: xã Ô Long Vĩ, Bình Long đạt chuẩn NTM.
- + Năm 2020: xã Thạnh Mỹ Tây, Mỹ Phú đạt chuẩn NTM.
- + Năm 2021: xã Đào Hữu Cảnh, Bình Phú đạt chuẩn NTM.
- + Năm 2022: huyện Châu Phú đạt chuẩn NTM.

1.3. Kinh nghiệm xây dựng NTM của một số huyện trên địa bàn tỉnh An Giang và bài học kinh nghiệm cho huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.3.1. Kinh nghiệm của một số huyện trên địa bàn tỉnh An Giang về xây dựng nông thôn mới

1.3.1.1. Xây dựng nông thôn mới của huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

* Điều kiện tự nhiên: Chợ Mới là huyện cù lao của tỉnh An Giang, cách Thành phố Long Xuyên 29 km theo đường Tỉnh lộ 944; Diện tích tự nhiên là 369,62 km²;

- Huyện được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu, với hệ thống sông, rạch chằng chịt, chằng những cung cấp nguồn nước ngọt phong phú, phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân và còn là đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển;

- Địa giới hành chính: Phía Bắc giáp huyện Phú Tân (ngăn cách bởi sông Vàm Nao); Phía Nam giáp huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (ngăn cách bởi rạch Cái Tàu

Thượng); Phía Tây giáp huyện Châu Thành, Châu Phú và thành phố Long Xuyên (ngăn cách bởi sông Hậu); Phía Đông giáp huyện Thanh Bình, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (ngăn cách bởi sông Tiền).

- Phân chia đơn vị hành chính: có 02 thị trấn và 16 xã.

+ 02 thị trấn: Chợ Mới, Mỹ Luông

+ 16 xã: Kiên An, Kiên Thành, Long Giang, Mỹ Hội Đông, Nhơn Mỹ, Long Điền A, Long Điền B, Long Kiến, An Thạnh Trung, Hòa Bình, Hòa An, Mỹ An, Hội An, Tấn Mỹ, Mỹ Hiệp, Bình Phước Xuân.

* Ngành nghề truyền thống: nghề mộc, chạm, vẽ tranh trên kiếng, đóng ghe xuồng, đan đất, dây keo... vẫn tiếp tục được duy trì, phát triển.

* Dân số: 344.175 người.

* Thành phần dân cư: 99,6% dân tộc Kinh, còn lại đa phần là người Hoa.

* Hoạt động tín ngưỡng: 59,6% theo đạo Phật giáo Hòa Hảo, ngoài ra còn có các tôn giáo khác như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài,...

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Đảng bộ và nhân dân huyện Chợ Mới đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu cùng thực hiện.

Xác định xây dựng NTM đi đôi với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, do là vùng sản xuất chuyên canh màu, những năm qua Chợ Mới đã:

- Tập trung đầu tư và xây dựng hoàn thành trên 100 công trình bờ bao kiểm soát lũ, kết hợp với hệ thống đê bao chống lũ;

- Thực hiện mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chuyển dần diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu và vườn ăn trái. Vận động nhân dân đưa các mô hình SX có hiệu quả như trồng bắp kết hợp chăn nuôi bò, sản xuất rau an toàn.

- Tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư các công trình lớn như trường học, trụ sở UBND, Trạm y tế, nhà văn hóa.

- Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Thường xuyên kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo chương trình để phù hợp tình hình thực tế và kịp thời chỉ đạo thực hiện. Trưởng Ban là Chủ tịch UBND huyện, Phó Ban Thường trực là Phó Chủ tịch UBND huyện, 02 Phó Ban là Trưởng Phòng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trường Phòng Tài chính – Kế hoạch. Song song đó huyện cũng thành lập Văn phòng Điều phối NTM huyện, giúp Ban chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện; tổ chức thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về Chương trình trên địa bàn huyện. Cùng với huyện, 16 xã trên địa bàn cũng đã thành lập và củng cố Ban quản lý Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM xã và Tổ công tác giúp việc Ban Quản lý xã. Thành phần Ban Quản lý gồm Trưởng ban là Chủ tịch UBND xã - chịu trách nhiệm chung, phó Ban là Phó Chủ tịch UBND xã, các thành viên gồm lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể xã, ban phát triển ấp và nông dân tiêu biểu.

Các chương trình, dự án, đề án mà huyện đang triển khai thực hiện đã phát huy hiệu quả và đã đạt được một số kết quả quan trọng như sau:

- Đã chuyển đổi 100% diện tích đất từ trồng lúa sang trồng màu và vườn. Toàn huyện có trên 45% diện tích màu, vườn cây ăn trái. Giá trị sản xuất bình quân đạt hơn 118 triệu đồng/ha. Màu, vườn cây ăn trái đạt giá trị bình quân 682 triệu đồng/ha, cao gấp 06 lần so với trồng lúa.

- Thu nhập bình quân: trên 71 triệu đồng/người/năm.

- Ngoài nguồn kinh phí đầu tư của tỉnh, huyện đã huy động được sự đóng góp tích cực của nhân dân trên địa bàn 335 tỷ đồng, trong đó huy động từ DN chiếm 4,17%, huy động từ Nhân dân chiếm 22,22% để xây dựng các công trình cầu, đường, nhà ở... hoàn thành nâng cấp, sửa chữa và đưa vào sử dụng 31 tuyến đường và 21 cây cầu nông thôn; đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo giao thông thuận tiện cho người dân. Từ năm 2015 đến nay, Huyện đã hỗ trợ xây mới 226 căn nhà cho hộ nghèo, sửa chữa 212 căn nhà tình nghĩa, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nghiệm thu 34 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tại 02 xã Mỹ Hiệp và Hòa An. Hiện nay, Chợ Mới đã có 16/16 xã không còn nhà tạm dột nát, 82,23% đạt tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn theo quy định.

- Tính đến cuối năm 2017, toàn huyện Chợ Mới có 05/16 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (Long Điền A, Long Điền B, Kiến Thành, Mỹ Hiệp, Hòa An). Bình quân các xã trên địa bàn huyện đạt 13,25 tiêu chí và 42,06 chỉ tiêu.

Huyện Chợ Mới quyết tâm xây dựng NTM phải làm thật, hiệu quả thật không chạy theo thành tích, phấn đấu đến năm 2020, có 12 xã (75% xã) đạt chuẩn NTM, để góp phần cho huyện đạt chuẩn huyện NTM. Để đạt mục tiêu này, Huyện đã triển khai cho các ngành, các cấp phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu. Tiêu chí, chỉ tiêu nào không cần vốn nhà nước đầu tư thì thực hiện trước, tiêu chí, chỉ tiêu nào cần vốn nhà nước đầu tư thực hiện sau. Trong quá trình thực hiện, huyện chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân cùng tham gia, và để nông dân tham gia thì cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu để người dân thấy đó làm theo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện xây dựng NTM của huyện vẫn còn một số hạn chế chủ yếu như:

- Chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền ở một số nơi còn hạn chế, mang tính phong trào dẫn đến một bộ phận người dân chưa hiểu rõ bản chất chương trình xây dựng NTM; Nhận thức và tư duy của người dân về xây dựng NTM có nhiều chuyển biến, song vai trò chủ thể của người dân chưa thật sự phát huy rõ nét;

- Công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy và chính quyền cơ sở tuy có nhiều cố gắng nỗ lực nhưng chưa đồng đều; sự phối hợp giữa các cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở chưa thật sự chặt chẽ;

- Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NTM còn hạn hẹp, còn thấp so yêu cầu, chưa khai thác hết tiềm năng ủng hộ từ phía DN; chưa thu hút DN đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực nông nghiệp; Kết cấu hạ tầng nông thôn tuy đã được tăng cường đáng kể nhưng cơ sở hạ tầng nông thôn còn hạn chế;

- Đời sống và thu nhập của một bộ phận người dân còn khó khăn.

Thời gian tới, để nâng cao hiệu quả xây dựng NTM, huyện tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và tiếp tục triển khai, nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả. Đổi mới nhận thức và phương thức tổ chức triển khai chương trình theo hướng nâng cao vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trên tinh thần tự lực, chăm chỉ và hợp tác, phấn đấu có thêm xã đạt chuẩn NTM theo lộ trình, từng bước xây dựng huyện NTM đạt chuẩn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, các đoàn thể, các lực lượng để huy động có hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng NTM; coi trọng lồng ghép các nguồn vốn địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư. Mặt khác,

huyện sẽ quan tâm nghiên cứu và xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với đặc điểm của địa phương, đồng thời coi trọng công tác quản lý, giám sát công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện ở cơ sở, nhất là tăng cường tính chủ động sáng tạo của các địa phương và các ngành từ việc triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu cho đến công tác phối hợp, hỗ trợ nhằm bảo đảm sử dụng các nguồn lực xây dựng NTM thiết thực, hiệu quả, chất lượng.

1.3.1.2. Xây dựng nông thôn mới của huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

* Điều kiện tự nhiên huyện Phú Tân:

- Phú Tân là huyện cù lao, nằm trên cù lao Kết giống hình con Quy giữa hai con sông lớn, đó là sông Tiền và sông Hậu;

- Là một vùng đồng bằng phù sa màu mỡ, với hệ thống sông ngòi chằng chịt, có thể mạnh kinh tế là sản xuất nông nghiệp, thuận lợi cho việc phát triển trồng trọt, nhất là cây nếp và nuôi trồng thủy sản (đất trồng trọt hơn 24.000 ha);

- Về đường bộ có tuyến tỉnh lộ 954 chạy qua, về đường thủy tiếp giáp với 03 sông lớn (sông Tiền, sông Hậu và sông Vàm Nao) tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương hàng hóa, góp phần quan trọng trong phát triển KT-XH của địa phương;

- Tổng diện tích tự nhiên là 313,5 km²

- Địa giới hành chính: Phía Bắc giáp thị xã Tân Châu; Phía Nam giáp huyện Chợ Mới; Phía Tây giáp huyện Châu Phú, thị xã Châu Đốc; Phía Đông giáp huyện Hồng Ngự, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

- Phân chia đơn vị hành chính, huyện có 02 thị trấn và 16 xã:

+ 02 thị trấn: Phú Mỹ, Chợ Vàm

+ 16 xã, gồm: Long Hòa, Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú An, Phú Thọ, Tân Trung, Tân Hòa, Phú Hưng, Bình Thạnh Đông, Phú Bình, Hòa Lạc, Phú Hiệp, Phú Long, Phú Thành, Phú Xuân và Hiệp Xương.

* Ngành nghề truyền thống: cho đến nay địa phương vẫn còn gìn giữ và phát triển những ngành nghề truyền thống như: nghề rèn Phú Mỹ, nghề làm bánh phồng Phú Mỹ và nghề bó chổi bông sậy Cồn Nhỏ Phú Bình;

* Dân số: toàn huyện có 54.550 hộ với 209.950 dân;

* Thành phần dân cư với 99,6% dân tộc Kinh, còn lại là dân tộc Khơ-me, Hoa và dân tộc Chăm;

* Hoạt động tín ngưỡng: 85% dân số theo đạo Phật giáo Hòa Hảo, số còn lại theo các tôn giáo khác như: Phật giáo, Tin Lành, Thiên Chúa, Cao Đài, Hồi giáo,...

Trong những năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, huyện Phú Tân đã vận dụng sáng tạo, huy động, lồng ghép các chương trình, dự án để tập trung nguồn vốn cho xây dựng NTM:

- Công tác triển khai, quán triệt Nghị quyết các cấp và tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng NTM được huyện Phú Tân chú trọng.

- Công tác kiện toàn bộ máy để chỉ đạo, tổ chức thực hiện được đặc biệt quan tâm. Ban chỉ đạo cấp huyện do chủ tịch UBND huyện là Trưởng ban và có 04 phó ban, trong đó, 01 Phó chủ tịch UBND huyện làm phó ban trực. Giao Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện thực hiện văn phòng điều phối chương trình. Ban quản lý xây dựng NTM cấp xã ngày càng được phát huy, đi vào chiều sâu.

- Công tác dạy nghề cho lao động nông thôn được chú trọng gồm các lớp kỹ thuật chăn nuôi bò, nuôi heo, nuôi lợn, trồng rau màu...

- Việc thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra, khen thưởng được thường xuyên.

- Thực hiện tốt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Chú trọng thực hiện công tác quy hoạch và xây dựng, hình thành mô hình liên kết sản xuất theo mô hình "cánh đồng lớn".

- Chú trọng phát triển hạ tầng giao thông, nâng cấp, nhựa hóa đường giao thông nông thôn, đầu tư, xây dựng mới hệ thống cầu, đường.

- Hạ tầng thủy lợi được quan tâm đầu tư đúng quy hoạch và theo hướng kiên cố hóa kênh mương, gắn hệ thống thủy lợi với giao thông nội đồng, tiến hành nạo vét, mở rộng công trình kênh thủy lợi, xây mới bờ kè, nâng cấp, xây dựng mới công trình cống, nâng cấp đê bao kiểm soát lũ.

- Ngành điện đã thực hiện các công trình kéo mới, cải tạo sửa chữa, xây dựng mới trạm biến áp, nâng tỷ lệ sử dụng điện thường xuyên.

Nhờ đó, bộ mặt nông thôn có sự chuyển biến rõ nét, hạ tầng cơ sở được đầu tư khang trang, đồng bộ, đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được nâng lên.

- Huyện Phú Tân đã tổ chức 484 cuộc vận động, có hơn 24.000 lượt người tham dự. Theo đó các xã đã xây dựng triển khai kịp thời trong nội bộ và nhân dân được gần 1.200 cuộc, có hơn 32.000 người tham dự. Đồng thời, cấp huyện và xã tăng cường kiểm tra định kì tiến độ thực hiện đã tạo được sự đồng thuận và chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức toàn hệ thống chính trị và nhân dân.

- Đã phối hợp thực hiện được 85 lớp tập huấn cho hơn 2.200 nông dân và 215 mô hình theo Dự án hỗ trợ phát triển SX nông nghiệp với tổng kinh phí trên 1,5 tỷ đồng, góp phần tăng thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn hàng năm. Riêng mô hình ngành nghề nông thôn (rèn, máy đập đinh dùi, máy ép miến bơm nước,...), đã triển khai 6 mô hình/ 6 hộ với số lượng 60 máy các loại, tổng kinh phí 596 triệu, trong đó vốn NTM hỗ trợ 50% và vốn dân đóng góp 50 %.

- 6 tập thể và 29 cá nhân được nhận bằng khen của UBND tỉnh An Giang. Huyện đã trao tặng Giấy khen cho 118 tập thể và 72 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng NTM, đối tượng chủ yếu là nông dân và DN có đóng góp tiêu biểu trong xây dựng NTM.

- Dạy nghề cho gần 8.000 lao động nông thôn theo quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”

- Có 6 công ty ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân tổng diện tích hơn 4 ngàn hecta, sản lượng gần 32,5 ngàn tấn với giá mua từ 4.900-5000 đ/kg (Đông Xuân) và 4.800-5.000 đ/kg (Hè Thu). Riêng vụ Đông Xuân 2016, công ty Tín Thương ký giá cố định với HTX Phú Thượng được 145 hecta.

- Ngành điện đã thực hiện 129 công trình kéo mới, cải tạo sửa chữa, xây dựng mới trạm biến áp với tổng vốn đầu tư hơn 15 ngàn triệu đồng, nâng tỷ lệ sử dụng điện thường xuyên đạt 100%.

- Đầu tư nâng cấp, láng nhựa 72 km đường giao thông nông thôn, xây dựng mới 7 cây cầu, tổng kinh phí đầu tư gần 11.500 triệu đồng. Đến nay, trên địa bàn

huyện 100 % tỷ lệ km đường trục chính 16 xã được nhựa hóa, 82,3 % đường từ trục chính về đến các ấp, liên ấp đạt chuẩn, đường giao thông nội đồng đạt 83,78%.

- Kiên cố hóa kênh mương, gắn hệ thống thủy lợi với giao thông nội đồng, tiến hành nạo vét, mở rộng 36 công trình kênh thủy lợi, với tổng chiều dài hơn 145 ngàn km, xây mới bờ kè Cái Tắc chiều dài 217m, nâng cấp, xây dựng mới 4 công trình công, nâng cấp đê bao kiểm soát lũ gần 34 ngàn km.

- Thu nhập bình quân đầu người: khoảng 28 triệu đồng.

Phú Tân phấn đấu đến 2020 có 12 xã đạt chuẩn. Theo đó, huyện sẽ chú trọng đặc biệt tuyên truyền, đánh giá mức độ hài lòng của người dân để làm cơ sở lập kế hoạch; Tăng cường thường xuyên công tác kiểm tra, tập trung các xã điểm; Bám sát phương châm: “dễ làm trước, khó làm sau”; lựa chọn những công trình cần ít vốn đầu tư làm trước, ưu tiên các tiêu chí tác động trực tiếp sản xuất, nâng cao thu nhập; quan tâm, giữ vững các tiêu chí đã đạt được; Vận động thực hiện các công trình cầu, đường nông thôn từ các nguồn vốn đầu tư của nhà nước làm nguồn đối ứng, như bê tông nối đầu đường cộ với đường nhựa...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhìn chung công tác chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện còn một số hạn chế như:

- Diện mạo nông thôn tuy có khởi sắc, nhưng chưa theo kịp yêu cầu đổi mới; môi trường nông thôn chưa có sự thay đổi rõ nét;

- Vai trò, trách nhiệm Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình xây dựng nông thôn xã chưa cao, một số thành viên chưa phát huy hết trách nhiệm của mình;

- Mức độ huy động nguồn lực chưa đồng đều giữa các xã; một số công trình do vốn ngân sách đầu tư khó khăn, chậm triển khai như trường học, trạm y tế, cơ sở văn hóa... ảnh hưởng lộ trình đạt chuẩn NTM.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn như giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, điện, ... trên địa bàn huyện chưa được hoàn thiện, các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao rất hạn chế;

- Đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo có giảm nhưng vẫn cao; Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng nhưng chưa cao (đạt 59,15%);

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy chuẩn Bộ Y tế chưa đạt yêu cầu đề ra....

1.3.1.3. Xây dựng nông thôn mới của huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

* Điều kiện tự nhiên: Thoại Sơn là một huyện lỵ đặt tại thị trấn Núi Sập. Ngoài những ngọn núi cuối cùng được thiên nhiên ban tặng ở đồng bằng Tây Nam Bộ thì địa hình còn lại của huyện bằng phẳng, đất thuần nông, chịu ảnh hưởng lũ hàng năm của sông Hậu. Các xã phía Đông và Nam đất phù sa màu mỡ, các xã phía Bắc ruộng đất còn nhiễm phèn, đất trũng núi trồng cây ăn trái và hoa màu, diện tích nhỏ. Thoại Sơn có hệ thống kênh rạch chằng chịt, dân cư phân bố theo tuyến sông và kênh, tạo nguồn nhân lực cải tạo đất.

- Địa giới hành chính: Phía Bắc giáp huyện Châu Thành; Phía Tây Bắc giáp huyện Tri Tôn; Phía Đông giáp thành phố Long Xuyên; Phía Nam giáp huyện Thốt Nốt (Cần Thơ); Phía Tây, Tây Nam giáp huyện Tân Hiệp và Hòn Đất (Kiên Giang).

- Diện tích tự nhiên: Thoại Sơn có diện tích tự nhiên 46.885,52 ha, trong đó có 41.261,22 ha đất canh tác.

* Dân số: toàn huyện có 42.267 hộ với 180.951 nhân khẩu.

Để thực hiện đúng lộ trình xây dựng huyện NTM vào năm 2020, thời gian qua, huyện đã thực hiện:

- Ban Chỉ đạo CT.MTQG XD NTM huyện, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối CT.MTQG XDg NTM của huyện tiếp tục được kiện toàn và đã bám sát các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành, và của tỉnh nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng các nội dung hướng dẫn của Chương trình.

- Các nội dung xây dựng NTM đã được đưa vào Nghị quyết Đảng bộ từ huyện đến xã; công tác tập huấn, tuyên truyền, vận động xây dựng NTM được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Qua đó, ý nghĩa, tầm quan trọng và nội dung của chương trình xây dựng NTM từng bước được người dân nắm bắt, ngày càng nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng NTM.

- Với chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân đào mới và nạo vét hàng trăm km kênh mương để tháo chua rửa phèn, cùng với việc xây dựng hệ thống đê bao chống lũ đã biến toàn bộ diện tích lúa mùa

nổi trước đây thành diện tích đất trồng lúa 2 vụ rồi 3 vụ/năm. Cùm núi Sập và núi Ba Thê cũng được cải tạo thành 2 khu du lịch chủ yếu của Thoại Sơn.

- Thực hiện đầu tư 115,6 km đường giao thông nông thôn; nâng cấp, xây dựng 24 cầu giao thông. Tổng kinh phí hơn 26.300 triệu đồng, trong đó vốn NSNN huyện gần 18 tỉ đồng, vốn NSNN xã 125 triệu đồng, vốn nhân dân đóng góp là 7,254 triệu đồng, vốn huy động khác là 200 triệu đồng và hàng ngày công lao động...

- Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn của Bộ Giao thông-Vận tải; 12/14 xã đạt quy định về tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện;

- Tỷ lệ trường học các cấp trên địa bàn xã có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia chiếm 21,43%, 3/14 xã đạt tiêu chí về tỷ lệ trường học đạt chuẩn cơ sở vật chất; huyện đã đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Định Mỹ và các điểm sinh hoạt văn hóa ở Vĩnh Khánh, Định Thành, An Bình, Tây Phú... với tổng kinh phí 12,8 tỷ đồng.

- Các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến xã, ấp đã phát động thực hiện nhiều phong trào thi đua gắn với thực hiện chương trình xây dựng NTM, qua đó, bộ mặt nông thôn trên địa bàn huyện có nhiều thay đổi tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, môi trường nông thôn được cải thiện, an ninh trật tự xã hội được duy trì ổn định. Đến nay toàn huyện có 2/14 xã đạt chuẩn NTM gồm: Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch; xã Thoại Giang, Định Thành đạt 16 tiêu chí; Định Mỹ, Vĩnh Khánh, An Bình đạt 14 tiêu chí; các xã còn lại đạt từ 11 đến 13 tiêu chí.

- Huyện và các xã đã hỗ trợ phát triển SX nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, mở các lớp tập huấn kỹ thuật SX, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân như: mô hình “Cánh đồng lớn” ở các xã: An Bình, Tây Phú, Vọng Đông, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng Thê; dự án mở rộng vùng nuôi tôm Phú Thuận; mô hình trồng rau màu tại Óc Eo và Vĩnh Trạch; dự án SX lúa Hồng Ngọc - Óc Eo ở thị trấn Óc Eo và một số xã lân cận...

- Năm 2017, huyện đã hoàn thành đưa vào sử dụng 12 cây cầu thực hiện theo Đề án xã hội hóa đầu tư xây dựng cầu nông thôn, với tổng mức đầu tư 4.178 triệu đồng (do nhu cầu cấp thiết của các xã nên một số danh mục cần đầu tư đã thay đổi).

Tuy nhiên, quá trình xây dựng NTM ở huyện còn một số hạn chế, cụ thể như:

- Chưa thường xuyên cập nhật kịp thời các mô hình, các sáng kiến kinh nghiệm hay về xây dựng NTM. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả kinh tế cao còn chậm.

- Chưa thu hút hết các nguồn lực xã hội để đầu tư, nâng chất các tiêu chí còn nợ, nguồn lực để xây dựng NTM chủ yếu vẫn là vốn ngân sách, việc đóng góp huy động từ nhân dân còn hạn chế.

- Chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn; Chất lượng các phong trào thi đua chưa được nâng cao; chưa nhân rộng được các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua “Thoại Sơn chung sức xây dựng NTM”.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019 -2022.

Từ thực tiễn các huyện cùng tỉnh An Giang, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực cho huyện Châu Phú trong quá trình xây dựng NTM như sau:

- Làm thí điểm trên diện hẹp, rút kinh nghiệm; nhân ra diện rộng và làm đại trà toàn huyện. Làm được điều này sẽ rút kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh trong xây dựng nông thôn mới để phù hợp với từng xã và thôn trên địa bàn huyện.

- Làm tốt công tác tuyên truyền sâu rộng để nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân về xây dựng NTM; tuyên truyền, kêu gọi đầu tư, sự giúp đỡ, ủng hộ của các cơ quan DN, trường học, các đơn vị quân đội và cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong xây dựng NTM.

- Cần phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM; người dân phải được biết, được bàn ngay từ khi lập quy hoạch, lập đề án; được kiểm tra giám sát trong việc thực hiện chương trình. Việc xây dựng NTM phải xác định vai trò tự lực, chủ đạo từ phát triển nhu cầu, quản lý của người dân; mới đảm bảo tính xác thực, cần thiết và phát huy tiềm năng từ người dân.

- Xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có sai phạm trong quản lý, sử dụng đất, tài nguyên, vốn của nhà nước và cộng đồng nhân dân đóng góp để xây dựng NTM.

- Cần nghiên cứu, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội.

- Nhà nước cần có chính sách phù hợp, hỗ trợ nông dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và tăng sức cạnh tranh cho nông sản Việt Nam, cũng như chính sách tạo việc làm, giải quyết lao động dư thừa trong nông thôn.

- Phát huy vai trò cầu nối liên kết bốn nhà: Nhà nước, nhà khoa học, DN và nhà nông trong phát triển kinh tế nông nghiệp góp phần xây dựng NTM.

Kết luận Chương 1

Chương 1 tập trung tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận liên quan đến nông thôn, làm rõ các nội dung sau: (1) Các khái niệm cơ bản liên quan đến nông thôn, NTM; (2) Đặc trưng của nông thôn, NTM; (3) Quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nguyên tắc của Đảng và nhà nước về xây dựng NTM; (4) Bài học kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới.

Nội dung chương 1 là cơ sở lý thuyết để thực hiện nhiệm vụ của chương 2 là tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tỉnh An Giang.

Chương 2: THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2018

2.1. Tổng quan về huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nằm ở khu vực trung tâm của tỉnh An Giang, Bắc giáp thị xã Châu Đốc, đường ranh giới dài 14,570 km; Đông giáp sông Hậu ngăn cách với huyện Phú Tân; Nam giáp huyện Châu Thành, đường ranh giới dài 29,176 km; Tây giáp huyện Tịnh Biên, chiều dài ranh giới là 20,151 km.

Về hành chính, huyện bao gồm thị trấn Cái Dầu và 12 xã là: Khánh Hoà, Mỹ Đức, Mỹ Phú, Ô Long Vĩ, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Long, Thạnh Mỹ Tây, Bình Mỹ, Bình Thủy, Bình Phú, Đào Hữu Cảnh, Bình Chánh.

Huyện nằm trên tuyến đường du lịch quan trọng của tỉnh An Giang. Hàng năm trên tuyến quốc lộ 91 có khoảng bốn triệu lượt khách du lịch và khách hành hương đi qua địa phận Châu Phú để đến núi Sam – miếu Bà Chúa Xứ, núi Cấm, Hà Tiên và Vương quốc Campuchia thông qua hai cửa khẩu kinh tế của An Giang là cửa khẩu Xuân Tô – Tịnh Biên và cửa khẩu Khánh Bình – An Phú.

Người dân đa số theo đạo Phật giáo Hòa Hảo, mỗi nhà thường có ảnh thờ đức Huỳnh Phú Sổ. Hằng năm, trên địa bàn huyện diễn ra nhiều mang sắc thái dân tộc độc đáo như: lễ rước thần đình Bình Thủy, lễ vía Thầy Tây An...

Huyện nằm bên bờ Tây sông Hậu, dọc theo sông Hậu có những kênh rạch dẫn nước vào đồng như kênh Thầy Phó, kênh Bình Mỹ, kênh xáng Cây Dương, kênh Phù Dật, kênh Chũ S, kênh xáng Vĩnh Tre, kênh Cần Thảo, kênh Đào...

Do Châu Phú là huyện đầu nguồn sông Cửu Long nên vào khoảng tháng 6 dương lịch hàng năm huyện Châu Phú đều phải đối mặt với mùa lũ. Tình hình lũ diễn biến phức tạp, đỉnh lũ biến động bất thường. Lũ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển KT-XH và đời sống nhân dân. Lũ gây thiệt hại lớn về người và tài sản, nhưng cũng mang lại một nguồn lợi lớn. Mùa lũ đã tạo điều kiện để người dân trong huyện có thêm thu nhập thông qua các hoạt động như: đánh bắt - nuôi trồng thủy sản, nuôi

trồng các loại cây thủy sinh, giao thông vận tải đường thủy.... Ngoài ra, lũ còn có tác dụng vệ sinh đồng ruộng, bồi đắp phù sa cho đất.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2.1.2.1. Về xã hội.

* Về giáo dục: Châu Phú rất quan tâm đến công tác giáo dục. Ngoài hệ thống giáo dục chính quy, huyện còn tổ chức nhiều loại hình giáo dục nhằm phổ cập và xã hội hoá hoạt động giáo dục trên địa bàn huyện nhà.

* Về phúc lợi xã hội: Châu Phú có nhiều dân tộc, công tác chăm lo đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số là một vấn đề được huyện quan tâm. Từ đầu năm 2008 đến nay, bên cạnh các dự án tu sửa cầu treo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn nối liền các thôn, ấp của bà con dân tộc Khmer, Chăm ở 2 xã Bình Mỹ, Khánh Hoà với các khu dân cư người Kinh, Châu Phú còn chú trọng nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá, giáo dục phục vụ đồng bào dân tộc bằng các chính sách hỗ trợ vốn vay giúp hộ nghèo phát triển SX chăn nuôi, mua bán nhỏ, góp phần triển khai hiệu quả Chương trình xóa đói giảm nghèo ở cơ sở. Qua đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm hơn 15% so cùng kỳ năm ngoái. Có 40% hộ gia đình Khmer đạt mức sống khá, 80% hộ đồng bào Chăm giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hoá”.

Thời gian qua, từ các nguồn vận động tài trợ và đóng góp tự nguyện của các tầng lớp nhân dân, huyện Châu Phú còn xây cất mới 35 căn nhà gỗ thuộc Chương trình 134, mỗi căn trị giá 10 triệu đồng tặng hộ nghèo đồng bào Khmer, Chăm có nơi cư trú ổn định và hàng trăm căn nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương.

2.1.2.2. Về kinh tế.

Hiện nay, thế mạnh kinh tế của Châu Phú là nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2020, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng: Thương mại - Dịch vụ, Công nghiệp - xây dựng và Nông nghiệp.

* Về nông nghiệp: nhờ làm tốt công tác thủy lợi nên diện tích và năng suất cây trồng của Châu Phú đã gia tăng qua các năm. Bình quân, giá trị SX là 45 triệu đồng/ha/năm. Phấn đấu đến năm 2020, Châu Phú đạt tổng diện tích gieo trồng cả năm trên 102.000 ha, tổng sản lượng lương thực đạt gần 614 ngàn tấn/năm. Châu

Phú sẽ chuyển phần lớn diện tích đất nông nghiệp của các xã Khánh Hòa, Bình Thủy và thị trấn Cái Dầu sang chuyên canh màu, số diện tích còn lại thực hiện chuyên canh giống. Đối với các xã khác thực hiện SX 03 vụ /năm và có trên 50% diện tích SX lúa thơm và lúa đặc sản theo nhu cầu thị trường, đồng thời các giống lúa khác đưa vào SX phải đảm bảo 3 tiêu chuẩn: Năng suất cao, chất lượng tốt và kháng sâu bệnh.

Nhằm tạo điều kiện cho bà con nông dân trong huyện đẩy mạnh thực hiện cơ giới hoá trong SX nông nghiệp, ngành nông nghiệp huyện Châu Phú đã thẩm định cho bà con nông dân vay vốn đầu tư máy gặt đập liên hợp và máy sấy lúa; chủ yếu là nông dân ở các xã có diện tích SX nông nghiệp khá lớn như: Thạnh Mỹ Tây, Đào Hữu Cảnh, Vĩnh Thạnh Trung... Tính đến nay, huyện Châu Phú có tổng cộng 54 máy gặt đập liên hợp, 7 máy gặt xếp dây và 322 máy sấy lúa.

Với chiều dài trên 33 km dọc theo tuyến quốc lộ 91, cặp bờ sông Hậu và 2/3 cánh đồng nằm trên vùng Láng Linh, Châu Phú có nhiều tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản song song với cây lúa và hoa màu, đặc biệt ở 2 xã cù lao là Khánh Hòa và Bình Thủy. Châu Phú đã tập trung quy hoạch và phát triển mạnh mô hình nuôi cá tra ở các xã, thị trấn cặp bờ Tây sông Hậu như: Khánh Hòa, Mỹ Phú, Vĩnh Thạnh Trung, Cái Dầu, Bình Mỹ, Bình Thủy, Bình Phú. Tính đến nay, toàn huyện đã có 329 ha nuôi trồng thủy sản (ở các xã ven tuyến kinh chính, sông Hậu và quốc lộ 91) và 332 bè (Khánh Hòa và Mỹ Phú), tổng sản lượng đạt khoảng 35.000 tấn.

Từ nay đến năm 2020, huyện Châu Phú quy hoạch vùng nuôi cá tra và tôm càng xanh trên tổng diện tích 1.348 ha. Trước mắt, triển khai dự án thử nghiệm ở 2 xã Bình Thủy, Khánh Hòa, với diện tích 450 ha. Riêng vùng nuôi tôm càng xanh quy hoạch 430 ha ở các xã: Bình Long (40 ha), Bình Phú (150 ha), Thạnh Mỹ Tây (120 ha) và Vĩnh Thạnh Trung (120 ha). Song song đó, huyện còn tập trung thực hiện các dự án: đào tạo huấn luyện nhân lực xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản an toàn và chất lượng thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế SQF; huấn luyện kỹ năng SX giống thủy sản gắn với xã hội hóa SX giống thủy sản và dự án quảng bá thương hiệu cá Tra, cá Ba Sa An Giang. Những năm gần đây, giá cá Tra, Ba Sa không ổn định đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến SX và đời sống của nhiều hộ chăn nuôi.

Trung tâm Giống thủy sản An Giang lựa chọn nuôi thí điểm giống cá chình bông ở xã Bình Chánh, huyện Châu Phú và cho kết quả khả quan. Hiện nay, mô hình này đang được nhân rộng ra toàn huyện và tỉnh.

* Về công nghiệp: Các ngành nghề phổ biến như: chế biến lương thực và xay xát, ngành chế biến thủy hải sản xuất khẩu,....., các nghề thủ công truyền thống như đan võng, đan lát, làm nước mắm cũng tiếp tục phát triển. Đến tháng 11/2018, Châu Phú đã mời gọi đầu tư được 16 dự án phát triển KT-XH trên địa bàn, gồm: 9 dự án thương mại kết hợp dân cư có quy mô 86 ha với tổng mức đầu tư gần 500 tỷ đồng, trong đó 7 khu thương mại kết hợp dân cư đã đưa vào hoạt động. Riêng 6 dự án công nghiệp - dịch vụ có quy mô 450 ha và 1 dự án đường tránh quốc lộ 91 dài 9 km có tổng vốn đầu tư trên 2.000 tỷ đồng đang trong giai đoạn vận hành, khi hoàn thành sẽ thúc đẩy nhanh sự phát triển KT-XH trên địa bàn.

* Về Thương mại - Dịch vụ: Năm 2018, tỷ trọng Thương mại - Dịch vụ của Châu Phú chiếm 33,7% trong cơ cấu kinh tế. Những năm qua, Châu Phú đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính để hỗ trợ thiết thực cho nhà đầu tư, theo phương châm “Trách nhiệm, một cửa và thân thiện”. Trong 3 năm qua, Châu Phú đã mời gọi đầu tư được 8 dự án xây dựng chợ với quy mô gần 100 ha, tổng mức đầu tư trên 5.000 tỷ đồng, như: Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc (22 ha, vốn đầu tư 100 tỷ đồng); khu dân cư – chợ Vĩnh Tre (12 ha, vốn đầu tư 60 tỷ đồng); Trung tâm thương mại Châu Phú (10 ha, vốn đầu tư 50 tỷ đồng); Khu dân cư – chợ Mỹ Đức (15 ha, vốn đầu tư 75 tỷ đồng); Khu dân cư chợ Kinh 7 - Vĩnh Thạnh Trung (7 ha, vốn đầu tư 35 tỷ đồng) và các dự án dân cư - chợ khác như: chợ Long Châu của xã Thạnh Mỹ Tây, chợ Kinh Cốc - Đào Hữu Cảnh, chợ xã Bình Thủy...

Hàng năm, huyện có kế hoạch phát triển đô thị ở nông thôn, trong đó giai đoạn 2010 - 2015 phát triển thêm các thị trấn Bình Mỹ, Ô Long Vỹ và Bình Long, đồng thời đẩy mạnh các loại hình dịch vụ dọc theo quốc lộ 91; kết hợp với phát triển đô thị tạo thành dãy băng đô thị gắn kết theo chuỗi trục đô thị Thành phố Long Xuyên và Thành phố Châu Đốc. Phấn đấu đến năm 2020, Châu Phú trở thành thị xã với quy mô đô thị loại 3 và các xã ven quốc lộ 91 trở thành phường.

Ngày 01/02/2009, huyện khánh thành Khu dân cư thương mại chợ Châu Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, do Công ty TNHH Xây dựng Tây Đô làm chủ đầu tư, có quy mô 8,5 ha. Sau gần 3 năm thực hiện đến nay, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, có cảnh quan thiên nhiên, an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh đô thị...

Châu Phú xác định nông nghiệp là nền tảng, từ đó, huyện đã chỉ đạo các ngành chuyên môn, hỗ trợ kịp thời nông dân trong việc canh tác cây lúa, khuyến khích nông dân ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào SX để tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Vụ đông xuân 2017-2018, diện tích xuống giống đạt 34.655 ha, năng suất bình quân 7,25 tấn/ha (so cùng kỳ cao hơn 0,24 tấn/ha). Đến nay, đã có 93,8% diện tích lúa xuống giống áp dụng chương trình “3 giảm, 3 tăng”, 52,7% diện tích lúa xuống giống áp dụng “1 phải, 5 giảm”. Bên cạnh đó, để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, Châu Phú từng bước quy hoạch chuyển đổi những vùng có diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả để SX các loại rau màu, cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời, duy trì mô hình trồng rau an toàn và phát triển mô hình nhà lưới giá rẻ tại các xã Thạnh Mỹ Tây, Bình Thủy, Bình Chánh”.

Cùng với việc phát triển nông nghiệp, lĩnh vực thương mại - dịch vụ được Châu Phú quan tâm phát triển. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện có 62 cơ sở kinh doanh, dịch vụ thành lập mới với vốn kinh doanh trên 17 tỷ đồng, chủ yếu là các ngành, nghề: mua, bán lúa gạo, điện máy, điện lạnh...

Thực hiện nhiệm vụ nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, với phương châm nhà nước và Nhân dân cùng làm, 3 tháng đầu năm 2018, các xã trên địa bàn huyện đã triển khai thi công 12 công trình, trong đó có 5 công trình cầu bê-tông, 7 công trình đường giao thông với chiều dài 34,3km.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, đầu năm 2018 huyện Châu Phú hiện có 5/12 xã đạt chuẩn, phấn đấu tiếp tục đưa xã Vĩnh Thạnh Trung hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu NTM vào cuối năm 2018.

Quý II năm 2018, là thời gian quan trọng và quyết định trong việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết, kế hoạch và chương trình công tác về phát triển KT-XH

năm 2018. Do đó, UBND huyện đã triển khai đến các ngành có liên quan, theo dõi, dự báo tình hình sâu hại, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tình hình thu hoạch vụ đông xuân và tiến độ xuống giống vụ hè thu đảm bảo đúng lịch thời vụ. Đồng thời, tăng cường mời gọi DN ký kết hợp đồng tiêu thụ lúa và nông sản vụ hè thu.

Để trang bị kiến thức giúp cho nông dân chuyển đổi cây trồng hiệu quả, địa phương sẽ tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng cây có múi mang lại giá trị kinh tế cao cho nông dân nhằm từng bước mở rộng diện tích SX tại các xã Mỹ Phú, Thạnh Mỹ Tây, Ô Long Vĩ theo kế hoạch.

Tiến hành triển khai các bước tiếp theo của dự án tạo quỹ đất trồng cây có múi do Cty Châu Thới 620 thực hiện và dự án nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao do Cty Nam Việt đầu tư tại xã Bình Phú Vào tháng 11-2018, HĐQT Navico đã quyết định đầu tư 540 tỷ đồng để góp vốn 100% vào Cty TNHH Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú. Đây là chiến lược mở rộng thêm vùng nuôi của Cty Nam Việt và giúp bảo đảm nguồn cung cá nguyên liệu cho kế hoạch mở rộng thị trường xuất khẩu. Cty Nam Việt đã hoàn tất việc mua 500 ha đất phục vụ cho đầu tư dự án. Dự án được xây dựng trong năm 2019 - 2020. Điểm nổi bật của dự án là quy mô lớn, tập trung, ứng dụng công nghệ cao và xuất khẩu 100% - dự án đã đáp ứng được hết các tiêu chí khắt khe như kích cỡ đồng đều, đúng hẹn, đảm bảo yếu tố an toàn, bảo vệ môi trường.... Dự án được chia thành 2 khu, bao gồm khu SX giống cá tra 3 cấp chất lượng cao (diện tích nuôi 150 ha, vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng) và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản, nuôi cá tra thương phẩm (diện tích nuôi 450 ha, vốn đầu tư 3.000 tỷ đồng); dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng ương giống tập trung thuộc chuỗi cá tra 3 cấp với Cty Sao Mai tại xã Vĩnh Thạnh Trung; dự án nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao của Cty Lộc Kim Chi tại xã Mỹ Phú.

Đối với công tác xây dựng NTM, Ban Chỉ đạo huyện tăng cường hỗ trợ các địa phương đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí, trong đó tập trung hỗ trợ xã Vĩnh Thạnh Trung đã đạt chuẩn NTM vào cuối năm 2018. Riêng các xã đã đạt chuẩn NTM, nhưng còn một số chỉ tiêu chưa đạt theo bộ tiêu chí mới sẽ tập trung

thực hiện hoàn thiện theo chuẩn quy định, đồng thời, rà soát chọn ít nhất 1 tiêu chí hoặc chỉ tiêu để làm khâu đột phá trong quá trình thực hiện.

2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đến năm 2018.

2.2.1. Kết quả xây dựng xã nông thôn mới đến năm 2018 của các xã thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, để có cái nhìn tổng quát tình hình xây dựng xã nông thôn mới của các xã thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, tác giả xây dựng bảng đánh giá tổng hợp như sau (Bảng 2.1):

Bảng 2.1. Đánh giá tổng hợp tình hình thực hiện các tiêu chí xây dựng xã NTM của các xã thuộc huyện Châu phú đến năm 2018

TT	Tên tiêu chí	Xã đạt	Xã chưa đạt và không đạt
I	QUY HOẠCH		
1	Quy hoạch	12/12 xã (100%)	Không
II	HẠ TẦNG KT-XH		
2	Giao thông	8/12 xã đạt 100% tiêu chí (đạt 4/4 chỉ tiêu);	4 xã chỉ đạt từ 50% số chỉ tiêu.
3	Thủy lợi	11/12 xã đạt chỉ tiêu	01 xã đạt 61%.
4	Điện	12/12 xã đạt chỉ tiêu	Không
5	Trường học	6/12 xã	6 xã
6	Cơ sở vật chất văn hóa	7/12 xã có nhà văn hóa đạt chuẩn	- 01 xã chưa đạt - 04 xã không đạt
		12/12 xã đạt chuẩn có điểm vui chơi, giải trí, luyện tập thể thao tại nơi công cộng	Không
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	08/12 xã đạt chuẩn	- 02 xã không đạt - 02 xã chưa đạt
8	Thông tin và Truyền thông	12/12 xã	Không

TT	Tên tiêu chí	Xã đạt	Xã chưa đạt và không đạt
9	Nhà ở dân cư	7/12 xã đạt chỉ tiêu xóa nhà tạm, dột nát	5/12 xã chưa đạt
		10/12 xã đạt tiêu chí	2 xã chưa đạt
III	KT VÀ TỔ CHỨC SX		
10	Thu nhập	12/12 xã	Không
11	Hộ nghèo	8/12 xã	4 xã
12	Lao động có việc làm	12/12 xã đạt tiêu chí	Không
13	Tổ chức sản xuất	7/12 xã có HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX	5 xã chưa đạt
		12/12 xã có mô hình liên kết SX gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Không
IV	VH-XH- MÔI TRƯỜNG		
14	Giáo dục và Đào tạo	12/12 xã đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập GDTH đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	Không
		9/12 xã có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học	3 xã chưa đạt
		6/12 xã đạt tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	6 xã chưa đạt
15	Y tế	7/12 xã đạt tỷ lệ người dân tham gia BHYT	5 xã chưa đạt
		11/12 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	01 xã chưa đạt
		12/12 xã đạt tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	Không
16	Văn hóa	12/12 xã đạt tiêu chí	Không

TT	Tên tiêu chí	Xã đạt	Xã chưa đạt và không đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	12/12 xã đạt tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	Không
		100% cơ sở SXKD tại 12/12 xã đều có cam kết bảo vệ môi trường	Không
		6/12 xã đạt chỉ tiêu xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	6 xã chưa đạt
		12/12 xã đạt chỉ tiêu Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Không
		9/12 xã đạt chỉ tiêu Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở SXKD được thu gom, xử lý theo quy định	3 xã chưa đạt
		12/12 xã đạt chỉ tiêu Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Không
		12/12 xã đạt chỉ tiêu Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Không
		9/12 xã đạt tiêu chí Tỷ lệ HGD và cơ sở SXKD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	3 xã chưa đạt
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	12/12 xã đạt tiêu chí Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Không
		12/12 xã Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Không

TT	Tên tiêu chí	Xã đạt	Xã chưa đạt và không đạt
		10/12 xã có Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.	2 xã chưa đạt
		12/12 xã có Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	Không
		12/12 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Không
		12/12 xã Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình;...	Không
19	Quốc phòng và An ninh	12/12 xã đạt chuẩn Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Không
		10/12 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội.	02 xã chưa đạt

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Phần dưới đây sẽ trình bày rõ các số liệu trong Bảng 2.1.

2.2.1.1. Tiêu chí 1, về Quy hoạch

- *Yêu cầu:* Có quy hoạch chung được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn; Ban hành quy định quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt tiêu chí, cụ thể các xã đã lập quy hoạch chung về xây dựng NTM từ năm 2011, được UBND huyện phê duyệt và niêm yết công khai để người dân được biết và thực hiện.

2.2.1.2. Tiêu chí 2, về Giao thông

Hiện có 8/12 xã đạt 100% tiêu chí này (đạt 4/4 chỉ tiêu); còn lại 4 xã: Bình Phú, Đào Hữu Cảnh, Ô Long Vĩ, Mỹ Phú đạt từ 50% số chỉ tiêu. Cụ thể như sau:

a) *Chỉ tiêu 2.1:* Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu chuẩn.

b) *Chỉ tiêu 2.2*: Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.

- *Yêu cầu*: Đạt > 50%.

- *Kết quả thực hiện*: 8/12 xã đạt chỉ tiêu, với tỷ lệ đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt từ 58,15% trở lên. 4 xã chưa đạt, gồm: 03 xã Mỹ Phú, Đào Hữu Cảnh, Bình Phú cùng đạt 45% và xã Ô Long Vĩ đạt 46%.

c) *Chỉ tiêu 2.3*: Tỷ lệ km đường ngõ, xóm (đường dân sinh) được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa.

- *Yêu cầu*: Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu.

d) *Chỉ tiêu 2.4*: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

- *Yêu cầu*: Đạt > 50%.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu với tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt thấp nhất từ 63,62% trở lên.

2.2.1.3. Tiêu chí 3, về Thủy lợi

a) *Chỉ tiêu 3.1*: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

- *Yêu cầu*: Đạt từ 80% trở lên.

- *Kết quả thực hiện*: 11/12 xã đạt chỉ tiêu, còn xã Đào Hữu Cảnh chưa đạt với diện tích đất SX nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động chỉ đạt 61%.

b) *Chỉ tiêu 3.2*: Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ

- *Yêu cầu*: Đạt.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu.

2.2.1.4. Tiêu chí 4, về Điện

a) *Chỉ tiêu 4.1*: Hệ thống điện đạt chuẩn.

- *Yêu cầu*: Đạt.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt chuẩn.

b) *Chỉ tiêu 4.2*: Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

- *Yêu cầu*: Quy định $\geq 98\%$

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu với 53.492 hộ gia đình được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn, tỷ lệ 99,22%.

2.2.1.5. Tiêu chí 5, về Trường học

- *Yêu cầu*: Tỷ lệ trường học các cấp trên địa bàn xã đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (đạt từ 70% tổng số trường).

- *Kết quả thực hiện*: có 6/12 xã đạt tiêu chí; còn 6 xã chưa đạt, cụ thể như sau: xã Mỹ Phú, Ô long Vĩ, Bình Long, Thạnh Mỹ Tây, Đào Hữu Cảnh và Bình Phú chưa có trường đạt chuẩn quốc gia.

2.2.1.6. Tiêu chí 6, về Cơ sở vật chất văn hóa

a) *Chỉ tiêu 6.1*: Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- *Yêu cầu*: Đạt.

- *Kết quả thực hiện*: 8/12 xã đạt tiêu chí, chiếm 66,67% (trong đó, có 7/8 xã có nhà văn hóa đạt chuẩn, đạt 87,5% số xã có nhà văn hóa); còn 04 xã chưa đạt gồm: Mỹ Phú, Thạnh Mỹ Tây, Bình Long, Đào Hữu Cảnh.

b) *Chỉ tiêu 6.2*: Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- *Yêu cầu*: Có bố trí điểm vui chơi, giải trí, luyện tập thể thao tại nơi công cộng.

- *Kết quả thực hiện*: 100% xã đạt chỉ tiêu.

c) *Chỉ tiêu 6.3*: Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

- *Yêu cầu*: Tất cả các ấp có bố trí nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (có thể là văn phòng ấp).

- *Kết quả thực hiện*: 7/12 xã đạt chỉ tiêu với việc bố trí 100% văn phòng ấp là nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng; còn 05 xã chưa đạt gồm: Mỹ Phú, Bình Phú, Thạnh Mỹ Tây, Bình Long, Đào Hữu Cảnh.

2.2.1.7. Tiêu chí 7, về Cơ sở hạ tầng thương mại

- *Yêu cầu*: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

- *Kết quả thực hiện:* 08/12 xã đạt tiêu chí; 04 xã chưa đạt: 02 xã Khánh Hòa, Bình Long chưa xây dựng chợ; 02 xã Mỹ Phú, Bình Phú có chợ chưa đạt chuẩn.

2.2.1.8. Tiêu chí 8, về Thông tin, truyền thông

a) *Chỉ tiêu 8.1:* Xã có điểm phục vụ bưu chính.

- *Yêu cầu:* Có ít nhất 01 điểm phục vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính trên địa bàn xã.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu.

b) *Chỉ tiêu 8.2:* Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.

- *Yêu cầu:* Các ấp trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một loại dịch vụ điện thoại hoặc có ít nhất 01 điểm phục vụ viễn thông có sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt chỉ.

c) *Chỉ tiêu 8.3:* Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp.

- *Yêu cầu:* Có Đài Truyền thanh được thiết lập đáp ứng các quy định về cơ sở vật chất, ít nhất 2/3 số ấp trong xã có hệ thống loa truyền thanh hoạt động.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu.

d) *Chỉ tiêu 8.4:* Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

- *Yêu cầu:* Có ít nhất 2/3 số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Hệ số máy vi tính/ số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,5%.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu.

2.2.1.9. Tiêu chí 9, về Nhà ở dân cư

a) *Chỉ tiêu 9.1:* Nhà tạm, nhà dột nát.

- *Yêu cầu:* Không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- *Kết quả thực hiện:* Có 7/12 xã đạt chỉ tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát; còn lại 5 xã chưa đạt với tổng số 320 căn nhà, bao gồm: Mỹ Phú (102 căn), Thạnh Mỹ Tây (32 căn), Bình Long (18 căn), Đào Hữu Cảnh (91 căn), Bình Phú (77 căn).

b) *Chỉ tiêu 9.2:* Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng.

- *Yêu cầu:* Đạt $\geq 70\%$.

- *Kết quả thực hiện*: có 10/12 xã đạt tiêu chí; còn 2 xã chưa đạt là Bình Mỹ (47%), Bình Phú (66%).

2.2.1.10. Tiêu chí 10, về Thu nhập

- *Yêu cầu*: Thu nhập bình quân đầu người của các xã năm 2017 đạt 37 triệu đồng/người/năm.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) đạt tiêu chí.

2.2.1.11. Tiêu chí 11, về Hộ nghèo

- *Yêu cầu*: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 dưới 4%.

- *Kết quả thực hiện*: 8/12 xã hoàn thành tiêu chí; còn 4 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so quy định tại tiêu chí này gồm: xã Ô Long Vĩ (6,97%), xã Bình Long (4,17%), xã Đào Hữu Cảnh (14,63%), xã Bình Phú (7,57%).

2.2.1.12. Tiêu chí 12, về Lao động có việc làm

- *Yêu cầu*: Tỷ lệ người lao động có việc làm thường xuyên đạt từ 90% dân số trở lên.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 (100%) xã đạt tiêu chí.

2.2.1.13. Tiêu chí 13, về Tổ chức sản xuất

a) *Chỉ tiêu 13.1*: Xã có HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012.

- *Yêu cầu*: Đạt.

- *Kết quả thực hiện*: 7/12 xã đạt tiêu chí; còn 5 xã chưa đạt gồm: Khánh Hòa, Thạnh Mỹ Tây, Bình Thủy, Đào Hữu Cảnh, Bình Phú.

b) *Chỉ tiêu 13.2*: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

- *Yêu cầu*: Đạt.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) tham gia ít nhất 01 mô hình liên kết SX gắn với tiêu thụ sản phẩm (Lúa Jasmine, lúa chất lượng cao,...)

2.2.1.14. Tiêu chí 14, về Giáo dục

a) *Chỉ tiêu 14.1*: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- *Yêu cầu*: Quy định là đạt.

- *Kết quả thực hiện:* Có 12/12 xã (100%) đạt chuẩn.

b) *Chỉ tiêu 14.2:* Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).

- *Yêu cầu:* Đạt từ 80% trở lên.

- *Kết quả thực hiện:* 9/12 xã đạt chỉ tiêu, còn 3 xã chưa đạt gồm: Mỹ Phú (60,53%), Đào Hữu Cảnh (63,53%), Bình Phú (54,55%).

c) *Chỉ tiêu 14.3:* Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.

- *Yêu cầu:* Đạt từ 25% trở lên.

- *Kết quả thực hiện:* 6/12 xã đạt chỉ tiêu; 6 xã chưa đạt, cụ thể như sau: xã Bình Phú, Thanh Mỹ Tây, Ô Long Vĩ, Mỹ Phú (đạt 20%), xã Bình Long (đạt 22%), xã Đào Hữu Cảnh (đạt 18%).

2.2.1.15. Tiêu chí 15, về Y tế

a) *Chỉ tiêu 15.1:* Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- *Yêu cầu:* Đạt từ 85% trở lên.

- *Kết quả thực hiện:* 7 xã đạt chỉ tiêu; 5 xã chưa đạt, cụ thể như sau: Mỹ Đức (75,72%); Mỹ Phú (67,82%); Ô Long Vĩ (63,20%); Bình Long (69,48%); Thanh Mỹ Tây (63,17%).

b) *Chỉ tiêu 15.2:* Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- *Yêu cầu:* Đạt.

- *Kết quả thực hiện:* 11/12 xã đạt tiêu chí; 01 xã chưa đạt là Thanh Mỹ Tây.

c) *Chỉ tiêu 15.3:* Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi.

- *Yêu cầu:* Từ 20,5% trở xuống.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15,5%.

2.2.1.16. Tiêu chí 16, về Văn hóa

- *Yêu cầu:* Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa từ 70% trở lên.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 (100%) xã đạt tiêu chí, tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn.

2.2.1.17. Tiêu chí 17, về Môi trường

a) *Chỉ tiêu 17.1:* Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định.

- *Yêu cầu:* Đạt từ 85% trở lên.

- Kết quả thực hiện: Có 12/12 xã đạt chỉ tiêu. Tỷ lệ bình quân 90,1%.

b) *Chỉ tiêu 17.2:* Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* 100% số cơ sở SXKD tại 12/12 xã đều có cam kết bảo vệ môi trường.

c) *Chỉ tiêu 17.3:* Xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- *Yêu cầu:* Đạt.

- *Kết quả thực hiện:* 6/12 xã đạt chỉ tiêu; 6 xã chưa đạt, là: xã Bình Long, có điểm ô nhiễm môi trường; các xã Ô Long Vĩ, Thạnh Mỹ Tây, Mỹ Phú, Bình Phú, Đào Hữu Cảnh còn tình trạng người dân lấn chiếm lòng, lề đường để họp chợ,...

d) *Chỉ tiêu 17.4:* Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- *Yêu cầu:* Đạt.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu.

đ) *Chỉ tiêu 17.5:* Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu:* Đạt.

- *Kết quả thực hiện:* 9/12 xã đạt chỉ tiêu; 3 xã có tỷ lệ rác thải được thu gom thấp hơn 65% là: Thạnh Mỹ Tây (62%), Đào Hữu Cảnh (58%), Bình Phú (60%).

e) *Chỉ tiêu 17.6:* Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

- *Yêu cầu:* Đạt từ 70% trở lên.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 (100%) xã đạt chỉ tiêu.

g) *Chỉ tiêu 17.7:* Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ môi trường.

- *Yêu cầu:* Đạt từ 70% trở lên.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) đạt chỉ tiêu với tổng số 318/392 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ bình quân 81,22%.

h) *Chỉ tiêu 17.8:* Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SXKD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* 9/12 xã đạt tiêu chí, còn 3 xã chưa đạt gồm Mỹ Phú (49%), Bình Long (78%), Đào Hữu Cảnh (95%).

2.2.1.18. Tiêu chí 18, Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

a) *Chỉ tiêu 18.1:* Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* cán bộ xã đạt chuẩn: 12/12 xã (100%); công chức xã đạt chuẩn: 6/12 xã; 6 xã chưa đạt là Mỹ Phú (70%), Bình Long (90,9%), Bình Phú (63,63%), Đào Hữu Cảnh (40%), Thạnh Mỹ Tây (75%), Ô Long Vĩ (40%).

b) *Chỉ tiêu 18.2:* Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) hoàn thành chỉ tiêu.

c) *Chỉ tiêu 18.3:* Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

- *Yêu cầu:* Quy định đạt.

- *Kết quả thực hiện:* năm 2018 có 10/12 xã hoàn thành chỉ tiêu này, còn 2 xã chưa đạt là Ô Long Vĩ, Bình Thủy.

d) *Chỉ tiêu 18.4:* Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* Theo đánh giá cuối năm 2018 của Ban Dân vận Huyện ủy có 12/12 xã có 100% tổ chức chính trị xã hội đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

đ) *Chỉ tiêu 18.5:* Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- *Yêu cầu:* Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* 12/12 xã (100%) hoàn thành chỉ tiêu.

e) *Chỉ tiêu 18.6:* Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- *Yêu cầu:* Đạt

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) hoàn thành tốt chỉ tiêu.

2.2.1.19. Tiêu chí 19, về Quốc phòng và an ninh

a) *Chỉ tiêu 19.1*: Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- *Yêu cầu*: Đạt 100%

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) hoàn thành tốt chỉ tiêu.

b) *Chỉ tiêu 19.2*: Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

- *Yêu cầu*: Đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện*: 10/12 xã (100%) đạt chuẩn; 02 xã chưa đạt do tỷ lệ tội phạm liên quan đến ma túy còn cao là Thạnh Mỹ Tây, Bình Long.

Tóm lại: đến nay, huyện có 6/12 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (Khánh Hòa, Mỹ Đức, Bình Thủy, Bình Mỹ, Bình Chánh, Vĩnh Thạnh Trung), 6 xã còn lại đạt từ 9 tiêu chí và 36 chỉ tiêu trở lên.

2.2.2. *Kết quả xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2018 của huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.*

Tình hình xây dựng huyện NTM của huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, được trình bày tổng quát như sau (Bảng 2.2):

Bảng 2.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí huyện Nông thôn mới

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	Có quy hoạch XD trên địa bàn huyện được phê duyệt	Chưa đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	Chưa đạt
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Chưa đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Chưa đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	Chưa đạt
6	Sản xuất	Hình thành vùng SX nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình SX theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ SX đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Chưa đạt
		7.2. Cơ sở SX, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	Đạt
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo CT.MTQG XD NTM cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình NTM cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

Nguồn: do tác giả tự tổng hợp

Qua rà soát, tính đến nay, huyện đạt 5/9 tiêu chí và 8/14 chỉ tiêu. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

2.2.2.1. Tiêu chí 1, về Quy hoạch

- *Yêu cầu:* Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố, công khai. Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- *Kết quả thực hiện:* Tính đến thời điểm này, huyện có 12/12 xã (100%) đạt tiêu chí về quy hoạch. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu giữa thực tế và bản quy hoạch,

đã có 06 xã (Bình Thủy, Mỹ Đức, Bình Chánh, Khánh Hòa, Bình Mỹ, Vĩnh Thạnh Trung) thực hiện xong việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; các xã còn lại đang trong giai đoạn rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trình UBND huyện phê duyệt. Huyện đang đề nghị tỉnh hỗ trợ kinh phí để thực hiện quy hoạch.

- *Tự đánh giá:* Chưa đạt.

2.2.2.2. Tiêu chí 2, về Giao thông

a) *Chỉ tiêu 2.1:* Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã.

- *Yêu cầu:* Có hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã.

- *Kết quả thực hiện:* giai đoạn 2011-2018 đã thực hiện nâng cấp các đường nông thôn kết hợp kiên cố hóa hệ thống đê bao chống lũ, với tổng chiều dài 353,2 km, trong đó đường láng nhựa và bê tông đạt trên 52% (với 187,6 km), còn lại 165,6 km được trải đá cấp phối; xây dựng mới 93 cầu bê tông, với tổng kinh phí thực hiện 485.669 triệu đồng (ngân sách nhà nước 339.968 triệu đồng, nhân dân đóng góp 145.701 triệu đồng). Qua đó, đảm bảo giao thông kết nối tới 12/12 xã.

- *Tự đánh giá:* Đạt.

b) *Chỉ tiêu 2.2:* Tỷ lệ đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch.

- *Yêu cầu:* Có 100% đường do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* Toàn huyện có 7 tuyến đường nông thôn do huyện quản lý với chiều dài 92,6 km. Đã thực hiện nhựa hóa, bê tông được 67,62km, còn lại 33,18km được trải đá cấp phối đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Tự đánh giá:* Chưa đạt.

2.2.2.3. Tiêu chí 3, về Thủy lợi

- *Yêu cầu:* Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

- *Kết quả thực hiện:* giai đoạn 2011-2018 đã thực hiện hơn 95 công trình với tổng mức đầu tư trên 72.000 triệu đồng (trong đó vốn nhà nước 60.000 triệu đồng, phần kinh phí còn lại do Nhân dân đóng góp) đảm bảo đồng bộ và an toàn.

- *Tự đánh giá*: Đạt.

2.2.2.4. Tiêu chí 4, về Điện

- *Yêu cầu*: Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống đạt từ 98%.

- *Kết quả thực hiện*: 12/12 xã (100%) sử dụng điện lưới quốc gia. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 99,22% trên tổng số hộ trên địa bàn toàn huyện.

- *Tự đánh giá*: Đạt.

2.2.2.5. Tiêu chí 5, về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) *Chỉ tiêu 5.1*: Bệnh viện Đa khoa huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

- *Yêu cầu*: Bệnh viện Đa khoa huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 (theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế). Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế. Có 100% Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- *Kết quả thực hiện*: Năm 2016, Bệnh viện đa khoa huyện Châu Phú đã được Sở Y tế công nhận đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3. Tuy nhiên, hiện nay Trung tâm Y tế huyện và Bệnh viện Đa khoa huyện đã thực hiện sáp nhập và lấy tên chung là Trung tâm y tế huyện nên chưa thể đánh giá, xếp loại do chưa có hướng dẫn của Sở Y tế tỉnh về việc đánh giá, xếp loại Trung tâm y tế cấp huyện sau khi thực hiện sáp nhập. Đồng thời, huyện có 10/12 Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, còn 02 Trạm y tế chưa đạt do vướng tiêu chí cơ sở vật chất gồm: Trạm y tế xã Bình Long; Trạm y tế xã Thạnh Mỹ Tây (dự kiến đạt năm 2019).

- *Tự đánh giá*: Chưa đạt.

b) *Chỉ tiêu 5.2*: Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- *Yêu cầu*: Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, bao gồm: Diện tích đất được quy hoạch tối thiểu 5.000 m², trong đó: diện tích hoạt động trong nhà (văn phòng 250 m², phục vụ hoạt động chuyên môn 1.000 m²), diện tích hoạt động

ngoài trời 3.300 m², hội trường 350 chỗ ngồi,... và có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- *Kết quả thực hiện*: Huyện có Sân vận động với diện tích 32.381m²; Hồ bơi với diện tích 2.505m². Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức rộng khắp tạo sân chơi lành mạnh cho người dân, nhất là vào các dịp lễ, tết. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu. Tuy nhiên, huyện chưa có nhà thi đấu đa năng và trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt.

- *Tự đánh giá*: Chưa đạt.

c) *Chỉ tiêu 5.3*: Tỷ lệ trường Trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn.

- *Yêu cầu*: Có từ 60% số trường THPT trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn quốc gia (theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- *Kết quả thực hiện*: Huyện có 05 trường THPT, kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cụ thể như sau:

+ Trường THPT Châu Phú: Đạt 04/05 tiêu chuẩn (TC 2, 3, 4, 5);

+ Trường THPT Trần Văn Thành: đạt 04/05 tiêu chuẩn (TC 1, 2, 3, 5);

+ Trường THPT Bình Mỹ: Đạt 04/05 tiêu chuẩn (TC 1, 2, 3,5);

+ Trường THPT Thạnh Mỹ Tây: Đạt 04/05 tiêu chuẩn (TC 1,2,3,5);

+ Trường THCS và THPT Bình Long: Đạt 03/05 tiêu chuẩn (TC 1,4,5).

- *Tự đánh giá*: Chưa đạt.

2.2.2.6. Tiêu chí 6, về Sản xuất

- *Yêu cầu*: Hình thành vùng SX nông nghiệp hàng hóa tập trung hoặc có mô hình SX theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ SX đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.

- *Kết quả thực hiện*: SX nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò nền tảng, là thế mạnh, giá trị SX chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, trong đó cây lúa vẫn là cây trồng chủ lực. Ước đến cuối năm 2018, giá trị SX đất nông nghiệp đạt 169 triệu đồng/ha, đạt 93,89% Nghị quyết (tăng 19 triệu đồng/ha so với đầu nhiệm kỳ).

Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ cấu lại SX được đẩy mạnh thực hiện, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết, thích ứng biến đổi khí hậu và hiệu quả kinh tế như: chuyển đổi 838 ha

trồng lúa sang trồng cây ăn quả (chủ yếu là cây có múi) đạt 55,89% so với kế hoạch, xây dựng 16.000 m² nhà lưới và 8,39 ha trồng rau an toàn. Đầu tư thực hiện 09 dự án phục vụ SX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng mức đầu tư 281 tỷ 396 triệu đồng; trong đó: NSNN đầu tư 04 dự án với tổng kinh phí 12.396 triệu đồng; kêu gọi DN đầu tư 05 dự án với tổng kinh phí 269 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, huyện đã triển khai nhiều mô hình liên kết SX gắn với tiêu thụ sản phẩm và tạo quỹ đất kêu gọi đầu tư vùng SX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả như:

Về trồng trọt: Nổi bật với mô hình liên kết SX gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa thơm Jasmine theo tiêu chuẩn Globalgap với Cty Tân vương. SX lúa chất lượng cao gắn với mô hình cánh đồng lớn với các Cty: Tập đoàn Lộc Trời, Agrimex – Kitoku, Lương thực thực phẩm An Giang, Vinh Phát, Tân Long,...Thực hiện chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm đậu nành rau, đậu bắp nhật với các Cty Antesco, Hosheki,...

Về chăn nuôi thủy sản: Triển khai dự án nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao do Cty Nam Việt đầu tư với diện tích trên 50 ha tại xã Bình Phú; Dự án Khu liên hợp sản xuất giống và nuôi cá tra công nghệ cao do Cty Lộc Kim Chi đầu tư tại xã Mỹ Phú;...

- *Tự đánh giá:* Đạt.

2.2.2.7. Tiêu chí 7, về Môi trường

a) *Chỉ tiêu 7.1:* Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

- *Yêu cầu:* Có đề án hoặc kế hoạch, phương án quản lý (giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý) chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt; đến năm 2020 tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 100%.

- *Kết quả thực hiện:* Huyện ký biên bản thỏa thuận với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã thực hiện hoàn thành dự án đóng lấp bãi rác thị trấn Cái Dầu; đang triển khai kế hoạch xử lý khắc phục ô nhiễm rạch Chánh Hưng xã Bình Long và rạch Thạnh Mỹ xã Vĩnh Thạnh Trung; mở rộng tuyến thu gom rác đến các xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020, phấn đấu 12/12 xã đều có xe đến thu gom rác,

khối lượng thực hiện ước khoảng 34,35 tấn/ ngày, nâng tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 80% vào năm 2020.

- *Tự đánh giá:* Chưa đạt.

b) *Chỉ tiêu 7.2:* Cơ sở SX, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- *Yêu cầu:* Cơ sở SXKD phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường; có công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải đúng quy định; Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ quy hoạch nuôi trồng thủy sản và các quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung, phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi theo quy định tại Luật thú y; Làng nghề trên địa bàn, cơ sở SX tại làng nghề phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định.

- *Kết quả thực hiện:* Toàn huyện có 766 cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ gồm: 626 cơ sở sản xuất kinh doanh, 80 cơ sở nuôi trồng thủy sản và 60 cơ sở chăn nuôi gia súc gia cầm thực hiện đầy đủ thủ tục về môi trường theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Bên cạnh đó, huyện có 01 (một) làng nghề đan lợp cua tại xã Mỹ Đức thực hiện đầy đủ thủ tục bảo vệ môi trường theo quy định.

- *Tự đánh giá:* Đạt.

2.2.2.8. Tiêu chí 8, về An ninh, trật tự xã hội

- *Yêu cầu:* Hằng năm Huyện ủy, UBND huyện ban hành Nghị quyết, Kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế giảm so với năm trước; Lực lượng vũ trang huyện (công an, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

- *Kết quả thực hiện:* Công tác quân sự quốc phòng địa phương luôn được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm thực hiện, hằng năm đều hoàn thành tốt việc gọi công dân nhập ngũ, các kế hoạch tập huấn, huấn luyện quân sự, bồi

dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh. Công tác tuyển sinh quân sự ngày càng thu hút nhiều học sinh tham gia. Thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ huyện và các xã, thị trấn theo đúng kế hoạch.

Công tác đấu tranh, tấn công trấn áp tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông được đảm bảo. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh trên địa bàn huyện nên các loại tội phạm và tệ nạn xã hội giảm dần hằng năm.

- *Tự đánh giá:* Đạt.

2.2.2.9. Tiêu chí 9, về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a) *Chỉ tiêu 9.1:* Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- *Yêu cầu:* Có Quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức BCD của cấp có thẩm quyền. Có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của BCD được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của CT.MTQG về XD NTM trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định.

- *Kết quả thực hiện:* Từ năm 2011 đến nay, huyện đã thành lập và nhiều lần củng cố, kiện toàn để nâng cao hiệu quả hoạt động của BCD thực hiện CT.MTQG về XD NTM. Các phòng ban, cơ quan thường trực XD NTM huyện và các xã luôn phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, BCD huyện tổ chức các buổi làm việc trực tiếp với các xã để đánh giá, rà soát và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về XD NTM và chỉ đạo UBND các xã tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí chưa đạt và duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt được.

- *Tự đánh giá:* Đạt.

b) *Chỉ tiêu 9.2:* Văn phòng Điều phối Chương trình NTM cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- *Yêu cầu:* Có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Văn phòng điều phối NTM huyện. Có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đảm

bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Kết quả thực hiện:* Huyện đã thành lập Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM huyện theo đúng hướng dẫn; có xây dựng quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng điều phối. Công tác tham mưu, đề xuất được Văn phòng điều phối NTM huyện được thực hiện khá tốt ở tất cả các khâu từ xây dựng, triển khai kế hoạch, giám sát việc thực hiện NTM trên địa bàn các xã.

- *Tự đánh giá:* Đạt.

Tóm lại: đến cuối năm 2018, tình hình xây dựng huyện NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang như sau:

- Có 6/12 xã trong huyện đạt chuẩn NTM.
- Đánh giá các tiêu chí đạt/không đạt chuẩn huyện NTM theo quy định

2.2.3. Nhận xét đánh giá thực trạng

2.2.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân.

*** Những kết quả đạt được:**

- *Về nhận thức:* Xây dựng NTM đã trở thành phong trào rộng khắp, đã tạo được chuyển biến đáng kể trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên và của nhân dân. Nhân dân đồng tình hưởng ứng, tích cực đóng góp công sức, hiến đất, tiền bạc,... để xây dựng giao thông, phát triển SX nâng cao thu nhập, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ nhà nước. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đặc biệt là cán bộ tại ấp, xã đã có bước trưởng thành về khả năng vận động nhân dân và trình độ tổ chức quản lý xây dựng NTM.

- *Về kết cấu hạ tầng:* Hạ tầng nông thôn được quan tâm phát triển, đặc biệt là các công trình trọng điểm có ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế trên địa bàn đã có những bước phát triển nhanh, nhất là về hệ thống mạng lưới điện, nước, giao thông, thủy lợi phục vụ phát triển SX và sinh hoạt của người dân; Các công trình quan trọng khác cũng được tiếp tục triển khai, nâng cấp như: hệ thống chợ, bến bãi, mạng lưới buro điện, hệ thống truyền thanh - truyền hình, kiên cố hóa

trường lớp, thi công các cụm tuyến dân cư, các công trình phục vụ các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao, văn nghệ...

- *Về sản xuất và mô hình sản xuất*: sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, bước đầu đã hình thành được vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa và điện khí hóa; nhiều mô hình liên kết hợp tác sản xuất có hiệu quả, từng bước ổn định và được nhân rộng; các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng.

- *Về đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn*: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, môi trường có chuyển biến đáng kể. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện, chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn ngày một tốt hơn; tỷ lệ hộ khá tăng, hộ nghèo giảm; hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ, thông tin,... ngày càng mở rộng; chính sách an sinh xã hội được tập trung quan tâm; hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân có kết quả khả quan, sức khỏe của nhân dân được nâng cao; phát triển giáo dục, đào tạo nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được quan tâm; nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, đào tạo từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội tăng, cải cách giáo dục gắn kết chặt chẽ hơn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đạt một số kết quả bước đầu; vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường ngày càng được chú trọng.

- *Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiện toàn hệ thống chính trị*: hệ thống chính trị luôn được quan tâm kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ về số lượng, chú trọng nâng cao về chất lượng; Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, luôn quan tâm đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường xây dựng đạo đức cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tổ chức thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tăng cường phân cấp trong công tác cán bộ. Cán bộ chủ chốt thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm.

- *Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn*: Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được thường xuyên triển khai rộng rãi. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững. Quyết liệt đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các loại tội phạm. Giữ vững và củng cố

thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân, đặc biệt đối với các địa bàn chiến lược, xung yếu, phức tạp.

*** Nguyên nhân của thành tựu:**

- Huyện và các xã trong huyện đã chủ động thực hiện nghiêm Nghị quyết của Huyện ủy, Đảng ủy xã đề ra; tranh thủ được sự hỗ trợ, hướng dẫn và nguồn lực cho việc xây dựng NTM theo chỉ đạo của Tỉnh đối với các ngành, các cấp trong tỉnh.

- Hệ thống chính trị toàn huyện, xã nắm bắt công việc và chủ động triển khai kế hoạch xây dựng NTM trên địa bàn; xác định được những phần việc và cách tổ chức thực hiện, có chú ý đến việc thực hiện những tiêu chí dễ làm, ít kinh phí. Đặc biệt, dưới sự chỉ đạo sâu sát của cấp Ủy, các cấp chính quyền địa phương đều quan tâm tập trung cho công tác tuyên truyền về xây dựng NTM, xây dựng quy hoạch, giao thông nông thôn, xây dựng mô hình SX.

- Bộ máy quản lý Ban chỉ đạo để thực hiện chương trình xây dựng NTM đã được chính quyền các cấp thành lập và quan tâm củng cố, cơ cấu tổ chức xuyên suốt từ cấp huyện, đến cấp xã, cấp ấp. Các Ban chỉ đạo đã xây dựng được qui chế làm việc và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Ngoài ra, để theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của các địa phương, Ban chỉ đạo cấp huyện đã phân công thành viên phụ trách xã, Ban quản lý XD NTM cấp xã đã phân công thành viên phụ trách ấp, nhờ đó khó khăn, vướng mắc của các địa phương được tháo gỡ kịp thời, đồng thời, có thể nhân rộng được những sáng kiến, kinh nghiệm của những địa phương này đến những địa phương khác nhanh chóng.

- Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM huyện theo định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình và thường xuyên tổ chức làm việc với các xã về công tác xây dựng NTM, kịp thời đề ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc. Đồng thời chú trọng kiểm tra, giám sát, động viên, khen thưởng, biểu dương việc triển khai thực hiện của các xã. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM cấp huyện cũng tranh thủ, tiếp thu các ý kiến đóng góp, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tỉnh.

2.2.3.2. Các hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề cần giải quyết.

*** Những hạn chế:**

- *Về nhận thức*: Có lúc, có nơi, sự nhận thức về mục đích, ý nghĩa của chương trình xây dựng NTM của một số cấp ủy, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa cao, chưa đầy đủ. Một bộ phận cán bộ và nhân dân có nhận thức chưa đúng về vai trò chủ thể trong xây dựng NTM, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa tích cực... dẫn đến tiến độ xây dựng NTM tại một số xã còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- *Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo*: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung xây dựng NTM còn nặng về những chỉ tiêu cần vốn đầu tư như xây dựng cơ bản. Đối với những chỉ tiêu không cần vốn hoặc cần ít vốn, như xây dựng đời sống văn hóa, công tác vận động và tổ chức cho nhân dân đổi mới giống cây trồng, vật nuôi ít được quan tâm, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của người dân, chưa thực sự trở thành phong trào có sức lan tỏa rộng khắp. Việc thực hiện các tiêu chí thiếu đồng bộ cả về thời gian, không gian và qui mô, vừa không đồng đều giữa các tiêu chí, vừa không đồng đều giữa các xã trong huyện, các ấp trong xã. Phong trào thi đua xây dựng NTM chưa được phát huy tốt nên chưa phát huy được sự tham gia tích cực của người dân, công tác nhân rộng các điển hình tiên tiến của một số cơ sở còn hạn chế nên chưa có sự lan tỏa.

- *Về huy động vốn và cơ cấu nguồn vốn*: Việc huy động nguồn lực đầu tư của DN và nguồn xã hội hóa cho khu vực nông nghiệp, nông thôn còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH trong xây dựng NTM chủ yếu từ ngân sách nhà nước, nhưng hạn hẹp.

- *Về cơ cấu kinh tế*: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chưa đồng bộ, tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trong nông thôn chưa hợp lý; chậm đổi mới cách thức SX, thiếu ổn định trong SX nông nghiệp, quy mô SX nhỏ thường là phạm vi hộ gia đình nên mức độ ứng dụng khoa học công nghệ cao còn thấp, làm cho năng suất, chất lượng sản phẩm hạn chế. Kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại phát triển chậm, hợp tác liên kết trong SX, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn yếu.

- *Về liên kết kinh tế*: phát triển kinh tế hợp tác còn hạn chế, thiếu đa dạng, liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân chưa chặt chẽ, thiếu bền vững nên chưa tạo động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển.

- *Về hiệu quả sử dụng vốn*: Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn thấp, hiệu quả đầu tư không cao, nhất là nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư hạn hẹp.

- *Về phát triển kinh tế*: Kinh tế tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, thâm dụng lao động, năng suất lao động thấp, chất lượng tăng trưởng thấp, chưa dựa vào khoa học và công nghệ hiện đại, chưa nâng cao sự đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp (TFP), tăng trưởng chưa thật sự bền vững, sức cạnh tranh còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

- *Về hệ thống kết cấu hạ tầng*: Hệ thống kết cấu hạ tầng vừa chậm phát triển vừa thiếu đồng bộ, đầu tư dàn trải, chưa đáp ứng yêu cầu của một nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Các xã đã có điện nhưng chưa thực sự đáp ứng đủ cho nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư. Các cơ sở phục vụ thương mại, dịch vụ (chợ, kho tàng, bến bãi,...) ở nông thôn còn ít. Hạ tầng giao thông như cầu, đường chưa phát triển đủ và đồng bộ.

* Nguyên nhân của hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ *Điểm xuất phát của nền kinh tế*: khi triển khai Chương trình xây dựng NTM, nền kinh tế của huyện và các xã thuộc huyện còn ở mức thấp, kinh tế của các xã thuộc huyện không đồng đều; mặt bằng chung thu nhập và điều kiện mức sống của người dân còn thấp; Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội còn yếu kém, cụ thể là: các tuyến giao thông chưa thông suốt, tải trọng thấp cầu chưa đồng bộ với đường, các tuyến liên xã, liên ấp nhỏ, hẹp. Chợ nông thôn xuống cấp. Hệ thống bưu điện, trường học, cơ sở y tế, mạng lưới điện, các công trình thủy lợi, các công trình phục vụ văn hóa xã hội... còn thiếu, công trình đang có thì đa phần chưa đạt chuẩn.

+ *Cơ chế, chính sách*: Một số cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn về NTM của các Bộ, ngành Trung ương còn chậm ban hành hoặc chậm điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tế của địa phương, nên vận dụng, áp dụng để triển khai

tại các địa phương còn gặp nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính thống nhất chung. Mặt khác, Trung ương chưa giao biên chế hành chính cho công tác xây dựng NTM.

+ *Phong tục tập quán*: một số thay đổi trong lối sống khi xây dựng NTM gặp vướng mắc do phong tục tập quán. Cụ thể như rất khó quy hoạch, triển khai thực hiện một nghĩa trang nhân dân chung cho một số xã vì tập quán của người dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nói riêng thường chôn người chết gần nhà.

+ *Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp*: Nông nghiệp là một lĩnh vực rất phong phú, SX nông nghiệp gắn liền với thiên nhiên, với môi trường và gặp nhiều rủi ro, đặc biệt là đối với các vùng, các địa phương, các nước chưa phát triển, đất đai manh mún, nhỏ lẻ, đất đai xen trong các khu dân cư, khoa học kỹ thuật còn lạc hậu. Vì vậy việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế do đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn hiệu quả đầu tư không cao.

+ *Hạn chế về nguồn vốn*: Nhu cầu vốn để thực hiện Chương trình xây dựng NTM rất lớn, trong đó phần vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng cho NTM gồm hạ tầng xã hội và hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng vốn đầu tư rất cao, nhưng nguồn vốn đầu tư thì chưa được đáp ứng đầy đủ và kịp thời theo nhu cầu. Nguồn vốn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, nguồn vốn hàng năm phân bổ từ ngân sách Trung ương còn thấp, nguồn ngân sách địa phương ít, nguồn huy động từ sức dân còn hạn chế là thách thức lớn đối với phát triển kinh tế và thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ *Công tác tuyên truyền, vận động còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu*: chính vì chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đã dẫn đến tình trạng một số cơ sở Đảng, chính quyền và một bộ phận cán bộ đảng viên nhận thức chưa rõ, đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM.

Do nhận thức chưa rõ, đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM, chưa nắm vững công tác xây dựng NTM nên một số cơ sở Đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề tam nông “nông nghiệp, nông thôn, nông dân”, chưa thật sự quyết liệt, còn lúng túng, bị động, trong công tác lãnh

đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình xây dựng NTM, sự phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ. Một số mô hình SX có hiệu quả, mang tính đặc trưng của từng vùng đã được tập trung xây dựng, nhưng chính quyền địa phương còn thiếu quan tâm trong việc tổ chức triển khai nhân rộng, nên chưa có tính lan tỏa và chỉ dừng lại ở một nhóm nhỏ tham gia.

Tác động nghiêm trọng hơn cả của công tác tuyên truyền, vận động không tốt là ở chỗ người dân nhận thức chưa đúng về vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM nên có tâm lý ngại đổi mới, còn nặng về tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa quan tâm đóng góp các nguồn lực, chưa tích cực đề ra các giải pháp để xây dựng NTM, chưa có ý thức cao trong kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Hiện nay, một thực tế đang diễn ra ở khu vực nông thôn khá phổ biến là người nông dân chỉ lo vun vén vì lợi ích của cá nhân và gia đình mình, không quan tâm việc chung, ý thức chưa cao trong bảo vệ môi trường nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi, một bộ phận không nhỏ khác ít thiết tha sản xuất nông nghiệp.

+ *Hạn chế về nguồn nhân lực:* Trong xây dựng NTM, có rất nhiều nhiệm vụ khó khăn phải thực hiện, do đó cần một đội ngũ cán bộ có đủ bản lĩnh để tập trung theo dõi xuyên suốt trong quá trình dài. Tuy vậy, trong thực tế quá trình xây dựng NTM tại địa phương thời gian qua, bộ máy chuyên trách về xây dựng NTM từ huyện đến cơ sở vẫn còn thiếu và yếu. Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế, số lượng quá ít, hầu hết lại kiêm nhiệm nên còn lúng túng trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Ngoài ra, lực lượng nòng cốt tại địa phương để xây dựng NTM còn thiếu, mặt bằng trình độ dân trí còn thấp, chất lượng lao động chưa cao. Một bộ phận không nhỏ lực lượng có trình độ, chất lượng thoát ly khỏi địa phương để tìm kiếm cơ hội việc làm ở nơi khác có thu nhập và đời sống cao hơn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến rất thiếu người để tham gia trực tiếp vào các công việc của chương trình.

+ *Hạn chế trong công tác phối hợp thực hiện chương trình xây dựng NTM:* mặc dù UBND huyện có tập trung chỉ đạo nhưng một số thành viên Ban chỉ đạo huyện tham gia còn hạn chế, nhất là việc theo dõi, hỗ trợ cho các xã điểm theo sự phân công của Trưởng ban; sự phối hợp thực hiện chương trình của một số cơ quan chức năng, các phòng, các đơn vị và các cơ sở chưa chặt chẽ, nhất là trong việc lập kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện tại các xã điểm, trong đề xuất các giải pháp để triển khai có hiệu quả và đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

*** Vấn đề cần giải quyết:**

Cần giải quyết thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động trong xây dựng NTM: tuyên truyền sâu, rộng về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng NTM. Chỉ khi thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, mới tạo sự chuyển biến về tư tưởng, nâng cao nhận thức, niềm tin, sự đồng thuận của người dân, phát huy được vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư. Thực tế đã chứng minh rằng nơi nào có công tác tuyên truyền tốt, nơi đó việc xây dựng NTM sẽ có chuyển biến tích cực, huy động được đông đảo người dân tham gia, sẽ huy động tốt các nguồn lực từ người dân. Mọi hành động, việc làm trong xây dựng NTM phải dựa trên nguyện vọng chính đáng của nhân dân, quán triệt sâu sắc nguyên tắc: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”, tránh tư tưởng nóng vội chạy thành tích, phát huy tốt nhất vai trò của cộng đồng.

Phải giải quyết tốt vị trí vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị trong xây dựng NTM: phải nâng cao nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị về xây dựng NTM. Các cấp ủy Đảng, chính quyền phải tập trung chỉ đạo, lãnh đạo cả hệ thống chính trị vào cuộc thực hiện xây dựng NTM, coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, phải phát huy được trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Thực tế đã cho thấy, Chương trình xây dựng NTM được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả ở những địa phương được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, có sát sao trong chỉ đạo, triển khai thực hiện.

Cần giải quyết hợp lý về các tiêu chí ưu tiên thực hiện: Trong 19 tiêu chí xây dựng NTM thì tiêu chí phát triển SX được xác định là tiêu chí trọng tâm quan trọng

nhằm nâng cao mức thu nhập, nâng cao đời sống vật chất cho người dân nông thôn, do đó, cần chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện phát triển các loại hình dịch vụ, du lịch, xác lập các mô hình SX nông nghiệp, phi nông nghiệp khoa học, hợp lý, phù hợp với địa phương, cần thực hiện tốt việc xây dựng và nhân rộng các tổ hợp tác, các mô hình liên kết SX hiệu quả.

Cần giải quyết tốt về nguồn vốn cho xây dựng NTM: Vốn đầu tư là điều kiện cần có ý nghĩa quan trọng đến kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Trên thực tế, việc huy động và quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng NTM còn hạn chế cả về số lượng và cơ cấu, cần tập trung giải quyết để đẩy mạnh thu hút vốn, đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn, nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng nguồn vốn cho Chương trình xây dựng NTM.

Bên cạnh đó, cần chú trọng giải quyết các vấn đề quan trọng khác như: vấn đề củng cố và phát triển nguồn nhân lực, vấn đề công nghệ thông tin... Những yếu tố này, có tác động không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế xã hội nói chung và trực tiếp phục vụ cho Chương trình xây dựng NTM.

Kết luận Chương 2

Chương 2 Luận văn đã trình bày các nội dung cơ bản về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đồng thời cũng trình bày được đặc điểm kinh tế - xã hội của huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trong Chương 2 của Luận văn, tác giả cũng đã trình bày các phân tích, đánh giá về thực trạng xây dựng xã và huyện NTM ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng, Luận văn đã làm rõ các thành tựu cũng như chỉ ra các khuyết điểm, hạn chế và nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế trong xây dựng NTM ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để làm cơ sở đưa ra các phương hướng và giải pháp giải quyết vấn đề ở Chương 3.

Chương 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY

3.1. Quan điểm cơ bản.

Nghị quyết số 26-NQ/T.U ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã đề ra quan điểm xây dựng NTM với các nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất: Quan điểm về vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

Thứ hai: Quan điểm về giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước. CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình CNH-HĐH đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng NTM gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

Thứ ba: Quan điểm về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng và biển; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng SX trong nông

ng nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân.

Thứ tư: Quan điểm về nhiệm vụ giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân.

Tóm lại, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò to lớn, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Chính vì vậy các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH-HĐH. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn không phải chỉ là nhiệm vụ của nông dân, ở khu vực nông thôn mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận đóng vai trò nòng cốt trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện.

Xây dựng NTM phải được tiến hành thực hiện đồng loạt tất cả các nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế xã hội, nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức SX, kế thừa, lồng ghép với các chương trình, dự án và các cuộc vận động, các phong trào quần chúng đang được triển khai ở nông thôn, theo phương châm dựa vào nội lực của cộng đồng dân cư là chính, có sự hỗ trợ một phần từ NSNN, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia. Việc xây dựng NTM phải đảm bảo phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng.

3.2. Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Lý luận và thực hiện đã chỉ ra rằng, để tạo thuận lợi cho các nhiệm vụ xây dựng NTM, phải thực hiện đồng bộ hàng loạt các vấn đề: phải tăng cường nhận thức việc xây dựng NTM là việc làm của người dân nông thôn, chính người dân là chủ thể và đồng thời là người được thụ hưởng thành quả do chương trình NTM đem lại, phải có sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân; phải tuân thủ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung của địa phương, và các quy hoạch ngành, lĩnh vực; phải phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong quy hoạch và quản lý xây dựng nông thôn mới; phải đa dạng hóa các nguồn lực, thực hiện tốt việc xã hội hóa nguồn lực, động viên, khuyến khích nhân dân tham gia đóng góp công sức, tiền của, đất đai,... cho xây dựng NTM; phải có cơ chế, chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn;.v.v...

Từ thực trạng xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, qua kết quả nghiên cứu lý luận và bài học kinh nghiệm xây dựng NTM ở các địa phương, dựa trên các quan điểm cơ bản xây dựng NTM của Trung ương Đảng, Chính phủ, Đảng bộ và chính quyền địa phương, tác giả đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang như sau:

3.2.1. Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động.

3.2.1.1. Vai trò của giải pháp.

Công tác tuyên truyền, vận động có vai trò quyết định trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng NTM, có vị trí quan trọng hàng đầu, vì vậy trong thực hiện xây dựng NTM, công tác tuyên truyền, vận động phải đi trước một bước và phải xác định từng nội dung cụ thể trong từng thời điểm, giai đoạn cụ thể. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động sẽ làm chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực tiễn cho thấy, tại những địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân rất tích cực, nhiệt tình tham gia phong trào xây dựng NTM.

3.2.1.2. Nội dung của giải pháp.

**** Về công tác tổ chức thực hiện:***

- Trước hết và quan trọng nhất là phải thực hiện tốt việc tổ chức công tác tuyên truyền, vận động. Huyện ủy, UBND huyện cần nâng cao hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của Ban chuyên trách tuyên truyền, vận động xây dựng NTM, bên cạnh đó, cần có các chính sách khuyến khích, động viên kịp thời để kích thích động viên Ban hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền sâu rộng Chương trình xây dựng NTM trên các phương tiện truyền thông, đài phát thanh, truyền hình, báo chí của địa phương, tăng cường thời lượng phản ánh tin, bài viết về hoạt động tham gia xây dựng NTM. Đồng thời cần thường xuyên cập nhật, điều chỉnh bổ sung các tài liệu tuyên truyền Chương trình xây dựng NTM, Sổ tay hỏi - đáp Chương trình xây dựng NTM theo hướng chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu nhằm phổ biến rộng rãi đến người dân và làm cho mỗi người dân, mỗi hộ gia đình ý thức rõ mình phải làm gì, xóm mình làm công trình nào, đóng góp bao nhiêu, bằng hình thức gì.v.v...

- Thường xuyên củng cố bộ máy tổ chức và không ngừng nâng cao trình độ, nhận thức và kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo.

* Về nội dung:

- Tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cả về chiều rộng lẫn chiều sâu các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền các mô hình điển hình, các tấm gương tiêu biểu xuất sắc trong SX, xây dựng NTM để cơ sở học tập, tham khảo, vận dụng; Tuyên truyền kế hoạch chung hàng năm của tỉnh, của huyện, của xã và làm rõ cho người dân hiểu các nguyên tắc, các tiêu chí, các công việc cụ thể, phương pháp huy động nguồn lực và thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ trong xây dựng NTM, các ý nghĩa thiết thực của Chương trình với đời sống, sản xuất.

- Phát động các phong trào thi đua với nhiều nội dung phong phú và cụ thể như: thi đua giữ gìn vệ sinh môi trường, vườn xanh nhà sạch,... tuyên truyền về các hoạt động, cách làm hay, các mô hình, điển hình tiên tiến xây dựng NTM; Cần nghiên cứu xây dựng “tiêu chí hộ gia đình”, để làm mục tiêu cụ thể cho từng hộ phấn đấu thực hiện, nhất là đối với các hộ gia đình cán bộ, đảng viên chủ chốt của

xã, để nêu gương. Đồng thời, từ hộ gia đình làm cơ sở để các tổ nhân dân tự quản trong ấp, rồi đến các ấp thi đua phấn đấu và hỗ trợ nhau đạt các tiêu chí đã đề ra.

* Về hình thức:

- Thực hiện tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng và mang lại hiệu quả thiết thực. Tuyên truyền, vận động bằng nhiều biện pháp khác nhau cả cổ động trực quan lẫn sinh hoạt, tuyên truyền học tập thường xuyên thông qua các tổ chức đoàn thể, tổ nhân dân tự quản, tuyên truyền miệng; có thể lồng ghép, gắn nội dung từng tiêu chí với các phong trào hành động cách mạng cụ thể tại địa phương, đổi mới cách làm để nhân dân được chủ động tham gia từ khâu đầu và tham gia nhiều hơn vào quá trình xây dựng NTM như: các phong trào thi đua yêu nước; văn hóa, văn nghệ, thể thao; tổ chức các cuộc thi sáng tác, quảng bá các tác phẩm báo chí, văn học nghệ thuật về đề tài xây dựng NTM; Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào thi đua “Dân vận khéo”, lồng ghép tuyên truyền vận động, thông qua triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn.

- Thông qua cổng thông tin điện tử, tỉnh, huyện cung cấp thông tin chính thống về NTM từ những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; Biên soạn tài liệu tuyên truyền với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu các tiêu chí xây dựng NTM, các thông tin về những mô hình SX giỏi - cách làm hay, ứng dụng khoa học kỹ thuật,... thành tài liệu, tờ bướm, áp phích để tuyên truyền ở các điểm tập trung đông dân cư, như trung tâm học tập cộng đồng, trường học, văn phòng UBND, chợ, nhà văn hóa. Công tác tuyên truyền, vận động trên đài phát thanh, truyền hình địa phương phải được thực hiện thường xuyên, theo định kỳ ngày, giờ cụ thể, có kịch bản hay và thực hiện trong các khoảng thời gian người dân có điều kiện theo dõi thông tin.

* Về công tác kiểm tra, giám sát:

- Trong công tác tuyên truyền, vận động, Ban Tuyên giáo các cấp giữ vai trò nòng cốt, Mặt trận Tổ quốc và Hội Nông dân giữ vai trò quan trọng. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, các cấp ủy Đảng và chính quyền phải phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và cả hệ thống chính

tri, đồng thời, phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao và có biện pháp xử lý hợp lý kịp thời.

- Thường xuyên động viên khen thưởng kịp thời với những hình thức khen thưởng bằng vật chất và tinh thần phù hợp đối với các tấm gương triển khai thực hiện tốt phong trào thi đua, nhân rộng gương điển hình xây dựng NTM trên địa bàn, lựa chọn những cá nhân, tập thể tiêu biểu, có những đóng góp tích cực trong thực hiện phong trào đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương khen thưởng. Song song đó, cũng kiên quyết xử lý thích đáng các trường hợp không tích cực thực hiện tốt Chương trình xây dựng NTM. Công tác khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật phải kịp thời, đích đáng và công bố rộng rãi để làm gương cho công chúng.

3.2.1.3. Tính khả thi của giải pháp.

Thực tiễn tại địa phương đã có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật và đủ lực lượng cán bộ, viên chức để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động. Tuy nhiên, huyện cần đặc biệt quan tâm đầu tư nhiều hơn cho công tác Biên soạn tài liệu tuyên truyền.

3.2.2. Giải pháp về huy động và sử dụng các nguồn vốn.

3.2.2.1. Vai trò của giải pháp.

Vốn là nguồn lực tài chính tiên quyết, là điều kiện cần để thực hiện chương trình xây dựng NTN, cần thiết phải có vốn. Giải pháp này nhằm giúp cho tỉnh và các địa phương có khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ nhà nước và trong dân.

3.2.2.2. Nội dung của giải pháp.

* Đa dạng hóa các nguồn vốn phục vụ chương trình xây dựng NTM cả về quy mô, số lượng và chất lượng:

- Tăng cường các nguồn thu cho NSNN. Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế, phí, lệ phí theo lộ trình, đồng thời nghiên cứu, bổ sung thêm các chính sách thu mới. Đồng thời, rà soát và cơ cấu lại các nhiệm vụ chi nhằm tạo nguồn lực cho Chương trình xây dựng NTM. Đảm bảo việc thu chi các nguồn vốn dân chủ, công khai, minh bạch, quản lý sử dụng thanh quyết toán đúng qui định.

- Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động, huy động nhân dân tham gia đóng góp sức người, sức của, hiến vật kiến trúc, cây lâu năm, quyền

sử dụng đất ... để góp phần cùng với NSNN thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình. Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên tham gia. Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích các DN đầu tư, liên kết với các xã NTM, đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng mục đích, ý nghĩa của Chương trình xây dựng NTM để người dân hiểu rõ, hiểu sâu hơn tầm quan trọng của việc xây dựng NTM, từ đó tích cực tham gia góp vốn xây dựng NTM ở quê mình. Trong huy động tham gia đóng góp, cần đặc biệt chú trọng các đối tượng là các DN, các tổ chức, cá nhân làm ăn, sinh sống trên địa bàn, người An Giang có điều kiện khá giả làm ăn sinh sống ở các tỉnh thành trong và ngoài nước,...

* Tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả cao các nguồn vốn:

- Thực hiện phân chia, phân công công việc, dự án cụ thể, xác định rõ việc nào dân làm, việc nào nhà nước hỗ trợ, dự án nào cần ưu tiên thực hiện trước, dự án nào làm sau, các dự án nào cần thực hiện song song để có thể bố trí vốn hợp lý nhằm triển khai đồng bộ và có hiệu quả trong xây dựng NTM. Quán triệt phương châm không làm thay, tạo sức mạnh tại chỗ, xác định dân là chủ thể trong xây dựng NTM, lấy sức dân làm nền tảng cơ bản, các ngành hỗ trợ, định hướng giúp các địa phương thực hiện các tiêu chí NTM.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước cấp, đặc biệt là nguồn vốn tài trợ từ các dự án về ứng phó biến đổi khí hậu, môi trường,... Cân đối các nguồn lực trong xây dựng NTM, ưu tiên triển khai công tác lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình NTM để phát huy hiệu quả đầu tư. Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình xây dựng NTM, cần có cơ chế, cách thức sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong xây dựng NTM, ưu tiên đầu tư tập trung cho các xã điểm, xã đăng ký đạt chuẩn.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn huy động trong dân để thực hiện các công trình xây dựng cơ bản thiết thực tại địa phương. Tăng cường công tác vận động nhân dân trong việc giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các công trình giao thông, thủy lợi nội đồng,... Sử dụng có hiệu quả các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản huy động hợp pháp khác để thực hiện xây NTM.

- Thực hiện nghiêm cơ chế quản lý sử dụng vốn: nguồn vốn đầu tư tập trung, đúng mục đích, ưu tiên vốn thực hiện các công trình, dự án trọng điểm có tính đột phá, có tác động nhanh đến nâng cao đời sống vật chất, chăm lo phát triển giáo dục, y tế để từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn..., tạo điều kiện để các xã điểm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng NTM nhất là các tiêu chí về kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch hằng năm; đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo kế hoạch đã đề ra trong Đề án xây dựng NTM.

3.2.2.3. Tính khả thi của giải pháp.

Thực tiễn tại địa phương cho thấy địa phương có đủ điều kiện để thực hiện tốt giải pháp này, cụ thể là:

- Về kinh phí từ NSNN: Trung ương và Tỉnh tạo thuận lợi cho địa phương về cấp kinh phí thực hiện chương trình xây dựng NTM theo nhu cầu của địa phương.

- Về năng lực quản lý sử dụng vốn và nguồn vốn: địa phương có đủ năng lực để tiến hành rà soát và cơ cấu lại các nhiệm vụ chi cho phù hợp với nhu cầu từng lúc từng nơi và có đủ năng lực để tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả cao các nguồn vốn.

- Về huy động vốn từ xã hội: người dân của huyện (đang cư trú ở địa phương và người dân địa phương đang sinh sống và làm việc ở nơi khác) có truyền thống yêu quê hương, xứ sở, rất quan tâm đến sự phát triển của quê hương, sẵn sàng tham gia đóng góp sức người sức để góp phần thực hiện Chương trình. Bên cạnh đó, rất nhiều DN cũng sẵn sàng tham gia góp vốn thực hiện các dự án đầu tư. Điều quan trọng là địa phương phải thực hiện tốt hơn nữa chính sách thu hút, khuyến khích các DN đầu tư.

3.2.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

3.2.3.1. Vai trò của giải pháp.

Để xây dựng NTM thành công, nhân tố chủ yếu là nhân lực để thực hiện Chương trình. Vì vậy giải pháp này nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của Chương trình xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3.2.3.2. Nội dung của giải pháp.

* Thường xuyên nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực:

- Tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động hiện có để đáp ứng yêu cầu trình độ công nghệ mới, phải ưu tiên và đầu tư thích đáng cho công tác giáo dục đào tạo. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, huấn luyện, trao đổi kinh nghiệm trong nuôi trồng, SX nông nghiệp, giúp người nông dân nông thôn tiếp cận thông tin khoa học mới, hiện đại.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và về kiến thức xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ trực tiếp phụ trách công tác xây dựng NTM. Tuyển chọn những cán bộ trẻ, nhiệt tình, có tâm huyết, am hiểu thực tiễn địa phương, có kiến thức, có kinh nghiệm và năng lực về tuyên truyền, vận động quần chúng để tham gia hỗ trợ cho cán bộ phụ trách xây dựng NTM. Kiên quyết thay thế cán bộ uy tín thấp, thiếu năng lực, thiếu trách nhiệm.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tập trung nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề và tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên từ 90% trở lên. Ngoài ra, cần quan tâm thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là chăm sóc sức khỏe ban đầu, công tác khám và điều trị bệnh tại chỗ.

* Thực hiện tốt công tác tư tưởng, có chính sách hợp lý trong sử dụng và đãi ngộ nhân tài:

- Chú trọng đầu tư tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, thay đổi cơ cấu việc làm trong nông thôn nhưng vẫn chăm lo gìn giữ, bảo tồn, phát huy các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh CNH-HĐH nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao để tạo ra nhu cầu thu hút lao động ở nông thôn vào công nghiệp và dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn; chuẩn hóa chất lượng lao động để bố trí đúng người, đúng việc nhằm sử dụng được tài năng và phát huy có hiệu quả năng lực của người lao động, nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của nguồn nhân lực trong quá trình xây dựng NTM, từ đó người dân hiểu đúng vị trí

của mình trong xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn, trong phát triển kinh tế và tổ chức SX... từ đó, tích cực, sáng tạo trong xây dựng và gìn giữ đời sống văn hoá - xã hội, môi trường ở nông thôn; nhân tố góp phần quan trọng vào xây dựng hệ thống chính trị - xã hội vững mạnh, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ở nông thôn.

- Xây dựng chính sách hợp lý thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM. Song song đó, có chính sách giữ chân người tài như: tạo môi trường làm việc thuận lợi và phát triển, trọng dụng người tài, chế độ đãi ngộ thích đáng. Trong quản lý, sử dụng lao động, chú ý tạo điều kiện tốt nhất giúp phát huy cao độ năng lực chuyên môn của người lao động gắn với chế độ phân phối lợi ích phù hợp để người lao động phát huy cao độ tính năng động sáng tạo.

3.2.3.3. Tính khả thi của giải pháp.

Thực tiễn tại địa phương cho thấy địa phương có đủ điều kiện để thực hiện tốt giải pháp này, cụ thể là:

- Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực nói chung và trong lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương hiện đã được nâng cao, nếu thực hiện theo giải pháp đề xuất thì trước mắt đủ để đáp ứng yêu cầu xây dựng NTN tại địa phương. Huyện cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và về kiến thức xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ các cấp để đẩy nhanh hơn nữa công tác xây dựng NTM.

- Công tác tư tưởng đối với cán bộ, viên chức, chính sách sử dụng và đãi ngộ nhân tài đã được chú trọng. Nay chỉ cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

3.2.4. Giải pháp về phát triển nguồn lực thông tin.

3.2.4.1. Vai trò của giải pháp.

Hiện nay công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, nếu không nắm bắt thông tin hoặc nắm bắt không kịp thời thì không xử lý được công việc hoặc sẽ gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong xử lý, hiệu quả công việc rất thấp, không có hiệu quả, thậm chí phản hiệu quả. Vì vậy giải pháp phát triển nguồn lực thông tin nhằm đảm bảo các cấp lãnh đạo có đủ điều kiện để nắm bắt thông tin tốt nhất nhằm chỉ đạo kịp thời giúp cho việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM đạt kết quả tốt.

3.2.4.2. Nội dung của giải pháp.

- Nhanh chóng nắm bắt số liệu thống kê liên quan đến máy vi tính của địa phương như: số lượng và hiện trạng máy vi tính hiện có; số lượng máy vi tính có kết nối mạng Internet trong các xã, huyện. Nếu hư, hỏng thì thanh lý. Nếu nơi nào chưa có đủ máy vi tính thì bổ sung ngay bằng cách mua mới hoặc điều chuyển từ nơi thừa. Đồng thời cần nâng cấp máy đảm bảo thực hiện việc nhanh chóng cung cấp thông tin.

- Nâng cao năng lực tin học của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Trung tâm học tập cộng đồng cần tổ chức rộng rãi việc phổ cập kiến thức về tin học, khai thác, bảo mật thông tin, sử dụng thông tin mạng Internet.

- Tổ chức nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về giá trị công nghệ thông tin thông qua các buổi sinh hoạt tổ nhân dân tự quản, các hội, các đoàn thể, nhất là Đoàn thanh niên.

- Khuyến khích các nông trại, trang trại, các tổ hợp tác lập website giới thiệu, quảng bá sản phẩm của mình SX ra thị trường.

3.2.4.3. Tính khả thi của giải pháp.

Về số liệu thống kê về nguồn lực thông tin của địa phương đã có nhưng thiếu cập nhật và chưa được xử lý rất ráo; về công tác nâng cao năng lực tin học, tổ chức sinh hoạt chuyên đề về giá trị công nghệ thông tin.v.v... Thực tiễn tại địa phương cho thấy địa phương có đủ nguồn lực về vốn và con người để thực hiện ngay nhiệm vụ này.

3.2.5. Giải pháp về phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

3.2.5.1. Vai trò của giải pháp.

Phát triển kinh tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực của Chương trình xây dựng NTM. Mục tiêu cốt lõi của Chương trình xây dựng NTM là nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Do đó giải pháp phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm phát triển kinh tế trên cơ sở cơ cấu kinh tế thích hợp nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3.2.5.2. Nội dung của giải pháp.

* Phải thực hiện tốt công tác quy hoạch:

- Xã, huyện phải nhanh chóng rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể KT-XH trong lộ trình.

- Đẩy nhanh hoàn thiện quy hoạch chi tiết, quy hoạch các cụm dân cư, quy hoạch vùng các phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa. Tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch CNH, HĐH nông thôn, tập trung vào xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển ngành nghề, dịch vụ, hoàn chỉnh quy hoạch cơ cấu kinh tế.

* Áp dụng, phát triển, nhân rộng các mô hình SXKD tiên bộ:

- Tiếp tục nhân rộng mô hình nhà vườn, trang trại sản xuất cây ăn trái theo quy trình chuẩn VietGAP, GlobalGAP,... nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổng kết, đánh giá hiệu quả các mô hình SXKD khác, các tổ hợp tác và hợp tác xã SX trên địa bàn để xác định những mặt tích cực và hạn chế, tìm ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Tập trung đầu tư có trọng điểm các mô hình SX hữu cơ sạch, công nghệ cao bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM phân bổ cho phát triển SX. Thực hiện hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng cho các mô hình SX tiên tiến.

- Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch xanh dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Chú trọng kết hợp phát triển các loại hình du lịch sinh thái hoa kiểng và vườn cây ăn trái, du lịch sinh thái cộng đồng gắn với các mô hình SX tại địa phương có hiệu quả: mô hình cánh đồng mẫu, vườn dừa mẫu; các mô hình Tổ hợp tác cây ăn trái theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

* Thực hiện tái cơ cấu đúng kế hoạch, đúng lộ trình:

- Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung và thực hiện Đề án về tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại địa phương theo hướng: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sát hợp với điều kiện của địa phương, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, phát triển SX gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tổ chức lại SX nông nghiệp. Thực hiện sự phối hợp liên kết 4 nhà

“Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp” phát huy hiệu quả, tạo mối quan hệ liên kết giữa người SX, tổ hợp tác, hợp tác xã với DN, đảm bảo người dân có lãi và ổn định đầu ra cho sản phẩm.

- Tích cực thu hút các DN đầu tư vào khu vực nông thôn, mở rộng các hình thức tổ chức SXKD sẵn có. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển mạnh mẽ ngành nghề trong nông thôn để khai thác tốt nguyên liệu tại chỗ và giải quyết nhiều việc làm cho nông dân. Vừa chú trọng phát triển ngành nghề mới, các hoạt động dịch vụ, vận tải, vừa khôi phục ngành nghề truyền thống.

3.2.5.3. Tính khả thi của giải pháp.

Thực tiễn tại địa phương cho thấy địa phương có đủ nguồn lực về vốn và con người để thực hiện tốt công tác quy hoạch; phát triển, nhân rộng các mô hình SXKD tiến bộ như mô hình nhà vườn, trang trại sản xuất cây ăn trái theo quy trình chuẩn VietGAP, GlobalGAP,...; Thực hiện tái cơ cấu đúng kế hoạch, đúng lộ trình.

3.2.6. Giải pháp phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

3.2.6.1. Vai trò của giải pháp.

Kết cấu hạ tầng là công cụ hỗ trợ cho quá trình SX, sinh hoạt của mọi cá nhân và các tổ chức xã hội và được xã hội thừa nhận, là tổng thể các ngành vật chất – kỹ thuật, các loại hình hoạt động phục vụ SX và đời sống xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, là điều kiện tiên đề quan trọng để thúc đẩy phát triển KT-XH. Muốn KT-XH phát triển với trình độ cao, nhanh và bền vững thì phải đặc biệt quan tâm xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vẫn còn nhiều hạn chế, lạc hậu, đa số có quy mô nhỏ bé, chưa đồng bộ,..., vẫn đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển. Vì vậy, giải pháp này nhằm phát triển cơ sở hạ tầng KT-XH để đảm bảo cho Chương trình xây dựng NTM ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thành công nhanh chóng.

3.2.6.2. Nội dung của giải pháp.

* Thực hiện tốt công tác quy hoạch, và cơ chế chính sách phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Địa phương phải tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bảo đảm tính hệ thống và đạt hiệu quả tổng hợp.

- Địa phương phải xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, xác định dự án nào cần thực hiện trước, trong đó, đặc biệt quan tâm đến các dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu nhất như viễn thông và công nghệ thông tin, điện, nước sạch, mạng lưới giao thông, hệ thống thủy lợi nội đồng, hạ tầng văn hóa, giáo dục, y tế, v.v...;

- Rà soát và nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách chung và chính sách riêng đối với các dự án. Tiếp tục tập trung rà soát, tháo gỡ các rào cản, các khó khăn, vướng mắc để đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế.

* Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng:

- Tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng cũ, thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, tập trung vào duy tu, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu như: điện, giao thông, các công trình thủy lợi, các công trình phúc lợi xã hội.

+ Về giao thông:

- Đối với những tuyến đường có những đoạn đường nằm trong huyện do tỉnh làm chủ đầu tư: đề xuất tỉnh sớm triển khai thực hiện.

- Đối với các xã chưa đạt tiêu chí giao thông: rà soát lại các tuyến đường chưa đạt chuẩn để xây dựng kế hoạch thực hiện theo lộ trình đã đề ra. Qua rà soát, có thể đưa ra khỏi danh mục đối với những tuyến đường chưa thật sự cần thiết phải tập trung đầu tư để ưu tiên nguồn vốn cho những công trình cấp thiết khác. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để Nhân dân thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng trong xây dựng và phát triển giao thông nông thôn; thực hiện phương châm “nhà nước và Nhân dân cùng làm”; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn nhưng phải đảm bảo theo quy trình “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”.

+ Về thủy lợi: Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi sẵn có để đảm bảo an toàn sản xuất nông nghiệp. Tranh thủ nguồn kinh phí từ Nghị định 35/NĐ-CP, nguồn thủy lợi phí và

các nguồn kinh phí từ các dự án, chương trình của tỉnh, trung ương hỗ trợ. Bên cạnh đó, kêu gọi các công ty, doanh nghiệp lớn đầu tư cơ sở hạ tầng, thủy lợi hoàn chỉnh để phục vụ các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Về Điện: UBND các xã tăng cường phối hợp cùng ngành điện rà soát duy tu, phát triển các công trình điện và thường xuyên thực hiện hướng dẫn sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt.

+ Về Trường học: tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị trường học theo lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới; phối hợp UBND các xã thực hiện phân luồng, sắp xếp lại các trường học cho phù hợp với địa bàn và quy mô phát triển; Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, huy động nguồn lực để đạt các tiêu chí về cơ sở vật chất trường học do ngành phụ trách; Thực hiện tốt công tác nhân sự ở các trường học.

+ Về Cơ sở vật chất văn hóa: đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa xã đúng với quy mô và lộ trình đề ra; thường xuyên kiểm tra các hoạt động của nhà văn hóa xã và các điểm sinh hoạt văn hóa áp theo quy chế đã được UBND tỉnh ban hành và hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, vận động nhân dân cải tạo, bố trí điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

+ Về Cơ sở hạ tầng thương mại: kêu gọi đầu tư xây mới, sửa chữa, nâng cấp các chợ theo lộ trình đề ra; UBND các xã quản lý, giám sát chặt chẽ các chợ kinh doanh theo hướng văn minh, đúng các quy định về pháp luật, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, quản lý và kinh doanh chợ đạt hiệu quả.

+ Về Thông tin và truyền thông: Đài Truyền thanh huyện xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm, nâng cấp hệ thống truyền thanh các xã theo lộ trình đề ra; UBND các xã tăng cường công tác quản lý, đảm bảo hệ thống truyền thanh vận hành hiệu quả.

- Huy động tối đa mọi nguồn vốn: tranh thủ các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh và huy động tối đa nguồn lực của địa phương, đa dạng hóa nguồn lực cho đầu tư; khai thác, sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng cơ chế lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình,

dự án khác trên địa bàn. Có cơ chế giám sát, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đối với từng dự án.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, đa dạng hóa hình thức đầu tư, khai thác tối đa các nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương với các cơ quan như Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải... nhằm tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ nguồn ngân sách của tỉnh để đầu tư hạ tầng thiết yếu cho các xã và huyện như: đầu tư xây dựng trường lớp học và cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới; đầu tư xây dựng các Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia; đầu tư xây dựng chợ và điện nông thôn.v.v... Đồng thời, phải ưu tiên cho các xã điểm trong sử dụng nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình. Khai thác, kế thừa kinh nghiệm trong xây dựng cơ bản các công trình nông thôn mới theo các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình để tiết kiệm kinh phí đầu tư, đạt hiệu quả sử dụng đồng vốn cao.

3.2.6.3. Tính khả thi của giải pháp.

Thực tiễn tại địa phương cho thấy bên cạnh năng lực riêng có của địa phương, địa phương đủ điều kiện và khả năng để có thể tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên và các ban ngành liên quan, cũng như thu hút các nguồn lực xã hội hóa tạo thành nguồn lực tổng hợp cho việc thực hiện tốt công tác quy hoạch và cơ chế chính sách phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng; Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

3.2.7. Giải pháp về tăng cường sự quản lý điều hành của chính quyền.

3.2.7.1. Vai trò của giải pháp.

Xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Sự thành công trong xây dựng nông thôn mới đòi hỏi quyết tâm và trách nhiệm chính trị rất cao. Trong quá trình xây dựng NTM, cấp ủy, chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, động viên tinh thần để người dân phát huy vai trò chủ thể xây dựng NTM. Giải pháp này nhằm tập trung và tăng cường sự chỉ đạo sâu sát, thường xuyên, liên tục và đồng bộ của cấp ủy, các cấp chính quyền, đồng thời

huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị để công tác xây dựng NTM đạt hiệu quả cao.

3.2.7.2. Nội dung của giải pháp.

* Tăng cường chức năng, vai trò của cấp ủy và chính quyền địa phương:

- Các cấp ủy, chính quyền địa phương phải chủ động căn cứ Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân trong từng giai đoạn của tỉnh ủy, căn cứ nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình đề ra nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM; lãnh đạo, chỉ đạo UBND cùng cấp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện vượt chỉ tiêu xây dựng NTM theo nghị quyết đại hội đã đề ra; Giữ xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh có đủ năng lực tổ chức thành công xây dựng NTM với phong trào thi đua yêu nước của các thành phần xã hội, các lĩnh vực hoạt động tại địa phương.

- Nhanh chóng khắc phục quan điểm làm qua loa, thiếu sâu sát của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nâng cao nhận thức chung của cả hệ thống chính trị về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong xây dựng NTM để tạo thống nhất quyết tâm cao trong hệ thống chính trị.

* Củng cố và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo xây dựng NTM:

- Ban Chỉ đạo xây dựng NTM các cấp phải kiện toàn tổ chức, xây dựng nếp làm việc trong Chỉ đạo và từng thành viên:

+ Ban Chỉ đạo phải kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định tiêu chí.

+ Ban Chỉ đạo phải xây dựng kế hoạch thực hiện công tác, xây dựng quy chế làm việc khoa học, có sự phân công công việc cụ thể hợp lý cho từng thành viên Ban Chỉ đạo. Chương trình, kế hoạch phải bám sát quy hoạch và đề án thực hiện NTM; triển khai những mục tiêu ổn định, đề xuất điều chỉnh những mục tiêu cần thay đổi phù hợp. Đồng thời, Trong kế hoạch chung phải có kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ triển khai Chương trình tại các xã, cần tập trung kiểm tra các xã điểm được chọn theo lộ trình đạt chuẩn xã NTM.

+ Tăng cường công tác phối hợp giữa Ban Chỉ đạo với các ngành, các cấp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

+ Ban chỉ đạo thường xuyên bám sát cơ sở, nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho việc thực hiện xây dựng NTM theo mục tiêu đề ra.

3.2.7.3. Tính khả thi của giải pháp.

Thực tiễn về nguồn lực con người, về cơ chế chính sách, về năng lực phẩm chất của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương cho thấy địa phương đủ điều kiện và khả năng để thực hiện tốt vấn đề này.

Kết luận Chương 3

Chương 3 của Luận văn đã trình bày các quan điểm cơ bản về xây dựng NTM và xây dựng NTM. Đồng thời, Chương 3 đã nêu được 7 giải pháp đẩy mạnh xây dựng NTM tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang trong thời gian tới bao gồm:

- (1) Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động*
- (2) Giải pháp về huy động và sử dụng các nguồn vốn.*
- (3) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.*
- (4) Giải pháp về phát triển nguồn lực thông tin.*
- (5) Giải pháp về phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.*
- (6) Giải pháp phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.*
- (7) Giải pháp về tăng cường sự quản lý điều hành của chính quyền.*

KẾT LUẬN

1. Về thực trạng chung

Nền kinh tế của huyện vượt qua nhiều khó khăn, thách thức phát triển trên mọi lĩnh vực, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, thu nhập bình quân đầu người dần được cải thiện, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, phát huy tiềm năng của từng ngành, từng vùng, từng thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế đã dịch chuyển theo hướng tích cực, theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng nhanh.

Tiềm năng đất đai được khai thác tốt, sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh theo hướng tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; tổ chức sản xuất theo mô hình kinh tế hợp tác từng bước ổn định và mang lại hiệu quả thiết thực; trình độ sản xuất của người nông dân được nâng cao nhờ nhạy bén trong việc tiếp thu, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật; đời sống vật chất tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo giảm; nông thôn tiếp tục được đổi mới, cơ sở hạ tầng đầu tư nhiều hơn; chênh lệch giữa thành thị nông thôn từng bước được rút ngắn; chính sách an sinh xã hội được tập trung quan tâm.

2. Những kết quả và hạn chế trong xây dựng NTM

2.1. Kết quả

XD NTM đã trở thành phong trào rộng khắp, đã tạo được chuyển biến đáng kể trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên và của nhân dân.

Hạ tầng nông thôn được quan tâm phát triển, đặc biệt là các công trình trọng điểm có ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế trên địa bàn.

Sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, nhiều mô hình liên kết hợp tác sản xuất có hiệu quả, từng bước ổn định và được nhân rộng, các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng.

Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn có chuyển biến đáng kể, được cải thiện, chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn ngày một tốt hơn, vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường ngày càng được chú trọng.

Hệ thống chính trị luôn được kiện toàn, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, luôn quan tâm, tổ chức thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện tốt công tác cán bộ, chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được nâng cao. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn.

2.2. Những hạn chế

Có lúc, có nơi, sự nhận thức về mục đích, ý nghĩa của chương trình xây dựng NTM chưa cao, chưa đầy đủ.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung xây dựng NTM còn nặng về những chỉ tiêu cần vốn đầu tư như xây dựng cơ bản.

Việc huy động nguồn lực đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chưa đồng bộ, tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn chưa hợp lý.

Phát triển kinh tế hợp tác còn hạn chế, thiếu đa dạng.

Hệ thống kết cấu hạ tầng vừa chậm phát triển vừa thiếu đồng bộ, đầu tư dàn trải, chưa đáp ứng yêu cầu của một nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn thấp.

Kinh tế tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng.

3. Từ thực trạng, Luận văn đã đề xuất bảy giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bao gồm:

- (1) Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động*
- (2) Giải pháp về huy động và sử dụng các nguồn vốn.*
- (3) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.*
- (4) Giải pháp về phát triển nguồn lực thông tin.*
- (5) Giải pháp về phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.*
- (6) Giải pháp phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.*
- (7) Giải pháp về tăng cường sự quản lý điều hành của chính quyền.*

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2016). *Chương trình hành động số 04-CTr/TU “Về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”*, ngày 18/7/2016.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009). *Thông tư số 54/TT-BNNPTNT về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn*, ngày 21/8/2009.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016). *Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT “Về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”*, ngày 26/12/2016.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018). *Công văn số 1345/BNN-VPĐP “Về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 – 2020”*, ngày 08/02/2018.
6. Bùi Bá Bồng (2004), *Một số vấn đề trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam hiện nay và những năm tới*, Bài trình bày tại Hội nghị lần thứ 8 của Ban điều hành ngày 30/3/2004.
7. Nguyễn Sinh Cúc (2003). *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê.
8. Mai Thanh Cúc và cộng sự (2005). *Giáo trình Phát triển nông thôn*, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội.
9. Chính phủ (2008). *Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ xây dựng “CT.MTQG về xây dựng NTM”*, ngày 28/10/2008.
10. Phạm Khắc Dũng (2012). *Giải pháp xây dựng và phát triển NTM của huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Cạn*, Trường Đại học Thái Nguyên.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
19. Đảng Lao động Việt Nam (1960), *Văn kiện đại hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
20. Hà Thị Giang (2011). *Một số giải pháp xây dựng NTM huyện Gia Lâm-thành phố Hà Nội theo hướng đô thị hóa*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
21. Phan Đình Hà (2011). *Giải pháp đẩy mạnh xây dựng NTM trên địa bàn huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
22. Hồ Xuân Hùng (2011), *Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta*, <http://www.vca.org.vn>.
23. Cù Ngọc Hường (2006) dịch. *Lý luận và thực tiễn và các chính sách xây dựng nông thôn mới Trung Quốc*. Dự án MISPA 2006
24. Vũ Trọng Khải và công sự (2004). *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển KT-XH NTM, kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại*, Nxb Nông nghiệp.
25. Hoàng Sỹ Kim (2013). “*Thực trạng xây dựng nông thôn mới và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước*”, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.

26. Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (2011). *Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC*, ngày 13/4/2011.
27. Hoàng Trung Lập (2007), Đề tài “*Nghiên cứu hệ thống giải pháp phát triển mô hình NTM*”, Viện Quy hoạch Thiết kế Nông nghiệp.
28. Phạm Xuân Nam và cộng sự (1997). *Phát triển nông thôn*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
29. Nguyễn Ngọc Nông và cộng sự (2004). *Giáo trình Quy hoạch Phát triển nông thôn*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
30. Trần Thị Hồng Phượng (2017). *Xây dựng NTM của huyện Sóc Sơn Thành phố Hà Nội*, Học viện Hành chính Quốc gia.
31. Quốc hội (2015). *Nghị quyết số 100/2015/QH13 Phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016–2020*, ngày 12/11/2015.
32. Phạm Khắc Sáu (2012). *Thực trạng, giải pháp xây dựng NTM tại xã Đông Hóa-huyện Kim Bảng giai đoạn 2011 – 2015*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
33. Nguyễn Danh Sơn (2010), Đề tài cấp nhà nước “*Vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam trong quá trình phát triển đất nước*”.
34. Phan Xuân Sơn và cộng sự (2009), *Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. *Sổ tay hướng dẫn xây dựng nông thôn mới (2010)*, Nxb Lao động.
36. Nguyễn Mậu Thái (2015). *Nghiên cứu xây dựng nông thôn mới các huyện phía Tây thành phố Hà Nội*, Học viện nông nghiệp.
37. Lê Đình Thắng và cộng sự (2002). *Chính sách nông nghiệp, nông thôn sau Nghị quyết X của Bộ Chính trị*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 491/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia NTM*, ngày 16/4/2009.
39. Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 800/QĐ-TTg Phê duyệt CT. MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020*, ngày 04/6/2010.
40. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 342/QĐ-TTg Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM*, ngày 20/02/2013.

41. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số: 588/QĐ-TTg “Về việc ban hành Tiêu chí huyện NTM và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 05/4/2016.
42. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1600/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020*, ngày 16/8/2016.
43. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1730/QĐ-TTg “Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 5/9/2016.
44. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số: 1980/QĐ-TTg “Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 17/10/2016.
45. Đoàn Phạm Hà Trang (2012), *Xây dựng nông thôn mới: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*, <http://www.tapchicongsan.org.vn>.
46. UBND tỉnh An Giang (2016). *Quyết định số 3310/QĐ-UBND “Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 21/11/2016.
47. UBND tỉnh An Giang (2016), *Quyết định số 3379/QĐ-UBND “Về việc ban hành Bộ tiêu chí Xã NTM trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 28/11/2016.
48. UBND tỉnh An Giang (2017). *Quyết định số 2410/QĐ-UBND “Về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”*, ngày 08/8/2017.
49. UBND tỉnh An Giang (2017), *Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 “Về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí Huyện đạt chuẩn NTM tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020”*.
50. UBND tỉnh An Giang (2018). *Quyết định số 1005/QĐ-UBND “Về việc ban hành bộ tiêu chí Xã NTM nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2018 – 2020”*, ngày 08/5/2018.
51. Trần Minh Yên (Chủ biên) (2013), *Xây dựng nông thôn mới. Khảo sát và đánh giá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tiêu chí xã NTM vùng Đồng bằng sông Cửu Long
giai đoạn 2016 - 2020

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I	QUY HOẠCH		
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
II	HẠ TẦNG KTXH		
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND tỉnh quy định
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 70\%$
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	UBND cấp tỉnh quy định
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông internet	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 70\%$
III	KT VÀ TỔ CHỨC SX		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 50
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 4\%$
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt
IV	VH - XH - MÔI TRƯỜNG		
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥80%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤20,5%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥65% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở SX-KD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở SX-KD được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch[3]	≥70%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ		
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt

Nguồn: Quyết định số: 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục 2. Tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt
		5.2. TT Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động VH - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%
6	Sản xuất	Hình thành vùng SX nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình SX theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ SX đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. BCĐ CT.MTQG XD NTM cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

Nguồn: Quyết định số: 588/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ

GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY.

SOLUTIONS TO PROMOTE THE CONSTRUCTION OF NEW RURAL AREAS IN CHAU PHU DISTRICT, AN GIANG PROVINCE TODAY.

Lê Vũ Phương

Học viên Trường Đại học SPKT TP.HCM

Tóm tắt: Cho đến nay, khu vực nông thôn nước ta vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Tuy nhiên, đến nay một số vùng nông thôn vẫn chưa thực sự có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất, vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân còn rất nhiều khó khăn. Do đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu được Đảng và Nhà nước đặt ra trong quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là phải xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển nông thôn thịnh vượng và bền vững.

Quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thời gian qua tuy đã đạt được những thành quả nhất định, nhưng vẫn còn những nội dung chưa thực hiện tốt. Vì vậy, bài viết “**Đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện châu phú, tỉnh an giang - Thực trạng và giải pháp**” nhằm đề xuất các giải pháp phù hợp để đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hiện nay.

Từ khóa: Nông thôn mới; Chương trình xây dựng nông thôn mới; Nông dân; Nông nghiệp.

ABSTRACT: Up to now, rural areas in our country have always occupied an important position in the economy. However, some rural areas in Vietnam so far have not really had strong changed remarkably in both quantity and quality. They have still been in backward, small production, low labor productivity. As a result, the material and spiritual life of farmers is still suffering from many difficulties. Therefore, one of the most important tasks set by the Party and the State in the process of implementing the industrialization and modernization process of the country is to build a New Rural for prosperous and sustainable rural development.

The process of building a new rural in Chau Phu district, An Giang province in the past has achieved certain achievements, but actually some rural operations have not been implemented well. Therefore, the article "Accelerating the process of building a new rural in Chau Phu district, An Giang province - Situation and solutions" with an aim to give appropriate solutions to promote New rural construction in Chau Phu district, An Giang province.

Keywords: New rural; New rural construction program; farmer; Agriculture.

1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, khu vực nông thôn nước ta vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế, nông thôn là nơi cung cấp lực lượng lao động quan trọng cho xã hội, là nơi cung cấp nguyên liệu và là thị trường to lớn tiêu thụ hàng hóa cho ngành công nghiệp, là nơi cung cấp lương thực thực phẩm cho tiêu dùng xã hội và hàng hóa nông sản xuất khẩu. Tuy nhiên, trong khi kinh tế xã hội những năm qua nước ta phát triển vượt bậc,

thì nhìn chung, một số vùng nông thôn Việt Nam đến nay vẫn chưa thực sự có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về lượng và chất, trình độ phát triển thấp, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân còn rất nhiều khó khăn,... Vì vậy, trong quá trình thực hiện sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu được Đảng và Nhà nước xác định là phải xây dựng (XD) nông thôn mới (NTM) nhằm phát triển nông thôn bền vững; để người dân

có được cuộc sống sung túc, hạnh phúc, đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao; diện mạo nông thôn sạch đẹp, thôn xóm khang trang, văn minh; quản lý nông thôn dân chủ; dân cư nông thôn được tiếp cận và thụ hưởng nền sản xuất (SX) phát triển.

Quá trình triển khai thực hiện mục tiêu đạt chuẩn NTM ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Châu Phú) thời gian qua đã có được những thuận lợi và đạt được thành quả nhất định. Nhưng vẫn còn những khó khăn và còn những nội dung chưa thực hiện tốt. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng, tìm ra giải pháp để góp phần đẩy mạnh XD NTM tại Châu Phú hiện nay là việc làm hữu ích và thiết thực.

2. Thực trạng XD NTM tại Châu Phú

Mục tiêu cụ thể của Đảng bộ Châu Phú trong xây dựng NTM được xác định là: “Cuối năm 2018 có 06 xã đạt chuẩn NTM, 06 xã còn lại đạt từ 9 tiêu chí và 36 chỉ tiêu trở lên. Kết cấu hạ tầng KT-XH được đầu tư mạnh, điểm nhấn là đầu tư giao thông, trường học, y tế, thiết chế văn hóa, điện, nước sạch, các mô hình sản xuất (SX) ứng dụng công nghệ cao, đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển. Đến năm 2022, có 100% số xã đạt chuẩn NTM và huyện đạt chuẩn huyện NTM”.

Đến nay, qua 4 năm triển khai, chương trình xây dựng NTM của Đảng bộ và nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã đạt được những kết quả đáng kể, đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế tồn tại:

- *Về Quy hoạch*: Tính đến thời điểm này, huyện có 12/12 xã (100%) đạt tiêu chí về quy hoạch. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu giữa thực tế và bản quy hoạch, đã có 06 xã (Bình Thủy, Mỹ Đức, Bình Chánh, Khánh Hòa, Bình Mỹ, Vĩnh Thạnh Trung) thực hiện xong việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

- *Về Giao thông*: Giai đoạn 2011-2018, Châu Phú đã thực hiện nâng cấp các đường nông thôn kết hợp kiên cố hóa hệ thống đê

bao chống lũ, với tổng chiều dài 353,2 km, trong đó đường láng nhựa và bê tông đạt trên 52% (với 187,6 km), còn lại 165,6 km được trải đá cấp phối; xây dựng mới 93 cầu bê tông, đảm bảo giao thông kết nối tới 12/12 xã với tổng kinh phí thực hiện 485,669 tỷ đồng (trong đó, ngân sách nhà nước (NSNN) 339,968 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 145,701 tỷ đồng).

- *Về Thủy lợi*: Châu Phú đã thực hiện hơn 95 công với tổng mức đầu tư trên 72 tỷ đồng (trong đó vốn NSNN 60 tỷ đồng, phần còn lại do nhân dân đóng góp) đảm bảo đồng bộ và an toàn.

- *Về Điện*: Đến nay, 12/12 xã (100%) sử dụng điện lưới quốc gia. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 99,22% trên tổng số hộ trên địa bàn toàn huyện.

- *Về Y tế - Văn hóa - Giáo dục*: Năm 2016, Bệnh viện đa khoa huyện Châu Phú đã được Sở Y tế công nhận đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3. Huyện có 10/12 Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao Châu Phú được tổ chức rộng khắp tạo sân chơi lành mạnh cho người dân, nhất là vào các dịp lễ, tết. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu. Châu Phú có 05 trường Trung học phổ thông, không có trường nào đạt 100% tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia

- *Về Sản xuất*: Ước đến cuối năm 2018, giá trị sản xuất đất nông nghiệp Châu Phú đạt 169 triệu đồng/ha, đạt 93,89% Nghị quyết (tăng 19 triệu đồng/ha so với đầu nhiệm kỳ).

Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đã đầu tư thực hiện 09 dự án phục vụ SX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng mức đầu tư 281 tỷ 396 triệu đồng; trong đó: NSNN đầu tư 04 dự án với tổng kinh phí 12,396 tỷ đồng; kêu gọi

DN đầu tư 05 dự án với tổng kinh phí 269 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, huyện đã triển khai nhiều mô hình liên kết SX gắn với tiêu thụ sản phẩm và tạo quỹ đất kêu gọi đầu tư vùng SX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả như:

- *Về trồng trọt*: Nổi bật với mô hình liên kết SX gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa thơm Jasmine theo tiêu chuẩn Globalgap với Công ty Tấn vương. SX lúa chất lượng cao gắn với mô hình cánh đồng lớn với các Công ty: Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời, Agrimex – Kitoku, Lương thực thực phẩm An Giang, Vinh Phát, Tân Long,... Thực hiện chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm đậu nành, rau, đậu bắp nhật với các Công ty Antesco, Hosheki,...

- *Về chăn nuôi thủy sản*: Triển khai dự án nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao do Công ty Nam Việt đầu tư với diện tích trên 50 ha tại xã Bình Phú; Dự án Khu liên hợp SX giống và nuôi cá tra công nghệ cao do Công ty Lộc Kim Chi đầu tư tại xã Mỹ Phú;...

- *Về Môi trường*: Huyện hoàn thành dự án đóng lấp bãi rác thị trấn Cái Dầu; đang triển khai kế hoạch xử lý khắc phục ô nhiễm rạch Chánh Hưng xã Bình Long và rạch Thạnh Mỹ xã Vĩnh Thạnh Trung; mở rộng tuyến thu gom rác đến các xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020 (phần đầu 12/12 xã đều có xe đến thu gom rác, khối lượng thực hiện ước khoảng 34,35 tấn/ ngày, nâng tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 80% vào năm 2020).

- *Về cơ sở SX, chế biến, dịch vụ*: thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Toàn huyện Châu Phú có 766 cơ sở SX, chế biến, dịch vụ gồm: 626 cơ sở SX kinh doanh, 80 cơ sở nuôi trồng thủy sản và 60 cơ sở chăn nuôi gia súc gia cầm thực hiện đầy đủ thủ tục về môi trường theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

- *Về An ninh, trật tự xã hội*: Công tác quân sự quốc phòng địa phương luôn được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm thực hiện, hằng năm đều hoàn thành tốt việc gọi công dân nhập ngũ, các kế hoạch tập huấn, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh. Công tác tuyển sinh quân sự ngày càng thu hút nhiều học sinh tham gia. Thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ huyện và các xã, thị trấn theo đúng kế hoạch.

Công tác đấu tranh, tấn công trấn áp tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông được đảm bảo. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh trên địa bàn nên các loại tội phạm và tệ nạn xã hội giảm dần hằng năm.

Đến cuối năm 2018, có 6/12 xã trong huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đạt chuẩn NTM.

3. Kết quả đạt được trong XD NTM tại Châu Phú và nguyên nhân.

3.1. Những kết quả đạt được

- *Về nhận thức*: XD NTM đã trở thành phong trào rộng khắp, đã tạo được chuyển biến đáng kể trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên và của nhân dân.

- *Về kết cấu hạ tầng*: được quan tâm phát triển, đặc biệt là các công trình trọng điểm có ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế trên địa bàn.

- *Về SXt và mô hình SX*: SX nông nghiệp phát triển nhanh, bước đầu đã hình thành được vùng SX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa và điện khí hóa; nhiều mô hình liên kết hợp tác sản xuất có hiệu quả, từng bước ổn định và được nhân rộng; các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng.

- *Về đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn*: giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, môi trường có chuyển biến đáng kể. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện, chất lượng cuộc sống của người dân

nông thôn ngày một tốt hơn; tỷ lệ hộ khá tăng, hộ nghèo giảm; hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ, thông tin,... ngày càng mở rộng; chính sách an sinh xã hội được tập trung quan tâm;.v.v...

- *Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiện toàn hệ thống chính trị:* hệ thống chính trị luôn được quan tâm kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ về số lượng, chú trọng nâng cao về chất lượng; Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, luôn quan tâm đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường xây dựng đạo đức cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- *Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn:* Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được thường xuyên triển khai rộng rãi. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững.

3.2. Nguyên nhân của thành tựu

- Huyện và các xã trong huyện đã chủ động thực hiện nghiêm Nghị quyết của Huyện ủy, Đảng ủy xã đề ra; tranh thủ được sự hỗ trợ, hướng dẫn và nguồn lực cho việc xây dựng NTM theo chỉ đạo của Tỉnh đối với các ngành, các cấp trong tỉnh.

- Hệ thống chính trị toàn huyện, xã nắm bắt công việc và chủ động triển khai kế hoạch XD NTM trên địa bàn; xác định được những phần việc và cách tổ chức thực hiện, có chú ý đến việc thực hiện những tiêu chí dễ làm, ít kinh phí. Đặc biệt, dưới sự chỉ đạo sâu sát của cấp Ủy, các cấp chính quyền địa phương đều quan tâm tập trung cho công tác tuyên truyền về xây dựng NTM, xây dựng quy hoạch, giao thông nông thôn, xây dựng mô hình SX.

- Bộ máy quản lý Ban chỉ đạo để thực hiện Chương trình XD NTM đã được chính quyền các cấp thành lập và quan tâm củng cố, cơ cấu tổ chức xuyên suốt từ cấp huyện, đến cấp xã, cấp ấp.

- Ban chỉ đạo Chương trình XD NTM huyện theo định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết

đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình và thường xuyên tổ chức làm việc với các xã về công tác XD NTM, kịp thời đề ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc. Đồng thời chú trọng kiểm tra, giám sát, động viên, khen thưởng, biểu dương việc triển khai thực hiện của các xã. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo Chương trình XD NTM cấp huyện cũng tranh thủ, tiếp thu các ý kiến đóng góp, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tỉnh.

4. Hạn chế trong XD NTM tại Châu Phú và nguyên nhân

4.1. Những hạn chế

- *Về nhận thức:* Có lúc, có nơi, sự nhận thức về mục đích, ý nghĩa của chương trình xây dựng NTM của một số cấp ủy, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa cao, chưa đầy đủ.

- *Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện:* còn nặng về những chỉ tiêu cần vốn đầu tư như xây dựng cơ bản.

- *Về huy động vốn và cơ cấu nguồn vốn:* Việc huy động nguồn xã hội hóa còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH trong XD NTM chủ yếu từ NSNN, nhưng hạn hẹp.

- *Về cơ cấu kinh tế:* chuyên dịch chậm, chưa đồng bộ; tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa hợp lý; chậm đổi mới cách thức SX, thiếu ổn định trong SX nông nghiệp, quy mô SX nhỏ thường là phạm vi hộ gia đình, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ cao thấp, năng suất, chất lượng sản phẩm hạn chế. Kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại phát triển chậm, việc hợp tác liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn yếu.

- *Về liên kết kinh tế:* phát triển kinh tế hợp tác còn hạn chế, thiếu đa dạng, liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân chưa chặt chẽ, thiếu bền vững nên chưa tạo động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển.

- *Về hệ thống kết cấu hạ tầng*: vừa chậm phát triển vừa thiếu đồng bộ, đầu tư dàn trải, chưa đáp ứng yêu cầu của một nền SX hàng hóa quy mô lớn. Các xã đã có điện nhưng chưa thực sự đáp ứng đủ cho nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư. Các cơ sở phục vụ thương mại, dịch vụ (chợ, kho tàng, bến bãi,...) ở nông thôn còn ít. Hạ tầng giao thông như cầu, đường chưa phát triển đủ và đồng bộ.

- *Về hiệu quả sử dụng vốn*: Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn thấp, nhất là nguồn vốn đầu tư từ NSNN, trong khi nguồn vốn đầu tư hạn hẹp.

- *Về phát triển kinh tế*: Kinh tế tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng thấp, chưa dựa vào khoa học và công nghệ hiện đại, chưa nâng cao sự đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp (TFP), tăng trưởng chưa thật sự bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

4.2. Nguyên nhân của hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan**

- *Về điểm xuất phát của nền kinh tế*: khi triển khai XD NTM, nền kinh tế huyện còn ở mức thấp, kinh tế của các xã không đồng đều; thu nhập và mức sống của người dân còn thấp; Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội còn yếu kém, cụ thể là: các tuyến giao thông chưa thông suốt, tải trọng thấp cầu chưa đồng bộ với đường, các tuyến liên xã, liên ấp nhỏ, hẹp. Chợ nông thôn xuống cấp. Hệ thống bưu điện, trường học, cơ sở y tế, mạng lưới điện, các công trình thủy lợi, các công trình phục vụ văn hóa xã hội... còn thiếu, công trình đang có thì đa phần chưa đạt chuẩn.

- *Về cơ chế, chính sách*: một số cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn về XD NTM của các Bộ, ngành Trung ương còn chậm ban hành hoặc chậm điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tế của địa phương, nên vận dụng, áp dụng để triển khai tại các địa phương còn gặp nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính thống nhất chung. Mặt

khác, Trung ương chưa giao biên chế hành chính cho công tác xây dựng NTM.

- *Về phong tục tập quán*: một số thay đổi trong lối sống khi XD NTM gặp vướng mắc do phong tục tập quán. Cụ thể như rất khó quy hoạch, triển khai thực hiện một nghĩa trang nhân dân chung cho một số xã vì tập quán của người dân khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nói riêng thường chôn người chết gần nhà.

- *Do đặc điểm của SX nông nghiệp*: Nông nghiệp là một lĩnh vực rất phong phú, SX nông nghiệp gắn liền với thiên nhiên, với môi trường và gặp nhiều rủi ro, đặc biệt là đối với các vùng, các địa phương, các nước chưa phát triển, đất đai manh mún, nhỏ lẻ, đất đai xen trong các khu dân cư, khoa học kỹ thuật còn lạc hậu. Vì vậy việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế do đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn hiệu quả đầu tư không cao.

- *Hạn chế về nguồn vốn*: Nhu cầu vốn để thực hiện Chương trình xây dựng NTM rất lớn, trong đó phân vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng cho NTM gồm hạ tầng xã hội và hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng vốn đầu tư rất cao, nhưng nguồn vốn đầu tư thì chưa được đáp ứng đầy đủ và kịp thời theo nhu cầu. Nguồn vốn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, nguồn vốn hàng năm phân bổ từ ngân sách Trung ương còn thấp, nguồn ngân sách địa phương ít, nguồn huy động từ sức dân còn hạn chế là thách thức lớn đối với phát triển kinh tế và thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- *Công tác tuyên truyền, vận động còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu*: chính vì chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đã dẫn đến tình trạng một số cơ sở Đảng, chính quyền và một bộ phận cán bộ đảng viên nhận thức chưa rõ, đầy đủ về ý

nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình XD NTM.

Do nhận thức chưa rõ, đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM, chưa nắm vững công tác xây dựng NTM nên một số cơ sở Đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề tam nông “nông nghiệp, nông thôn, nông dân”, chưa thật sự quyết liệt, còn lúng túng, bị động, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình xây dựng NTM, sự phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ. Một số mô hình SX có hiệu quả, mang tính đặc trưng của từng vùng đã được tập trung xây dựng, nhưng chính quyền địa phương còn thiếu quan tâm trong việc tổ chức triển khai nhân rộng, nên chưa có tính lan tỏa và chỉ dừng lại ở một nhóm nhỏ tham gia.

Tác động nghiêm trọng hơn cả của công tác tuyên truyền, vận động không tốt là ở chỗ người dân nhận thức chưa đúng về vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM nên có tâm lý ngại đổi mới, còn nặng về tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa quan tâm đóng góp các nguồn lực, chưa tích cực đề ra các giải pháp để xây dựng NTM, chưa có ý thức cao trong kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Hiện nay, một thực tế đang diễn ra ở khu vực nông thôn khá phổ biến là người nông dân chỉ lo vun vén vì lợi ích của cá nhân và gia đình mình, không quan tâm việc chung, ý thức chưa cao trong bảo vệ môi trường nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi, một bộ phận không nhỏ khác ít thiết tha sản xuất nông nghiệp.

- *Hạn chế về nguồn nhân lực:* Trong XD NTM, có rất nhiều nhiệm vụ khó khăn phải thực hiện, do đó cần một đội ngũ cán bộ có đủ bản lĩnh để tập trung theo dõi xuyên suốt trong quá trình dài. Tuy vậy, trong thực tế quá trình XD NTM tại địa phương thời gian

qua, bộ máy chuyên trách về XD NTM từ huyện đến cơ sở vẫn còn thiếu và yếu. Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế, số lượng quá ít, hầu hết lại kiêm nhiệm nên còn lúng túng trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Ngoài ra, lực lượng nông cốt tại địa phương để xây dựng NTM còn thiếu, mặt bằng trình độ dân trí còn thấp, chất lượng lao động chưa cao. Một bộ phận không nhỏ lực lượng có trình độ, chất lượng thoát ly khỏi địa phương để tìm kiếm cơ hội việc làm ở nơi khác có thu nhập và đời sống cao hơn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến rất thiếu người để tham gia trực tiếp vào các công việc của chương trình.

- *Hạn chế trong công tác phối hợp thực hiện chương trình XD NTM:* mặc dù UBND huyện có tập trung chỉ đạo nhưng một số thành viên Ban chỉ đạo huyện tham gia còn hạn chế, nhất là việc theo dõi, hỗ trợ cho các xã điểm theo sự phân công của Trưởng ban; sự phối hợp thực hiện của một số cơ quan chức năng, các phòng, các đơn vị và các cơ sở chưa chặt chẽ, nhất là trong việc lập kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện tại các xã điểm, trong đề xuất các giải pháp để triển khai có hiệu quả và đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

5. Một số giải pháp đẩy mạnh XD NTM tại Châu Phú

Trên cơ sở thực trạng và tiềm năng của huyện Châu Phú, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy mạnh XD NTM tại Châu Phú như sau:

Một là, trước hết và quan trọng nhất là phải thực hiện tốt việc tổ chức công tác tuyên truyền, vận động. Thực tốt công tác này sẽ làm chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước về Chương trình XD NTM.

Hai là, thực hiện tốt việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, giúp cho địa phương có khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ nhà nước và trong dân để phục vụ Chương trình XD NTM;

Ba là, Quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển nguồn nhân lực nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của Chương trình XD NTM tại Châu Phú;

Bốn là, quan tâm đầu tư tối đa để phát triển nguồn lực thông tin, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay nhằm đảm bảo các cấp lãnh đạo có đủ điều kiện nắm bắt thông tin tốt nhất, từ đó chỉ đạo kịp thời, giúp cho việc thực hiện Chương trình XD NTM đạt kết quả tốt.;

Năm là, đẩy mạnh phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm phát triển kinh tế trên cơ sở cơ cấu kinh tế thích hợp để thực hiện mục tiêu cốt lõi của Chương trình XD NTM là nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn tại huyện Châu Phú;

Sáu là, đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng vì hệ thống kết cấu hạ tầng là công cụ hỗ trợ cho quá trình SX, sinh hoạt của mọi cá nhân và các tổ chức, là tổng thể các ngành vật chất – kỹ thuật, các loại hình hoạt động phục vụ SX và đời sống xã hội, là điều kiện tiên đề quan trọng để thúc đẩy phát triển KT-XH. Đặc biệt là trong điều kiện hiện tại hệ thống kết cấu hạ tầng của Châu Phú vẫn còn nhiều lạc hậu, đa số có quy mô nhỏ bé, chưa đồng bộ,..., vẫn đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển.

Bảy là, tăng cường sự quản lý điều hành của chính quyền. Trong quá trình XD NTM, cấp ủy, chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, động viên tinh thần để người dân phát huy vai trò chủ thể XD NTM. Giải pháp này nhằm tập

trung và tăng cường sự chỉ đạo sâu sát, thường xuyên, liên tục và đồng bộ của cấp ủy, các cấp chính quyền, đồng thời huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị để công tác XD NTM đạt hiệu quả cao.

6. Kết luận:

XD NTM là chính sách hợp lý, khoa học, tích hợp các biện pháp để phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Và để chính sách này thành công, cần phải thực hiện có từng bước, có lộ trình thích hợp và phải được chính những người dân ở cộng đồng dân cư chủ động thực hiện ngay từ khâu đầu. Vì vậy, cần phải khẳng định và phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện CT.MTQG XD NTM ở nước ta hiện nay và ở Châu phú. Ngoài ra, cần thiết phải thực hiện đồng bộ các giải pháp về vô, về hạ tầng, về kinh tế, về nguồn lực con người,v.v... để thúc đẩy nhanh sự thành công của Chương trình XD NTM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết 26 tại Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”* ngày 5 tháng 8 năm 2008.
2. Chính phủ (2008). *Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ xây dựng “CT.MTQG về XD NTM”*, ngày 28/10/2008.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
12. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số: 588/QĐ-TTg “Về việc ban hành Tiêu chí huyện NTM và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 05/4/2016.
13. Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số: 1980/QĐ-TTg “Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 17/10/2016.
14. UBND tỉnh An Giang (2016), *Quyết định số 3379/QĐ-UBND “Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020”*, ngày 28/11/2016.
15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2016). *Chương trình hành động số 04-CTr/TU “Về việc thực hiện CT.MTQG XD NTM giai đoạn 2016 - 2020”*, ngày 18/7/2016.
16. UBND tỉnh An Giang (2018). *Quyết định số 1005/QĐ-UBND “Về việc ban hành bộ tiêu chí Xã NTM nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2018 – 2020”*, ngày 08/5/2018.

Tác giả chịu trách nhiệm bài viết:

Họ và tên: Lê Vũ Phương

Nơi công tác: UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Điện thoại: 0984.000.766

Email: levuphuong1979@gmail.com

XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

TS. TRẦN ĐÌNH LÝ

